



Trang 1:

Chương 1: Sự hưng vọng của triều Tống

Năm 875

Hoàng Sào
hưởng ứng cuộc
khởi nghĩa
Vương Tiên Chi.

Trang 02: Thời kì Ngũ
Đại Thập Quốc

Trang 9: Nhà Tống dựng nước

Trang 24: Cuộc xâm lược
của các dân tộc bên ngoài

Năm 907

Tiết độ sứ Chu Ôn (Chu Toàn
Trung) tiêu diệt nhà Đường,
thành lập nhà Hậu Lương.

MỤC LỤC

Năm 1368

Người Mông Cổ bị xua về phương Bắc,
sử sách gọi là nhà Bắc Nguyên. ●
Chu Nguyên Chương thành lập triều Minh.



Năm 1271

Hốt Tất Liệt
đổi quốc hiệu
thành “nhà
Nguyên”, triều
Nguyên chính
thức được
thành lập.

Trang 159:

Niệm biểu
sự kiện lịch sử

Trang 146: Sự ra đời
của đế quốc Ottoman

Trang 39:

Chương 2: Đế quốc Mông Cổ xuất hiện

Năm 960

Triệu Khuông Dẫn
thay thế nhà Hậu
Chu, thành lập
triều Bắc Tống.

Năm 1127

Do bị nước Kim
tấn công, nhà
Bắc Tống dời
về phía Nam,
triều Nam Tống
ra đời.

Năm 1155

Thiết Mộc
Chân (về
sau xưng là
Thành Cát
Tư Hãn)
chào đời.

Năm 1227

Thành Cát Tư Hãn bị
bệnh và qua đời trên
đường trở về sau cuộc
viễn chinh nhà Tây Hạ.

Hàn quốc của Sát Hợp

Đài được thành lập ở
Trung Á (đến năm 1330).

Năm 1219

Thành Cát Tư Hãn
viễn chinh phương
Tây lần thứ nhất
(đến năm 1224).

Năm 1234

Hoàng đế nhà Kim tự
sát, triều Kim diệt vong.

Năm 1236

Bạt Đô bắt đầu viễn chinh châu Âu
(cuộc viễn chinh phương tây lần thứ
hai của quân Mông Cổ).

Năm 1258

Húc Liệt Ngột bắt đầu viễn chinh
Tây Nam Á (cuộc viễn chinh phương
tây lần thứ ba của quân Mông Cổ).

Năm 1260

Hốt Tất Liệt trở thành vị Đại Hãn
đời thứ năm của đế quốc Mông Cổ.



Trang 40: Cậu thiếu niên Thiết Mộc Chân

Trang 58: Sói xám Thành Cát Tư Hãn

Trang 85: Thành Cát Tư Hãn tung hoành vùng thảo nguyên

Trang 87:

Chương 3: Hốt Tất Liệt và triều Nguyên

Trang 88: Sự phát triển
của đế quốc

Trang 100: Triều đại
nhà Nguyên

Trang 111: Marco Polo
du lịch tới Trung Hoa

Trang 133:

Chương 4: Đế quốc Timur và đế quốc Mogul

Trang 145:

Chương 5: Đế quốc Ottoman

Trang 134: Đế quốc Timur được thành lập

Trang 141: Đế quốc Mogul và đền Taj Mahal



Lời mở đầu

Trong vòng năm thế kỉ (từ thế kỉ 11 đến thế kỉ 16), sự kiện quan trọng nhất trên thế giới chính là người Đột Quyết và người Mông Cổ từ nơi cư trú ban đầu là khu vực Trung Á và Đông Bắc Á bành trướng xuống hai châu lục Á – Âu. Đặc biệt là đế quốc Mông Cổ, họ đã chinh phục gần như cả châu Á và châu Âu trừ Đông Nam Á, Nhật Bản, Nam Án Độ và Tây Âu ra.

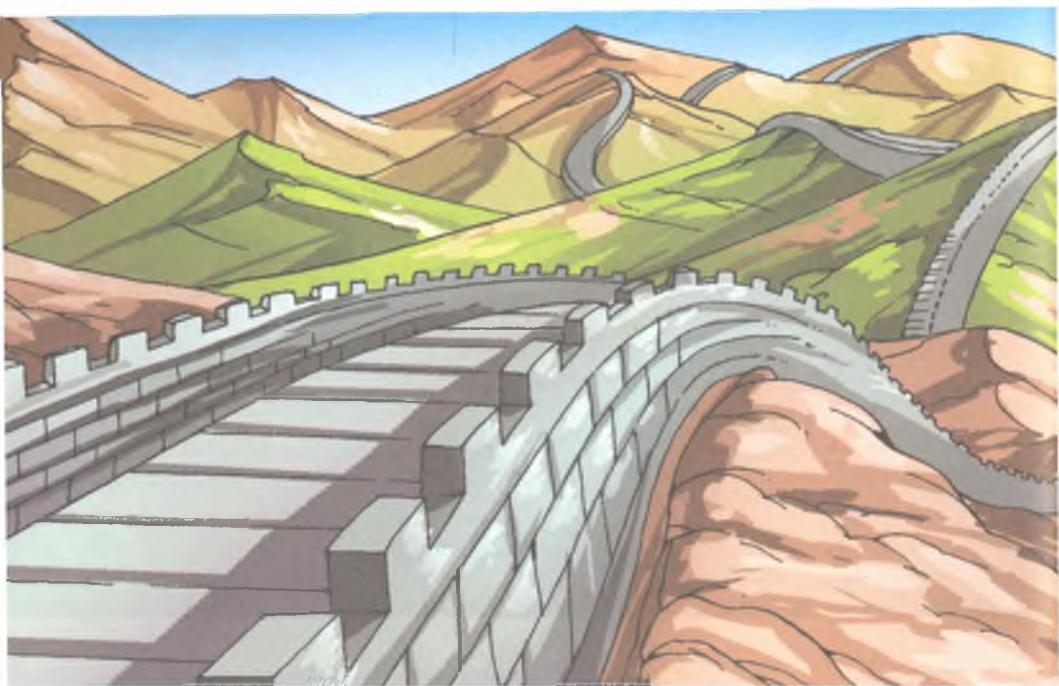
Vô số quốc gia và dân tộc đã khuất phục dưới vó ngựa của kị binh Mông Cổ. Người Mông Cổ giỏi chiến đấu cơ động, họ có thể tiến hành các cuộc tập kích chớp nhoáng liên tục mấy ngày liền mà không cần nghỉ ngơi và ăn uống.





Người ta kể rằng, khi quân Mông Cổ chiến đấu tại đồng bằng Hungary, chỉ trong vòng ba ngày họ đã di chuyển tới 434 km. Chiến thuật sở trường của họ là giả vờ bị tan vỡ đội hình, nếu kẻ thù tiếp tục truy kích thì sẽ rơi vào vòng vây. Họ học cách sử dụng thuốc súng từ các triều đại Trung Nguyên Trung Hoa và dùng nó để phá hủy tường thành. Quân Mông Cổ còn thường xuyên sử dụng chiến thuật tâm lí và khủng bố tinh thần. Đôi khi họ cho áp giải tù binh ra trước hàng quân để quân thù sợ “ném chuột vỡ bình”, không dám manh động. Còn khi công thành, nếu vấp phải đồi chút kháng cự, quân Mông Cổ bèn tàn sát người dân trong thành. Việc đó càng làm cho đối thủ vừa nghe tin đã sợ mất mật, buộc phải bỏ thành và đầu hàng. Có thể nói, những cuộc chinh phục của quân Mông Cổ với các nước châu Âu và châu Á là quyết liệt nhất, cũng là những cuộc xâm lược dã man cuối cùng của dân tộc du mục.

Thế nhưng, chỉ mấy chục năm ngắn ngủi sau khi thành lập, đế quốc Mông Cổ đã nhanh chóng sụp đổ. Nguyên nhân thật ra rất đơn giản, đó là nền tảng văn hóa của người Mông Cổ hay có thể nói là nền tảng văn minh của họ tương đối mong manh. Cho nên một khi từ trên lưng ngựa bước xuống, họ rất dễ bị đồng hóa. Rất nhiều người Mông Cổ chinh phục đất Nga đã hòa trộn vào xã hội Nga, còn những người Mông Cổ chinh phục triều đại Trung Nguyên thì lại bị dân tộc Hán đồng hóa hoàn toàn. Chỉ có một bộ phận người Mông Cổ ở lại trên thảo nguyên mới gìn giữ được truyền thống vốn có. Tuy nhiên từ đó tiếng tăm của họ cũng dần bị chìm lấp.



Sự bành trướng của đế quốc Mông Cổ còn có một ảnh hưởng quan trọng nữa, đó là giúp cho địa vị của người Đột Quyết trong thế giới Hồi giáo tăng lên. Vào năm người Mông Cổ chinh phục thế giới Ả Rập, do thấy binh lực không đủ mạnh, họ đã tuyển mộ số lượng lớn những người Đột Quyết. Thực ra người Đột Quyết còn xuất hiện sớm hơn người Mông Cổ, nhưng họ chưa từng thành công ở phương Đông như người Mông Cổ, mà trái lại bị người Trung Hoa đánh bại. Đầu thời kì nhà Đường, Đông Đột Quyết và Tây Đột Quyết lần lượt bị Đường Thái Tông và Đường Cao Tông tiêu diệt. Khi người Ả Rập thành công ở Trung Á, đại bộ phận người Đột Quyết theo Hồi giáo, sau đó họ bắt đầu mở rộng về phía thế giới Ả Rập. Trong 1.000 năm đầu tiên, một nhánh người Đột Quyết thành lập đế quốc Seljuk trên cao nguyên Iran. Quốc gia này không ngừng bành trướng xuống khu vực Tiểu Á. Đến cuối thế kỉ 13, một nhánh bộ lạc Đột Quyết định cư tại vùng Tiểu Á trở nên hùng mạnh. Họ đã thành lập đế quốc Ottoman. Đế quốc này có ảnh hưởng khá lớn đối với cả thế giới Ả Rập và Đông Âu. Đế quốc Ottoman được duy trì mãi tới thế kỉ 20, cho tới khi Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất kết thúc thì mới chịu “yên giấc ngàn thu”.

Chương 1: Sự hưng vong của triều Tống

Nội dung chính:

Thời kì Ngũ Đại Thập Quốc

Sự xuất hiện của Ngũ Đại Thập Quốc là hậu quả của tình trạng cát cứ phiến trấn* cuối thời nhà Đường, nhưng sự chia cắt này chỉ là tạm thời.

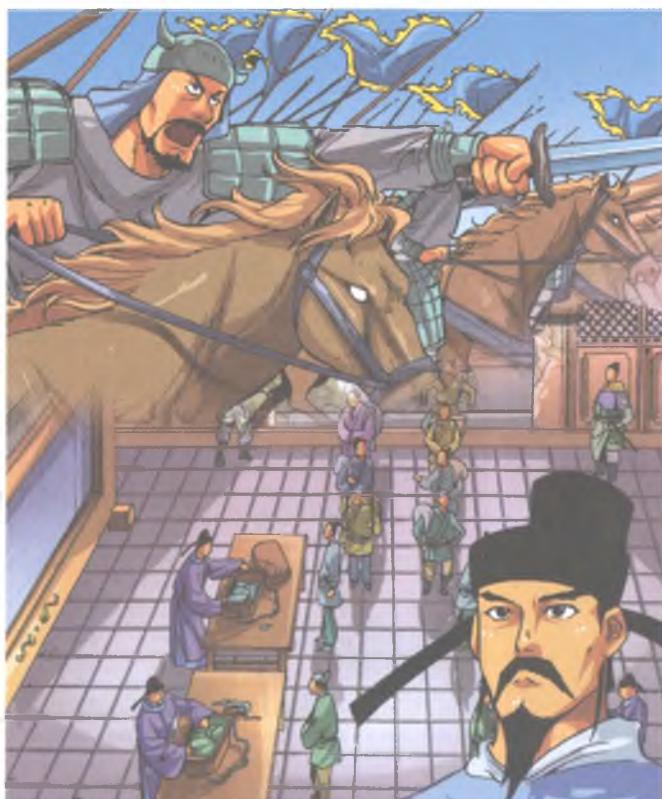
* Từ giữa thời nhà Đường, chức tiết độ sứ được thiết lập tại nơi biên cương và vùng trọng yếu để cai quản công việc quân sự địa phương. Về sau quyền lực dần dần lớn mạnh, họ kiêm luôn việc cai quản chính quyền dân sự và tài chính, hình thành nên thế lực đối kháng với triều đình.

Nhà Tống dựng nước

Triều đại nhà Tống thống nhất lại Trung Hoa. Kỹ thuật in bản khắc, thuốc súng quân dụng, chế độ khoa cử, sản xuất đồ gốm sứ, các loại hình văn học nghệ thuật như từ, hội họa, thư pháp... của triều đại nhà Tống đều có ảnh hưởng sâu rộng đến hậu thế.

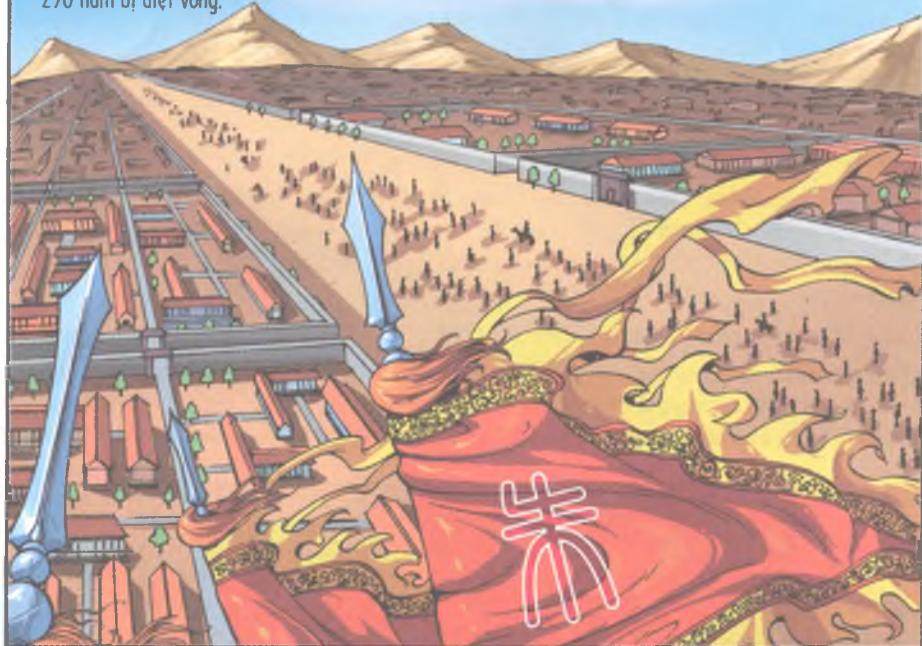
Cuộc xâm lược của các dân tộc bên ngoài

Đường như kể từ khi dựng nước, nhà Tống đã yếu ớt, trong lòng luôn canh cánh nỗi lo bị các dân tộc du mục từ phương Bắc tràn xuống. Cuối cùng, triều Tống diệt vong dưới móng ngựa của dân tộc du mục phương Bắc.

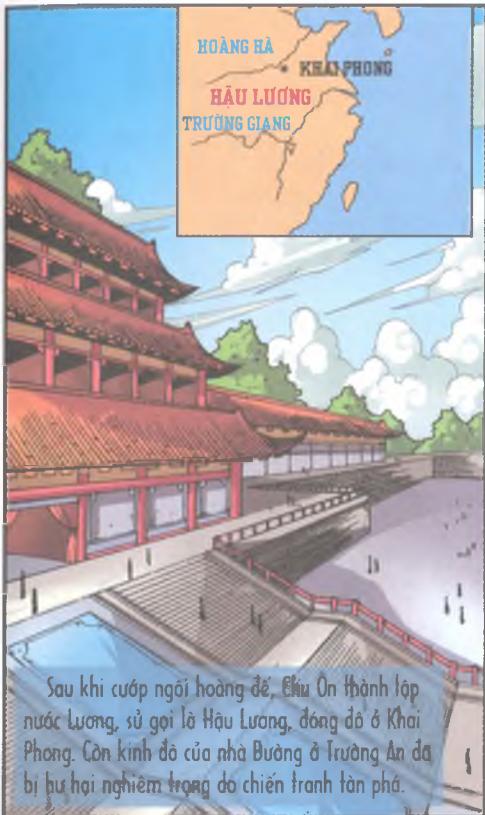


Thời Kì Ngũ Đại Thập Quốc

Cuối thế kỷ 9, trải qua cuộc nổi dậy của Hoàng Sào, thế lực nhà Đường bắt đầu suy yếu. Cuối cùng vào năm 907, do bị tiết độ sứ Chu Ôn cướp ngôi, triều đại nhà Đường kéo dài 290 năm bị diệt vong.



* Sau khi về nhà Đường thì được ban tên là Chu Toàn Trung, sau khi xưng đế thì đổi thành Chu Hoảng.



Nhà Hậu Lương chỉ giới hạn ở lưu vực sông Hoàng Hà và duy trì được vỏn vẹn 16 năm. Sau khi nhà Hậu Lương bị diệt vong, từ lưu vực sông Hoàng Hà lên phía Bắc xuất hiện bốn quốc gia là: Hậu Đường, Hậu Tần, Hậu Hán, Hậu Chu. Khu vực từ lưu vực sông Hoàng Hà xuống phía Nam thì lần lượt có 10 quốc gia được thành lập. Thời kì hỗn loạn này kéo dài 54 năm, sử sách gọi là "Ngũ Đại Thập Quốc".



Thời kì Ngũ Đại Thập Quốc tuy chiến tranh liên miên nhưng trình độ kĩ thuật tiến bộ. Đây là một chiếc lọ gốm đẹp như ngọc thời đó.



Năm 959, vị hoàng đế của nhà Hậu Chu tài giỏi nhất trong Ngũ Đại là Thế Tông băng hà. Cung Đế lên ngôi khi mới 7 tuổi.



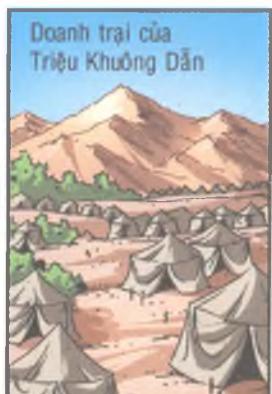


Năm 960, nước Liêu dẫn đầu quân chiếm đánh nhà Hậu Chu.





HÃY
ĐỂ
TRIỀU
KHUÔNG
DÂN NÀY
ĐÁNH BẠI
CHÚNG!



Thế là Triệu Khuông Dân dàn
quân chống lại quân Liêu.





R&A Tống dựng nước

Sau đó, Triệu Khuông Dân là một giang hồ với quân Liêu rải quay về Khai Phong.

TRẦM
NHƯỜNG NGÔI
HOÀNG ĐỀ
CHO TRIỆU
KHUÔNG
DÂN.

HOÀNG ĐỀ
VẬN TUẾ!

LIÊU
16 CHÂU YÊN, VÂN

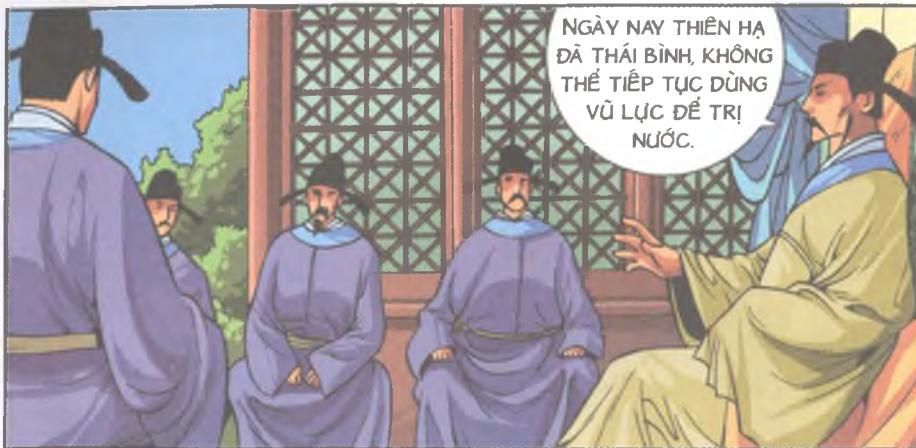
TÂY HẠ
HƯNG KHÁNH

KHAI
PHONG

TỐNG

Triệu Khuông Dân lên ngôi hoàng đế, đổi quốc hiệu thành nhà Tống, đóng đô ở Khai Phong. Sử gọi Triệu Khuông Dân là Tống Thái Tổ.





Chế độ khoa cử bắt nguồn từ triều Tùy. Đầu tiên người ta tổ chức thi Hương tại các vùng, sau đó những người thi đỗ thi tiếp tục lên kinh thành để tham gia thi Hội.

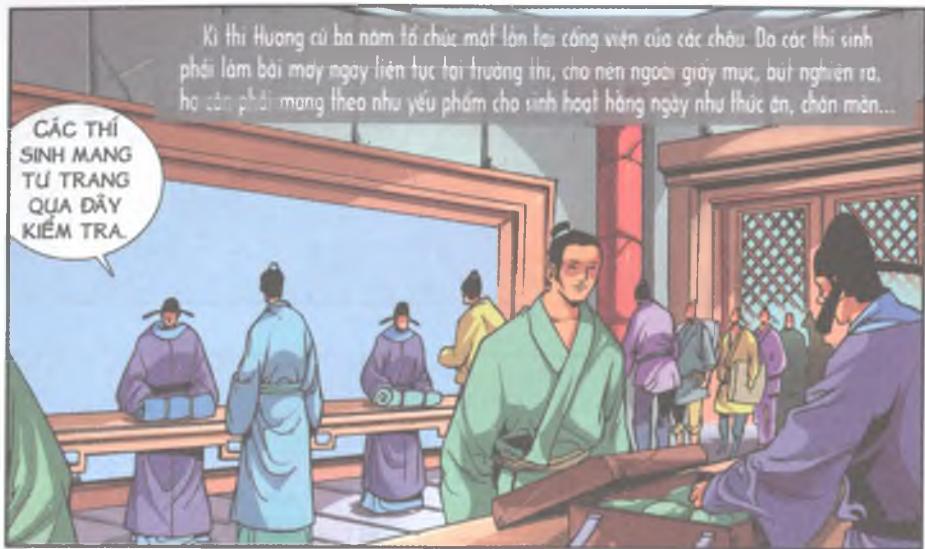
Chế độ khoa cử chính là cách chọn lựa nhân tài làm quan của các triều đại, giúp cho dân thường cũng có cơ hội tham gia chính quyền, việc này có ý nghĩa rất tích cực.

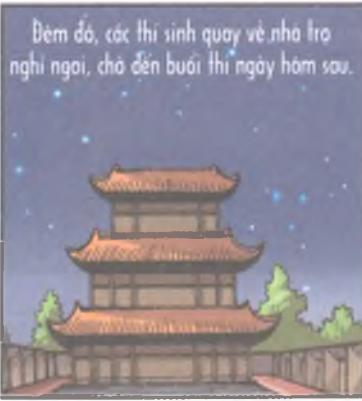


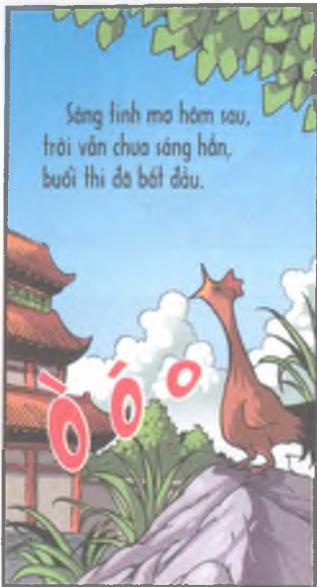
Chiếc áo lót thời cổ chép đầy nội dung thi cử nhằm mục đích gian lận.

Ché độ khoa cử không xét đến xuất thân của thí sinh. Do phải cạnh tranh khốc liệt nên các thí sinh thi rớt vài ba lần là chuyện thường, thậm chí có cả những thí sinh đầu tóc đã bạc phơ. Muốn thi đỗ thì các thí sinh cần phải thuộc lòng những nội dung hàng mấy trăm ngàn thậm chí là hàng mấy triệu câu, vì thế không ít thí sinh giờ đủ mánh khóe gian lận khi thi cử.

* Trước khi tham dự kì thi, thí sinh cần phải là đồng sinh hay tú tài.



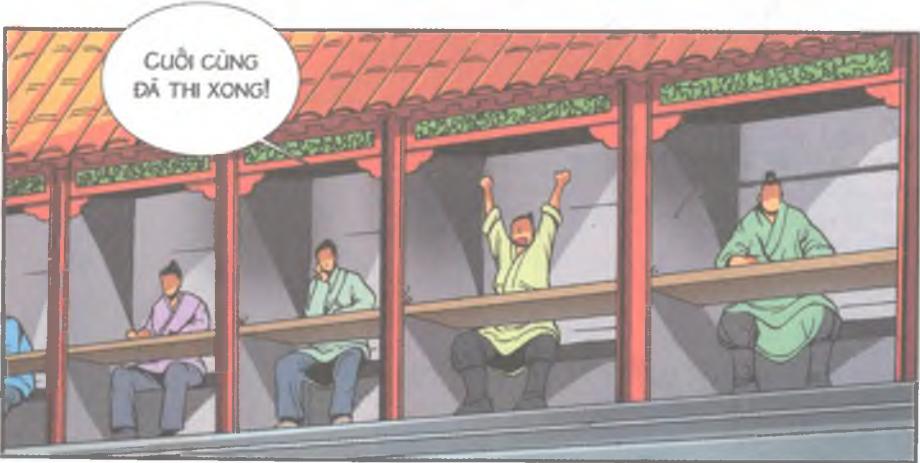




Sóng tĩnh mơ hồ sau,
trời vẫn chưa sáng hẳn,
buổi thi đã bắt đầu.

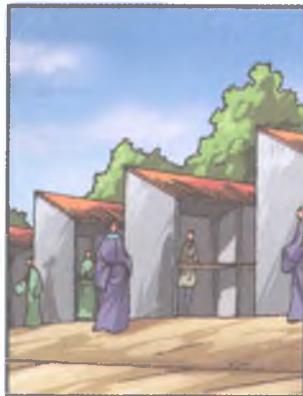


Chiều tối ngày cuối cùng,
sau khi tiếng chiêng đồng
vang lên, kì thi Hương kết thúc.



Một tháng sau, kết quả thi Hương đã có,
các nho dịch thông báo tới từng làng...





Hình thức thi Hương và thi Hội giống nhau nhưng độ khó khác nhau. Số người được lựa chọn không cố định, hoặc hàng chục hoặc hàng trăm người. Danh sách người thi đỗ thường được dán và công bố trước nhà môn. Người đỗ đạt có cơ hội tham gia thi Đình được tổ chức tại hoàng cung do hoàng đế đích thân chủ trì.









* Có bạn từ nỗi xa đến, chàng mừng lắm sao?



BỘ MÁY QUAN LẠI CỦA NHÀ TỔNG

Chế độ khoa cử khắt khe giúp chọn lọc nhân tài xuất chúng và sau này họ làm quan phò tá hoàng đế xử lý việc triều chính.

Dưới thời Tống Thái Tông Triệu Quang Nghĩa, cả nước từ chính quyền trung ương trả xuống được chia thành 15 lộ, dưới lộ là các phủ và châu, dưới nữa là các huyện.

CHẾ ĐỘ
QUAN LẠI CỦA
NHÀ TỔNG BẮT
CHƯỚC NHÀ
ĐƯỜNG.



DƯỚI
HOÀNG ĐỀ
LÀ CÁC BỘ VỚI
CHỨC NĂNG
KHÁC NHAU.

Tam ty
(tài chính)



Ngự sử dài
(giám sát)



Xu mật viện
(quân sự)



Trung thư môn hạ
(dân chính)



Quản lí chung về tài chính quốc gia, phụ trách trung thu thuế má và độc quyền bán muối, trà và quản lí các công trình thủy lợi.

Phụ trách khảo sát, đôn đốc quan lại các cấp.

Phụ trách pháp lệnh quốc gia về quân sự, bảo vệ triều đình, tiếp đón các sứ thần nước ngoài và làm nhiệm vụ cảnh vệ.

Phụ trách đời sống của nhân dân, phát triển các học thuật và thực hiện mệnh lệnh của hoàng đế.

Do bộ máy chính trị hoàn thiện, quản lý tháo
đóng nén đã thúc đẩy nông nghiệp và công
thương nghiệp phát triển.

NÔNG CỤ
ĐƯỢC CÀI
TIỀN NÊN
NĂNG SUẤT
CAO LẠI ĐỒ
TÔN SỨC.



CÓ THỂ
GẶT LÚA
ĐƯỢC RỒI
ĐÂY NHỈ?



VÀNG Ạ,
BÂY GIỜ MỘT
NĂM CÓ THỂ
THU HOẠCH
HAI VỤ.

LÀ GIỐNG LÚA
CHIỀM THÀNH
PHẢI KHÔNG?



GIỐNG LÚA
NÀY CÓ THỂ THU
HOẠCH SỚM VÀ
CHỊU HẠN TỐT.





Việc sử dụng nông cụ mới, phổ cập mọi năm hai vụ lúa cùng với các biện pháp khai khẩn đất đai khiến sản xuất nông nghiệp phát triển đáng kinh ngạc.

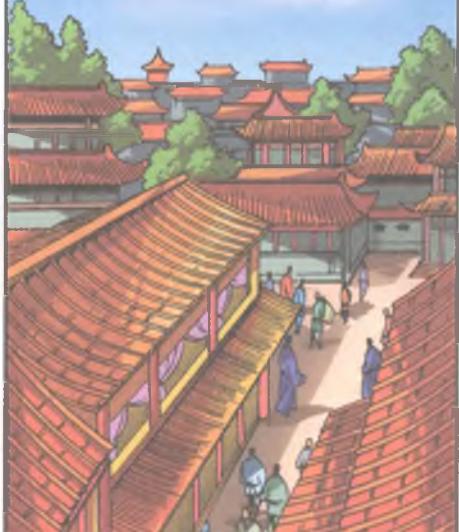


Mặt khác, ngày càng nhiều nông dân làm các công việc trồng chè, nuôi tằm.



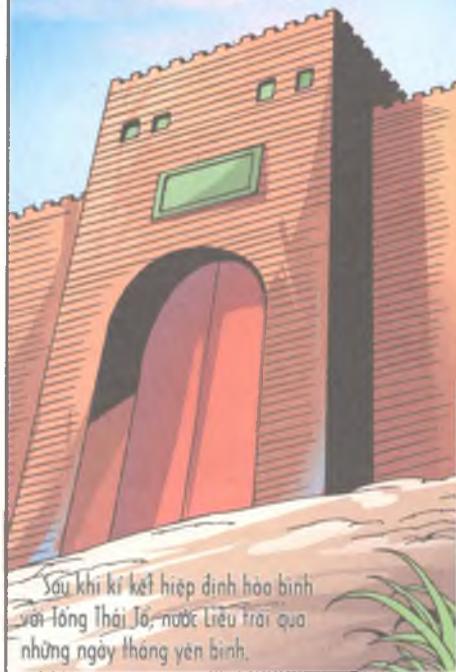


Dân số của Khai Phong thời đó hơn 1 triệu người. Từ sáng sớm trên phố người đi lại như mây cát. Đến tối mịt, trong các nhà hàng đã chật nich người, còn trong kịch viện thì hết sạch chỗ ngồi, thậm chí còn xuất hiện những nơi phục vụ thâu đêm.



* Một loại tiền giấy.

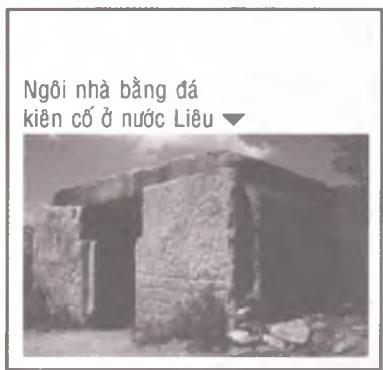
Cuộc xâm lược của dân tộc bên ngoài



Mùa thu năm 1004, hoàng đế nước Liêu dẫn đại quân lấn công nhà Tống.

TIỀN VỀ KHAI PHONG – KINH THÀNH CỦA NHÀ TỔNG!

Khai Phong

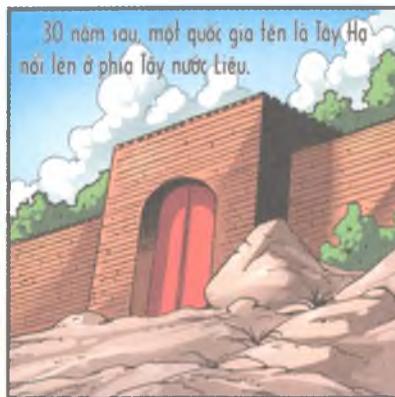


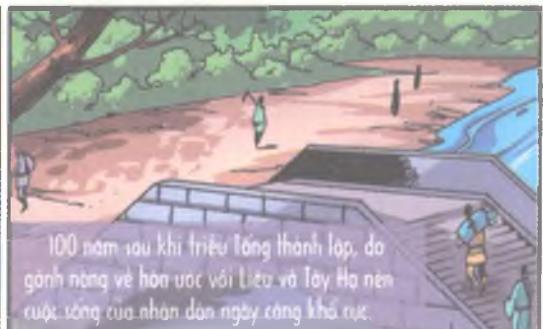


NỘI DUNG HÒA ƯỚC THIÊN UYỀN NHƯ SAU:

Hàng năm nhà Tống tặng cho nước Liêu
10 vạn lạng bạc trắng, 20 vạn xích lụa.

Hai nước kết nghĩa huynh đệ (nhà Tống là huynh, nước Liêu là đệ).





Do hàng năm đều phải chi trả luong lòn tiền bạc cho Liêu và Tây Hợp, thèm vào đó là bô máy quan lại không là, tình hình tài chính của nhà Tống bắt đầu “giật gùi vá vai”. Để giải quyết vấn đề này, Tống Thần Tông đã bổ nhiệm Vương An Thach làm tướng.

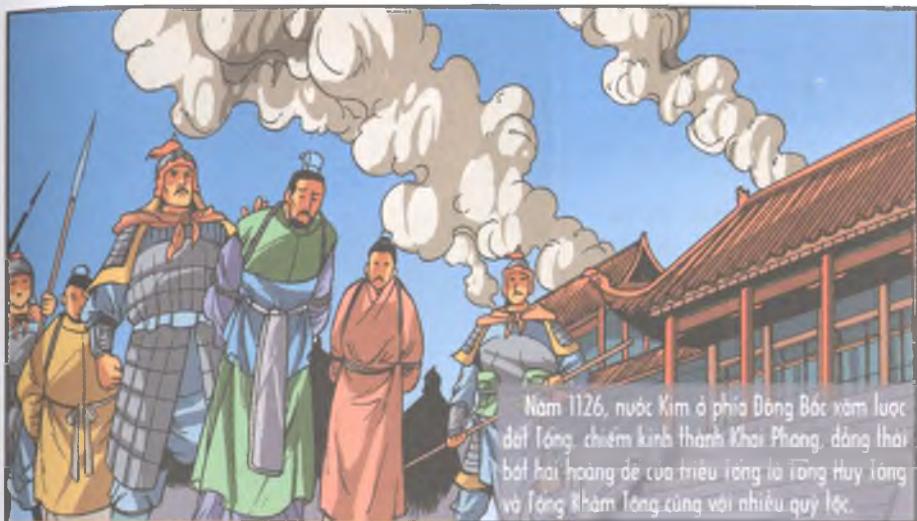
KHÔNG THỂ TIẾP TỤC NHƯ THẾ NÀY
ĐƯỢC MUỐN CHẮN NỮA. HƯNG ĐẠI TỔNG, LÀM CHO NƯỚC GIÀU BÌNH MẠNH, CẦN PHẢI THỰC THI LUẬT PHÁP MỚI!



Mô hình hoàng cung thời Bắc Tống ▼

Tuy có không ít người ủng hộ, nhưng thế lực của phe phản đối cải cách vô cùng lớn, vậy nên luật mới của Vương An Thach cũng không được thúc đẩy và thực thi.





Năm 1126, nước Kim ở phía Đông Bắc xâm lược đất Tống, chiếm kinh thành Khai Phong, đồng thời bắt hai hoàng đế của triều Tống là Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông cùng với nhiều quý tộc.

Năm 1127, Khang Vương Triệu Cầu (sau này là Tống Cao Tông) dẫn các quan đại thần trong triều vượt sông Trường Giang, làm lễ đăng quang ở Lam An, thành lập lại triều Tống, sử gọi là Nam Tống, triều đại bị tiêu diệt trước đó là Bắc Tống.

Lâm An – kinh đô của Bắc Tống

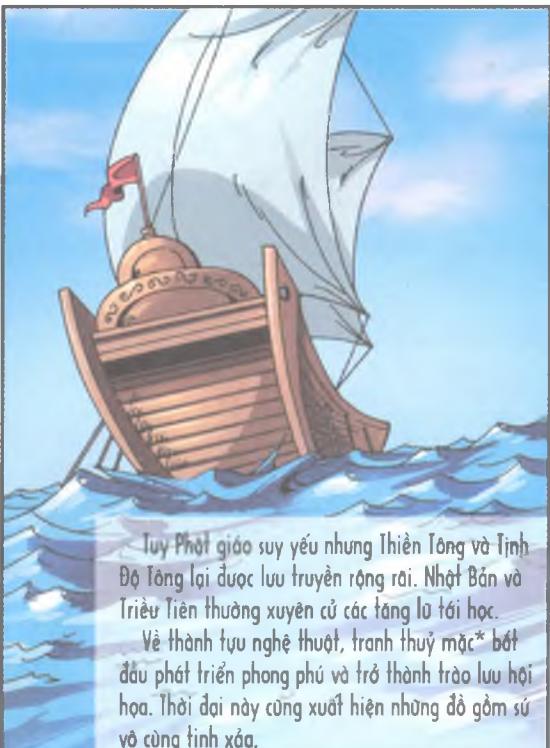


Lâm Ấن có tường thành kiên cố, thành lũy vững chãi. Cùng với việc triều Tống di chuyển kinh đô về phía Nam, nền văn hóa Trung Nguyên và khoa học kỹ thuật tiên tiến cũng nở rộ ở lưu vực sông Trường Giang.

Về phương diện học thuật, nhà Nho Chu Hỉ đã giúp nghiên cứu lí học đạt tới đỉnh cao mới, từ đó ảnh hưởng sâu rộng đến hậu thế.



HÌ VỌNG
TA CÓ THỂ ĐẾ
LẠI CHÚT LỜI
HAY VIỆC TỐT
CHO ĐỜI SAU



Tuy Phật giáo suy yếu nhưng Thiên Tông và Tịnh Độ Tông lại được lưu truyền rộng rãi. Nhật Bản và Triều Tiên thường xuyên cử các tăng lữ tới học.

Về thành tựu nghệ thuật, tranh thủy mặc* bắt đầu phát triển phong phú và trở thành trào lưu hội họa. Thời đại này cũng xuất hiện những đồ gốm sứ với cùng tinh xảo.

* Được vẽ bằng mực tàu trên giấy hoặc lụa.

Thời kì Ngũ Đại Thập Quốc

Sự diệt vong của triều Đường cùng với sự xuất hiện của Ngũ Đại Thập Quốc là kết quả trực tiếp của tình trạng cát cứ phiến trấn. Cuối thời nhà Đường, tiết độ sứ của các vùng đua nhau dụng binh xưng đế, Trung Hoa lại một lần nữa rơi vào tình trạng hỗn loạn và chia cắt, nhưng sự chia cắt này chỉ kéo dài khoảng 50 năm chứ không phải là hàng mấy thế kỉ như trước đây.

Cuối cùng triều Tống thống nhất Trung Hoa một lần nữa, song sự thống nhất dưới triều Tống không được quy mô như triều Hán và triều Đường. Nhược điểm của triều Tống chính là tương đối mềm yếu trong chính sách đối ngoại. Vào thời kì đó, Trung Hoa lại bị các dân tộc thiểu số phương Bắc đe dọa, nhưng người nhà Tống thiếu chí tiến thủ, họ chỉ muốn giữ lấy lợi ích đang có, kết quả là trở nên tương đối bị động trong mối

TÙ DIỄN BÁCH KHOA
LỊCH SỬ BỐ TÚI

quan hệ với người phương Bắc. Để giữ gìn hòa bình, nhà Tống áp dụng chính sách công nạp, nhưng các dân tộc thiểu số phương Bắc vẫn không từ bỏ dã tâm xâm chiếm lanh thổ Trung Hoa.

Năm 1126, nước Kim xâm chiếm Bắc Tống. Triều Tống đành phải an phận ở vùng Đông Nam, sử sách gọi là Nam Tống. Triều Nam Tống cũng không thể thoát khỏi sự quấy nhiễu và tấn công ồ ạt của các dân tộc phương Bắc, cuối cùng bị quân đội Mông Cổ hùng mạnh tiêu diệt.

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào

Cuối năm 874, Vương Tiên Chi cầm đầu các binh sĩ khởi nghĩa, vào năm đó Hoàng Sào cũng khởi binh hưởng ứng và nhanh chóng phát triển thành đội quân mẩy vạn người chống nhà Đường. Ít lâu sau, Vương Tiên Chi thất bại và qua đời, đội quân của ông bị sáp nhập vào đội quân của Hoàng Sào.

Năm 878, Hoàng Sào tự xưng là "Xung Thiên đại tướng quân", dẫn đại quân 600.000 người từ Quảng Tây ngược lên phía Bắc, các châu huyện kinh hoàng tháo chạy, quân Hoàng Sào chiếm được kinh đô Trường An một cách mau lẹ. Tháng 1 năm 881, Hoàng Sào xưng đế, thành lập nhà Nguyên, lấy niên hiệu là Kim Thống, đặt quốc hiệu là Đại Tề. Nhân cơ hội chính quyền của Hoàng Sào chưa ổn định, giữa những người nhà Đường còn sót lại và quân Hoàng Sào xảy ra vài cuộc chiến tranh giành, hai bên đều bị tổn thất.

Năm 883, thế lực của quân Hoàng Sào dần dần suy yếu và buộc phải rút quân. Vào tháng 6 cùng năm, Hoàng Sào dẫn hơn 1.000 tàn quân lui về cố thủ ở vùng Thái An, giao chiến với quân

nha Đường ở thung lũng Hổ Lang. Sau khi đại bại, Hoàng Sào bị tướng dưới quyền làm phản giết hại, cuộc khởi nghĩa chấm dứt.

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào giáng thêm một đòn chí mạng vào chính quyền nhà Đường vốn đã mục ruỗng. Sau đó, triều Đường cố gắng duy trì thêm được hơn 20 năm nữa, cuối cùng vào năm 907 thì bị thay thế bởi triều Hậu Lương do tiết độ sứ Chu Toàn Trung (Chu Ôn) lập nên.



Tiết độ sứ

Tiết độ sứ xuất hiện vào khoảng năm 710-711 (thời Đường Duệ Tông), chính thức là chức quan võ vào năm 713-714. Thời đó, Đường Huyền Tông lập 10 tiết độ sứ. Họ chủ yếu quản lí công việc quân sự tại địa phương, để phòng giặc ngoại xâm, nhưng không có quyền quản lí dân sự tại các châu huyện. Thế nhưng đến cuối thời Đường, quyền lực của tiết độ sứ ngày càng lớn, họ bắt đầu nắm giữ quyền kiểm soát cả chính trị, kinh tế lẫn quân sự của địa phương, gần tương đương với vua nước chư hầu. Do quyền lực của tiết độ sứ quá lớn, một khi họ dấy binh tạo phản thì hậu quả khôn lường, vì thế khi bổ nhiệm tiết độ sứ, hoàng đế phải suy xét cẩn thận. Dù vậy dưới triều Đường vẫn xảy ra cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn, từ đó triều Đường từ thịnh chuyển thành suy.

Nhà Hậu Đường tuy nước nhỏ mà trường tồn

Năm 907, Chu Ôn buộc Đường Ai Đế thoái vị, rồi xưng đế, lập ra nhà Hậu Đường, đóng đô ở Biện Lương, hiệu là phủ Khai Phong. Phạm vi cai quản của nhà Hậu Đường chỉ thuộc vùng Trung Nguyên, là quốc gia có diện tích nhỏ nhất dưới thời Ngũ Đại, nhưng lại tồn tại lâu nhất với tổng cộng 17 năm và trải qua ba đời hoàng đế.

Trước và sau khi Chu Ôn xưng đế, ông từng áp dụng các biện pháp canh nông có thường, giảm thuế má, nên khôi phục được sản xuất nông nghiệp phần nào. Nhưng tính cách tàn bạo, đa nghi và lối sống trụy lạc của ông đem lại vô số đau thương cho quốc gia và trăm họ. Nhà Hậu Đường còn phải chiến đấu nhiều năm với cha con Lý Khắc Dụng và Lý Tồn Úc ở đất Thái Nguyên nên tổn thất nặng nề, đất nước ngày một suy yếu. Tháng 6 năm 912, con trai thứ ba của Chu Ôn là Chu Hữu Khuê hành thích phụ hoàng và xưng đế. Năm sau, con trai thứ tư của Chu Ôn là Chu Hữu Trinh phát động binh biến, Chu Hữu Khuê tự sát. Năm 923, Lý Tồn Úc của nhà Hậu Đường đánh chiếm Khai Phong, nhà Hậu Đường bị diệt vong.

Các vị quân chủ nhà Hậu Đường

Năm 923, Lý Tồn Úc xưng đế ở Ngụy Châu, vẫn lấy quốc hiệu là Đường, sử gọi là nhà Hậu Đường, đóng đô ở Lạc Dương. Tháng 10 năm 923, Lý Tồn Úc tấn công Khai Phong, Lương Mạt Đế Chu Hữu Trinh tự vẫn, nhà Hậu Đường diệt vong.

Trước khi đăng quang, Lý Tồn Úc có tài hơn người, rất được lòng dân chúng. Sau khi xưng đế, ông lại càng phát huy được sở trường chính chiến tài giỏi của mình, tiến thêm một bước thống nhất lưu vực sông Hoàng Hà, thế lực mở rộng đến tận thượng nguồn sông Trường Giang. Nhưng khi đó Lý Tồn Úc bắt đầu kiêu ngạo tự mãn, mưu cầu hưởng lạc, trọng dụng thái giám và ninh thần, để mặc các quan lại vor vết tiền bạc, thu các khoản sưu cao thuế nặng. Lý Tồn Úc còn nghi ngờ vô lối các quan đại thần, nghe theo những lời gièm pha mà giết hại công thần.

Văn võ bá quan trong triều đều cảm thấy lo sợ, rất nhiều tướng sĩ bất mãn.

Năm 926, Lý Tồn Úc cử con nuôi Lý Tự Nguyên dẹp loạn. Lý Tự Nguyên vốn bị Lý Tồn Úc nghi kị nên nhân cơ hội đó hợp binh với quân phản loạn, Lý Tồn Úc bị giết chết. Lý Tự Nguyên xưng đế, tức Hậu Đường Minh Tông. Sau khi Minh Tông lên ngôi, ông lập tức bắt tay cải cách chính trị, cùng khôi phục đất nước với dân, là vị minh quân vô cùng hiếm thấy dưới thời Ngũ Đại. Năm 933, Minh Tông lâm bệnh và qua đời, con trai ông là Lý Tòng Hậu lên ngôi. Ít lâu sau, tiết độ sứ Lý Tòng Kha dấy binh, tự xưng hoàng đế, và cũng là vị hoàng đế cuối cùng của nhà Hậu Đường. Năm 936, Thạch Kính Đường dẫn quân Khiết Đan tấn công Lạc Dương, Lý Tòng Kha tự sát, nhà Hậu Đường diệt vong.

Nhà Hậu Tấn chịu đựng áp bức và Mạng nhẹ để sống qua ngày

Thạch Kính Đường là người Sa Đà, con rể của Hậu Đường Minh Tông, từng đảm nhận các chức quan: lưu thủ Bắc Kinh, tiết độ sứ Hà Đông. Để giành được sự ủng hộ của người Khiết Đan, ông đã bái vua Khiết Đan là Gia Luật Đức Quang (Liêu Thái Tông) làm cha, xưng thân với Khiết Đan, hứa hẹn sau khi xưng đế thì cắt nhượng 16 châu Yên - Vân cho Khiết Đan, hàng năm còn cống nạp 30 vạn vúc lụa.

Năm 936, với sự ủng hộ của Gia Luật Đức Quang, Thạch Kính Đường thành lập nhà Tấn, sử gọi là Hậu Tấn. Cùng năm đó, nhà Tấn diệt nhà Đường, đóng đô ở Khai Phong. Trong thời gian trị vì, Thạch Kính Đường tiếp tục phát triển nông nghiệp, tao thuận lợi cho thương nhân, khiến kinh tế sản xuất của vùng Trung Nguyên phần nào ổn định. Nhưng do gánh nặng về cống nạp, thêm vào đó Thạch Kính Đường cũng bắt đầu mưu cầu hưởng lạc, gánh nặng thuế khóa của nhân dân lại càng tăng thêm.

Năm 942, bị áp bức và lăng nhục tận cùng, Thạch Kính Đường uất ức mà chết. Cháu nội của ông là Thạch Trọng Quý lên ngôi, hiệu Thiếu Đế. Thạch Trọng Quý không muốn lệ thuộc vào Khiết Đan khiêm Gia Luật Đức Quang vô cùng bất mãn, dẫn quân đánh phạt nhà Hậu Tấn. Thiếu Đế kiên quyết phản công, nghênh chiến ba lần. Năm 946, đại tướng Đỗ Uy của nhà Tấn hàng Khiết Đan, Thiếu Đế bị bắt, nhà Hậu Tấn diệt vong.

Cơ nghiệp nhà Hậu Chu được nhà Tống kế thừa

Vị hoàng đế khai quốc của nhà Hậu Chu là Quách Uy (ông cũng là vị khai quốc công thần của nhà Hậu Hán). Ông nổi lên trong cuộc tranh giành quyền lực của nhà Hậu Hán. Tháng Giêng năm 951, Quách Uy lên ngôi hoàng đế, đổi quốc hiệu thành nhà Chu, sử gọi là Hậu Chu, vẫn đóng đô tại Khai Phong.

Trong thời gian trị vì, Quách Uy cải cách ảnh hưởng chính trị của triều đại trước, giảm nhẹ hình phạt, xóa bỏ các loại thuế bất hợp lý, cùng khôi phục đất nước với nhân dân, làm cho nhà Hậu Chu trở thành triều đại khá hùng mạnh trong Ngũ Đại.

Năm 954, Hậu Chu Thái Tổ Quách Uy lâm bệnh và qua đời, con nuôi của ông là Sài Vinh kế vị, sử gọi là Hậu Chu Thế Tông. Sài Vinh chính đốn chẽ độ quan lại, phát phiếu thăm dò để rộng đường ngôn luận, còn xác định mức thuế theo ruộng, xây dựng công trình thủy lợi, khuyến khích

Nhà Hậu Hán sớm mở tài tàn

Năm 947, vua đất Thái Nguyên là Lưu Tri Viễn xưng đế dựng nước ở Thái Nguyên, sử gọi là nhà Hậu Hán. Nhà Hậu Hán lấy Khai Phong làm kinh đô.

Lưu Tri Viễn chỉ làm hoàng đế một năm, nhưng lại lấy hình phạt nghiêm khắc để trị nước, thậm chí xem mạng người như cỏ rách, ông được coi là bạo chúa trong Ngũ Đại. Sau khi Lưu Tri Viễn qua đời, con trai ông là Lưu Thủ Hựu kế vị, là Hậu Hán Án Đế. Sau khi Lưu Thủ Hựu lên ngôi, giới quyền quý cũ và mới tranh chấp liên tục. Năm 950, mâu thuẫn trong triều đình cuối cùng bùng nổ, Án Đế bị giết trong cuộc nổi loạn. Phụ trách công việc phòng ngự quân Khiết Đan là Quách Uy lập tiết độ sứ Vũ Ninh là Lưu Uẩn (cháu của Lưu Tri Viễn) làm hoàng đế, còn mình thì đứng sau rèm thao túng quyền lực quốc gia, nhà Hậu Hán tồn tại trên danh nghĩa nhưng thực tế đã diệt vong. Ít lâu sau, Quách Uy liền cử người giết Lưu Uẩn, nhà Hậu Hán kết thúc và trở thành triều đại có tuổi thọ ngắn nhất trong Ngũ Đại Thập Quốc.

canh nông... Những việc làm đó giúp nhà Hậu Chu không ngừng lớn mạnh. Sau này Hậu Chu Thế Tông quyết tâm thống nhất Trung Hoa, trước khi qua đời vào năm 39 tuổi, ông đã hẫu như thống nhất được vùng Trung Nguyên từ sông Trường Giang về phía Bắc, thu hồi được nhiều vùng đất mà nhà Hậu Tấn dâng nhượng cho nước Liêu, đặt nền móng cho việc thống nhất Trung Hoa của nhà Bắc Tống sau đó.

Sau khi Hậu Chu Thế Tông qua đời, con trai thứ tư của ông là Sài Tông Huân lên ngôi, tức là Hậu Chu Cung Đế. Tiếc là Cung Đế tuổi còn nhỏ nên không thể cai trị thiên hạ. Tháng Giêng năm 960, thủ lĩnh đội cầm vũ quân của nhà Hậu Chu là Triệu Khuông Dẫn khoác hoàng bào lên người trong cuộc binh biến Trần Kiều, ép Cung Đế nhường ngôi, nhà Hậu Chu diệt vong, thời kì Ngũ Đại Thập Quốc kết thúc.

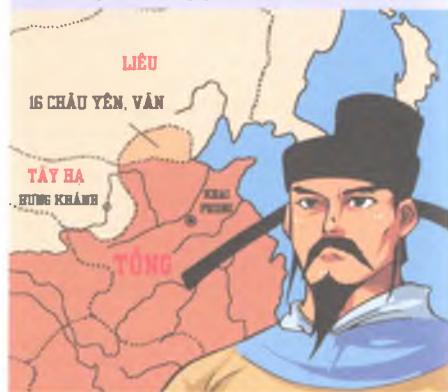
Hai triều đại nhà Tống sinh ra không gặp thời

Năm 960, thủ lĩnh đội cấm vệ quân của nhà Hậu Chu là Triệu Khuông Dẫn trên đường xuất quân đã phát động cuộc binh biến Trần Kiều, ép Cung Đế thoái vị, rồi lập ra nhà Tống, gọi là Bắc Tống. Triệu Khuông Dẫn là Tống Thái Tổ, hoàng đế khai quốc của triều Tống. Sau khi thành lập, triều Tống thống nhất lại vùng Trung Nguyên, kết thúc tình trạng chia năm xẻ bảy từ cuối thời Đường. Không may là các nước Liêu, Kim, Tây Hạ... vốn được thành lập cùng thời với nhà Tống lại vô cùng hùng mạnh, vì thế chính quyền Bắc Tống luôn bị đe dọa.

Cuối thời Bắc Tống, quan lại thối nát, các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra. Nước Kim hùng mạnh sau khi tiêu diệt nước Liêu đã trực tiếp chia mũi giáo về phía triều Bắc Tống. Năm 1127, quân Kim công phá thành Khai Phong, bắt hai cha con hoàng đế Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông, cướp một lượng lớn của cải, từ đó triều đại Bắc Tống bị diệt vong, sứ gọi là sự kiện Tĩnh Khang.

Sau sự kiện Tĩnh Khang, em trai của Tống Khâm Tông là Triệu Cửu xây dựng kinh đô Lâm

An, sứ gọi là Nam Tống. Ông ra sức khai khẩn lùu vực sông Hoàng Hà, làm cho kinh tế xã hội của phương Nam tiếp tục phát triển và phồn vinh. Nhưng về mặt quân sự thì triều Nam Tống lại luôn khuất phục trước kẻ thù mạnh ở phương Bắc, cuối cùng bị nhà Nguyên tiêu diệt.



Nước Liêu bị nhà Kim tiêu diệt

Nước Liêu (916 - 1125) là triều đại do dân tộc Khiết Đan thành lập, kinh đô đặt tại phủ Lâm Hoàng, Thượng Kinh, người sáng lập là Gia Luật A Bảo Cố, trải qua tổng cộng 9 đời hoàng đế trong 210 năm. Lãnh thổ của họ chủ yếu gồm các vùng Đông Bắc, Nội Mông, Cam Túc của Trung Quốc và nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ ngày nay.

Nước Liêu dựa theo trình độ phát triển của các vùng miền và các dân tộc để đặt ra các chế độ cai trị tương ứng, chẳng hạn như chế độ bộ tộc, chế độ nô lệ, chế độ phong kiến tộc Hán... Sau khi nước Liêu có được 16 châu Yên - Văn từ tay nhà Tống, họ tiến thêm một bước là tiếp thu nền chính trị Trung Nguyên, khiến chế độ phong kiến dân tộc Hán mà họ áp dụng ngày càng hoàn thiện.

Về sau, sự xuất hiện của nhà Kim dần dần đe dọa tới sự thống trị của nước Liêu. Năm 1115, quân Kim chiếm trấn trọng yếu của nước Liêu là phủ Hoàng Long, đồng thời kí kết liên minh trên biển với triều Tống để cùng tấn công nước Liêu. Vài năm sau, quân Kim lần lượt chiếm được phần lớn lãnh thổ của nước Liêu. Năm 1125, Liêu Thiên Tộ Đế bị quân Kim bắt, nước Liêu diệt vong.

Hòa ước Thiền Uyên

Năm 1004, Tiêu thái hậu và hoàng đế Thánh Tông của nước Liêu đích thân dẫn đại quân xuống phía Nam xâm lược bờ cõi nhà Tống. Quân chủ lực của hai bên giằng co với nhau tới hơn 10 ngày ở Thiền Uyên. Khi đó, quân Tống chiếm thế thượng phong, quân Liêu bị kim hâm tiến thoái lưỡng nan, nhuệ khí giảm sút. Tiêu thái hậu sợ bị bao vây từ phía nên đã cử người bí mật cầu hòa với nhà Tống. Vốn tính do dự thiếu quyết đoán, Tống Chân Tông tán thành, qua mấy lần trao đổi qua lại, hai nước đi đến kí kết hòa ước: Hàng năm nhà Tống tặng cho nước Liêu 20 vạn xúc lụa; 10 vạn lạng bạc, hai nước kết nghĩa anh em. Do hòa ước được kí kết tại Thiền Uyên nên được gọi là hòa ước Thiền Uyên.

Hòa ước Thiền Uyên làm cho nhà Tống bị sỉ nhục, phải chịu tổn thất, nhưng cũng duy trì được hòa bình giữa hai nước Tống - Liêu trong hơn 100 năm. Việc này vô cùng có lợi cho sự phát triển mậu dịch giữa hai nước, sự giao lưu và hòa hợp giữa hai dân tộc.

Nội dung cải cách pháp luật của Vương An Thạch

Sau khi lên ngôi, Tống Thần Tông Triệu Húc quyết tâm thực hiện cải cách. Tháng 4 năm 1068, ông cho triệu Vương An Thạch vào triều để xuất cải cách chế độ luật pháp để nước giàu binh mạnh. Nội dung chủ yếu của pháp luật mới như sau:

Luật thanh miêu: Mùa xuân hàng năm vào thời kì giáp hạt (thời kì lúa cũ ăn đã hết, lúa mới chưa chín), chính phủ cho nông dân vay tiền với lãi suất thấp hoặc cho dân vay lương thực, đến mùa thu thì dân trả lại. Tránh được tình trạng nông dân bị địa chủ cưỡng hào bóc lột với lãi suất cao.

Luật miễn quân dịch: Các hộ dân nộp tiền miễn quân dịch dựa theo đẳng cấp giàu nghèo, để các quan phủ thuế người thực hiện nghĩa vụ thay. Những địa chủ, quan lại không cần phải tham gia quân dịch cũng phải nộp tiền.

Luật thủy lợi nông nghiệp: Chính phủ khuyến khích nông dân khai khẩn đất hoang, xây dựng

công trình thủy lợi, phát triển sản xuất nông nghiệp, đồng thời thực hiện khen thưởng bằng vật chất ở mức nhất định.

Luật phuong dien quan thuế (đo đất tính thuế): Chính phủ đo đạc lại đất đai, dựa vào tình trạng tốt xấu và diện tích của đất mà quy định lại về mức thuế mà dân phải nộp.

Luật bảo giáp (tương tự chế độ quản lí hộ tịch): Chính phủ quản lí nông dân theo hộ gia đình, cứ 10 nhà là 1 bảo, 5 bảo là 1 đại bảo, 10 đại bảo là 1 đô bảo. Địa chủ làm bảo trưởng, đại bảo trưởng và đô bảo chính. Mỗi nhà có 2 người trở lên là thanh niên khỏe mạnh thì phải có 1 người đứng ra làm bảo định, thời bình thì phải luyện tập, duy trì trật an của địa phương, thời chiến thì phải hành quân chiến đấu.

Nhạc Phi tận trung báo quốc bị hàm oan mà chết

Nhạc Phi (1103 - 1142) tự là Bằng Cử, người huyện Thanh Âm, Tương Châu. Từ nhỏ ông đã cẩn cù hiếu học, giỏi võ nghệ. Năm 19 tuổi, ông đầu quân chống giặc Liêu, không lâu sau vì cha mất nên ông quay về quê hương. Năm 1126, quân Kim ở át xẩm lược đất Trung Nguyên, Nhạc Phi lại một lần nữa tòng quân. Nghe nói trước khi Nhạc Phi lên đường, mẹ của ông từng xăm lên lưng ông bốn chữ "tận trung báo quốc". Từ đó Nhạc Phi bắt đầu cuộc đời gian nan chống lại quân Kim.

Nhạc Phi không những giỏi mưu lược mà trị quân cũng rất nghiêm minh. Đội "Nhạc gia quân" của ông khiến kẻ thù mới nghe tiếng đã sợ mất mặt. Cả cuộc đời ông đích thân chỉ huy 126 trận đánh và chưa từng bị thất bại, ông xứng đáng với tên gọi là vị tướng quân toàn thắng. Nhưng cũng chính vì thế, Nhạc Phi trở thành mầm họa của nước Kim. Nhạc Phi một lòng muốn thu phục phần đất đã mất ở phương Bắc, nhưng hoàng đế Tống Cao Tông vốn an phận ở Nam Tống và thừa

tướng Trần Cối lại một lòng muốn cầu hòa, dùng liên tiếp 12 lệnh kim bài để triệu Nhạc Phi quay về kinh đô Lâm An. Lệnh vua khó cưỡng, Nhạc Phi đành phải vâng lệnh quay về triều. Không ngờ sau khi về đến Lâm An, ông liền bị tước bỏ binh quyền, ít lâu sau thì bị vu cho tội muu phản và bị tổng giam vào ngục. Ngày 24 tháng 1 năm 1142, Nhạc Phi cùng con trai Nhạc Văn và tướng dưới quyền là Trương Hiến bị giết hại tại dinh Phong Ba ở Lâm An.

Nhạc Phi vừa giỏi văn lại vừa giỏi võ, các tác phẩm nổi tiếng của ông gồm có: "Nhạc Vũ Mục di văn", trong đó bài từ "Mẫn giang hồng" là tuyệt tác thiên cổ trong thi đàn.



Chế độ chiêu mộ binh lính

Chế độ chiêu mộ binh lính là chính sách quốc phòng mà quốc gia bỏ tiền chiêu mộ nguồn lính chuyên nghiệp, hay tuyển mộ lính đánh thuê. Từ sau thời Ngũ Đại, chế độ chiêu mộ binh lính thay thế cho chế độ gọi nhập ngũ, giảm nhẹ gánh nặng lao dịch phu phen của dân thường, là một sự thay đổi lớn của chế độ đi lính thời kì phong kiến.

Triều Tống luôn kiên trì thực hiện chế độ chiêu mộ lính, phân phát bổng lộc cho tướng sĩ các cấp, vì thế có thể chiêu mộ được đông đảo dân lưu lạc và dân đối di lính vào năm có thiên tai, ngăn chặn được các cuộc khởi nghĩa nông dân.

Triều Tống còn tiến hành khảo sát chọn lựa định kì hoặc không định kì đối với quân sĩ các cấp. Những người khỏe mạnh, dũng mãnh có thể được thăng cấp. Những người không đạt yêu cầu thì phải giáng cấp. Tuy nhiên khi thi hành thực tế thì lại không đúng như dự tính ban đầu. Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn từng lấy những quân sĩ cương tráng để làm tiêu chuẩn chiêu mộ, nhưng khi chiêu mộ thực tế thì lại có cả những người già yếu bệnh tật trà trộn vào. Thậm chí khi nguồn lính cạn kiệt, người ta cũng cưỡng chế bắt phu cho dù quân.

Sinh hoạt giải trí của dân thành Khai Phong

Cư dân thành Khai Phong sau một ngày bận rộn cũng có các thú vui giải trí riêng. Vì thế, những nơi dành cho dân chúng giải trí gọi là "ngõa xá" mọc lên như nấm. Trong "ngõa xá" phản thành các "cầu lan" là khu biểu diễn những trò giải trí khác nhau. Tại đây không chỉ biểu diễn các tiết mục kịch đặc sắc mà còn có dịch vụ đi kèm như hàng bách hóa, dược phẩm, bói toán, đánh bạc, ẩm thực, cắt tóc, tranh giấy... Đêm xuống, những người có tiền đến uống rượu, xem kịch, ăn quà vặt, mua sắm. Ngoài ra họ còn có thể thưởng thức các tiết mục biểu diễn đặc sắc như đi trên dây thép, leo cột tre, đấu vật, chơi gà, kịch chó lùn, múa rối cung với các trò nuốt dao, thổi lửa, thuật thổi miên đến từ Tây Vực, hoặc là các trò thi đấu như bắn cung, ném thẻ vào bình rượu, chơi cờ, hoặc là lắng nghe thư đố đậm luận chuyện cổ kim. Thời đó còn có các lễ hội như rước thành hoàng mỗi năm một lần, ngắm hoa đăng lễ Nguyên tiêu, trẩy hội đạp thanh dầu xuân, ngắm trang tiết Trung thu... Nói chung nhân dân dưới triều Tống sinh hoạt giải trí rất đa dạng.

Kinh đô của triều Bắc Tống

Dưới triều Bắc Tống, cùng với sự phát triển của nông nghiệp và thủ công nghiệp, các thành thị cũng ngày một phồn vinh, đặc biệt là kinh đô của Bắc Tống. Bố cục của kinh thành Khai Phong đã phá vỡ hình thái phố phường thôn xóm kiểu đóng kín trước đó, trở thành kinh thành mang tính mở cửa gồm phố và chợ cùng hợp nhất. Bố cục kiến trúc kiểu đó ảnh hưởng đến việc xây dựng đô thị của các triều đại sau này, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của nghề thủ công và thương mại, dân chúng từ khắp mọi miền đất nước đều tụ hội về kinh đô, sứ thần các nước trên thế giới qua lại với nhà Tống. Thành Khai Phong không chỉ là trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật của Trung Hoa, mà còn là đô thị lớn nhất thế giới thời bấy giờ. Trong kinh thành, các cửa hiệu mọc lên khắp ngõ ngách phố phường, phố xá vô cùng tấp nập, cần thứ gì có thứ đó, thậm chí còn có nhà tắm công cộng, quán tuấn bồ ốc và vọng hỏa lâu (tương đương với đội cảnh sát tuần tra và đội phòng cháy chữa cháy ngày nay), các tăng đạo phụ trách trực ca còn kiểm cả bảo thori tiết.

Giao tử - tiền giấy thời Bắc Tống

Đầu thời Bắc Tống, ở Tứ Xuyên xuất hiện những hiệu cầm đồ nhận giữ tiền mặt cho các thương nhân mang theo những khoản tiền cực lớn bằng "giao tử". Giao tử thời đó tương tự như giấy chứng nhận gửi tiền, tức là nhei hai tờ chứng nhận khớp nhau là người ta có thể giao tiền. Khi gửi tiền ở hiệu cầm đồ, người ta diễn con số lên tờ giao tử làm bằng một loại giấy đặc biệt. Lúc họ rút tiền mặt, mỗi lần rút phải nộp cho hiệu cầm đồ 30 xu phí thủ tục. Do hình thức gửi rút tiền này thuận tiện dễ dàng nên các cửa hiệu cầm đồ dần dần mở rộng ra toàn quốc. Trong những năm 1004 đến 1007, triều đình cho phép phát hành giao tử. Năm 1024, triều Bắc Tống chính thức phát hành tiền giấy chia làm mấy loại mệnh giá. Năm 1105 triều Bắc Tống thực hiện cải cách chế độ tiền giấy, đổi tên "giao tử" thành "tiền dẫn" và lưu hành rộng rãi trên toàn quốc.

Giao tử là tiền giấy cổ nhất tại Trung Hoa, thậm chí là trên thế giới. Sự xuất hiện của nó đã thúc đẩy tiền tệ bước vào một giai đoạn hoàn toàn mới.



Tổng từ

Nhà Tống có một loại hình văn nghệ đặc sắc đó là "tứ", kiều thơ được phối nhạc theo một lèn điệu nhất định để biểu diễn. Mỗi bài tứ đều có tên của một lèn điệu và được gọi là "tứ bài". Do các câu trong bài tứ dài ngắn theo sự thay đổi nhịp điệu, nên đời sau gọi là "trường đoạn câu". Một bài tứ đa phần do hai khổ trên dưới ghép lại, nhiều bài thậm chí còn có ba, bốn khổ. Căn cứ vào nội dung tư tưởng mà bài tứ thể hiện, người ta chia thành hai thể loại: "uyển chuyển hàm súc" và "phóng khoáng". Thời đó, những người viết tứ nổi tiếng có Liễu Vĩnh, Tô Thức của nhà Bắc Tống; Tân Khí Tật, Lý Thanh Chiêu của nhà Nam Tống.

Trong thời gian trị vì của hoàng đế Nhân Tông Triệu Trinh nhà Bắc Tống (1023 - 1063), sự phát triển về kinh tế, thành thị, sự phong phú của đời sống văn hóa cùng với sự thíc đẩy mở rộng chế độ ca kĩ đã giúp cho từ phát triển hưng thịnh. Do từ có thể phối hợp với lèn điệu để ngâm nga nên từ đó nó trở thành hình thức văn nghệ "sang hèn" cùng thường thức, "thiên hạ đều ngâm nga", là một đinh cao khác ngang hàng với thơ Đường trong lịch sử thơ ca của Trung Hoa.

Súng kíp của Trung Quốc có nguồn gốc từ triều Nam Tống

Thời Nam Tống, để phòng ngừa sự xâm lược của quân Kim, người ta liên tục nghĩ cách cải tiến vũ khí. Năm 1132, một nhà quân sự tên là Trần Quy dựa trên cơ sở cải tiến vũ khí của các đời trước đã phát minh ra súng kíp.

Súng kíp là loại súng hình ống xuất hiện sớm nhất ở Trung Hoa. Nó gồm đoạn thân trục dài, khi sử dụng thì nhồi đầy thuốc nổ vào, lúc chiến đấu cần hai binh sĩ cùng hợp tác, sau khi bắt lửa nó có thể phóng ra luồng lửa đốt cháy kẽ địch. So với phương pháp tác chiến dùng mìn bắn đá ở các đời trước thì súng kíp dễ bắn trúng mục tiêu hơn và cũng thuận tiện hơn khi thao tác.

Về sau, có rất nhiều người cải tiến súng kíp. Súng phun lửa được phát minh vào cuối triều Nam Tống cũng được làm bằng ống trục, nhưng bên trong không những đặt thuốc nổ mà còn có thêm một thứ gọi là "mồi nổ", sau khi châm ngòi thì sẽ phát ra đám lửa-trước, tiếp đó bắn ra mồi nổ. Mồi nổ có thể coi là một loại đạn sơ khai.

Cho dù súng kíp và súng phun lửa đều dùng ống trục làm nòng, khiến uy lực của nó bị hạn chế, nhưng trong lịch sử vũ khí thì chúng lại là một bước nhảy vọt quan trọng. Các loại súng pháo thời cận đại đều phát triển từ những loại súng này.

Bồ gốm sứ nhà Tống đạt tới đỉnh cao

Triều đại nhà Tống là thời đại hoàng kim của gốm sứ Trung Hoa. Đồ gốm sứ nhà Tống là sự kết hợp hoàn mĩ giữa nghệ thuật tinh xảo và công nghệ chính xác, cũng là thương hiệu của Trung Hoa thời bấy giờ. Dưới thời nhà Tống, các lò gốm lớn đều có những bí quyết sáng tạo về chất liệu, màu sắc, cách trang trí..., cho nên các sản phẩm đồ gốm tinh xảo nhiều vô kể, thể hiện sự tôn尊重 vẻ đẹp tự nhiên và cái thu say mê nghệ thuật huyền hoặc cổ xưa của nhà Tống, tạo nên đẳng cấp trong lịch sử nghề gốm sứ Trung Hoa. Các loại gốm sứ nổi tiếng thời đó gốm: sứ trắng do lò Định sản xuất; sứ hoa văn màu do lò Từ Châu sản xuất; sứ men đổi màu từ sứ đỏ, sứ xanh do lò Diêu sản xuất; sứ xanh do lò Diêu Châu ở phía Bắc, lò Việt và lò Long Tuyền ở phía Nam sản xuất; sứ xanh trắng, sứ đen, các loại sứ men đổi màu từ sứ đen do các lò gốm sứ ở trấn Cảnh Đức, Giang Tây sản xuất.

Nhà Tống bắt đầu gieo lúa nước

Do lúa gạo thơm ngon, dẽ tiêu hóa, giàu dinh dưỡng, thuận tiện cho việc nấu nướng, sau khi xay xát còn tiện cất trữ, cho nên đến thời nhà Tống, lúa gạo dần dần trở thành lương thực chủ yếu. Nhà nước còn khuyến khích người dân khai hoang trồng lúa bằng các chính sách miễn giảm thuế. Nông dân mở ruộng bên cạnh ao hồ, đầm lầy và ven sông, đồng thời khai khẩn ruộng bậc thang bên sườn núi, tiếp đó áp dụng kỹ thuật tưới tiêu như đắp đê, bơm nước... để cải thiện môi trường trồng trọt.

Việc phổ cập trồng lúa nước của triều Tống không chỉ thay đổi vấn đề lương thực mà còn thay đổi cả hình thức lao động ban đầu của nông dân. Từ đó trở đi, người nông dân phải dành nhiều thời gian cho loại cây nông nghiệp này, từ cày ruộng, gieo mạ, nhổ mạ, bón phân, trừ cỏ, tưới tiêu, thoát nước, thu hoạch... vì thế người ta nói: "Đào thơm một hạt, đắng cay muôn phần" cũng chẳng khoa trương chút nào.



Tổng Huy Tông sáng tạo ra “Sáu kim thể”

Hoàng đế Tổng Huy Tông Triệu Cát của nhà Bắc Tống không hề có đóng góp về chính trị, nhưng lại là một nhà nghệ thuật vô cùng tài hoa. Trên cơ sở học theo lối chữ của các nhà thư pháp hàng đầu đời trước, ông đã sáng tạo ra loại chữ thư pháp “Sáu kim thể” vô cùng đặc sắc.

Với Sáu kim thể, phải dùng bút viết thành những nét thật thanh mảnh, vuông thẳng và sắc bén. Có người đã hình dung nó như thế này: “Nét ngang thu bút thêm móc, nét số thu bút thêm chấm, nét phẩy như mũi dao, nét mác như nhát cắt, nét số móc thanh mảnh và móc vào bên trong, nét bút bay múa và dứt khoát, Khải thư mà viết được thành thần thái rõ ràng như vậy thì thật hiếm có khó tìm.” Nhà thư pháp đầu thời Minh là Đào Tông Nghi trong cuốn “Thư sử hội yếu” cho rằng thư pháp đến chuẩn mực nhà Đường đã là kiện toàn, nhưng Tổng Huy Tông vẫn có được sự sáng tạo thì quả thực rất đáng trân trọng.

Kỹ thuật in bản khắc của triều Tống và cùng phát triển

Kỹ thuật in bản khắc bắt nguồn từ thế kỉ 7. Khi triều đại nhà Tống bước vào thời kì cực thịnh, kỹ thuật sản xuất phát triển, người ta vô cùng chú ý đến chất lượng in ấn. Khi thành sách, giấy dai và trắng, nét chữ thanh mảnh đẹp mắt, màu mực nhạt thơm, vẽ sau mới xuất hiện kỹ thuật in rời. Những cuốn sách của triều Tống được cất giữ cẩn thận trong Thư viện Quốc gia Trung Quốc, cho tới nay vẫn còn tỏa ra hương thơm phảng phất. Vào thời đó, tác phẩm in ấn khá nổi tiếng gồm bộ “Đại Tạng kinh” được bắt đầu in bản khắc vào năm 971, tổng cộng dùng tới 130.000 bản khắc, in ra 1.076 bộ, 5.048 quyển và mất 12 năm mới hoàn thành, có thể nói đây là một công trình vĩ đại.

Do chính quyền nhà Tống ra sức phổ cập và thúc đẩy kỹ thuật in ấn nên các nhà xuất bản tư nhân ra đời hàng loạt, chẳng hạn như bộ “Giáp chú hoa nghiêm kinh” do thương nhân Từ Tiên in bản khắc dưới thời Tống Triết Tông (1086 - 1100) còn được vận chuyển tới Triều Tiên để bán và thu được một khoản lãi lớn.

Tác phẩm “Mộng Khê bút đậm” có giá trị to lớn

“Mộng khê bút đậm” là tác phẩm nổi tiếng về khoa học kĩ thuật viết dưới dạng bút kí của tác giả Thẩm Quát. Ông là nhà khoa học xuất sắc và nhà chính trị văn võ song toàn thời Bắc Tống. Sách gọi ông là “học rộng giỏi văn chương; các lĩnh vực như thiên văn, dư địa chí, luật lịch, âm nhạc, y dược, bói toán, không gì là không tinh thông, tất cả đều có tác phẩm nghiên cứu.” Bộ sách này là những gì tinh túy và chất lọc nhất về kiến thức và những điều mắt thấy tai nghe trong suốt cuộc đời ông. Do bộ sách được ông viết ở Mộng Khê Viên nên đặt tên là “Mộng Khê bút đậm”.

Cả bộ sách “Mộng Khê bút đậm” gồm 17 phần đề cập tới rất nhiều lĩnh vực như: câu chuyện, nhạc luật, văn học nghệ thuật, thư họa, kĩ nghệ, khí dụng, thần kì, dị sự (chuyện lạ), mận ngộ (hiểu lầm), cõi ngược (châm biếm), tạp chí, được nghỉ... Nội dung mênh mông bao la, cần gì có nấy, có giá trị quan trọng về sử học và khoa học kĩ thuật.

“Mộng Khê bút đậm” được coi là bộ sách cột mốc trong lịch sử khoa học kĩ thuật của Trung Hoa, được các học giả vô cùng coi trọng.

Bộ diệp

Do các hoàng đế nhà Đường và nhà Tống đã phần đều ủng hộ Phật giáo, chùa chiền và giới tăng lữ được hưởng rất nhiều đặc quyền, vì thế có thời kì nhiều người đổ xô cao đầu đi tu.

Để hạn chế số người xuất gia, bảo đảm việc thu thuế bình thường, triều đình nhà Tống quy định: Tất cả chùa chiền, đạo quán mới xây dựng phải được triều đình ban cho sắc ngạch thì mới hợp pháp. Số lượng tăng đồ mới cạo đầu cũng giới hạn ở mức nhất định và thường phải trải qua kỉ thi mỗi năm một lần, nghiêm cấm mọi người tự cạo đầu cho nhau. Mỗi tăng đạo hợp pháp sẽ được Từ bộ (nơi phụ trách công việc tôn giáo và quản lý các tăng lữ) phát một tấm thẻ “độ diệp” (tương tự như giấy chứng nhận tư cách xuất gia). Kiểu chiếu thư phong tặng này thường được viết trên loại giấy hoa văn ngũ sắc đặc biệt, thời xưa “độ diệp” còn được gọi là “ngũ hoa quan cáo”, “ngũ hoa độ diệp”, trên tấm thẻ còn có nhiều chữ kí và con dấu của các quan, cộng thêm với kĩ thuật in màu bản khắc tinh xảo dưới thời Tống, tấm thẻ không những vô cùng đẹp mắt mà còn khó làm giả.

Chương 2: Đế quốc Mông Cổ xuất hiện

Nội dung chính:

Cậu thiếu niên Thiết Mộc Chân

Khi người con trai cả của tù trưởng Dã Tốc Cai thuộc bộ lạc Khất Nhan, Mông Cổ cất tiếng khóc chào đời, cũng là lúc Dã Tốc Cai vừa đánh thắng trận. Thủ lĩnh của đám tù binh tên là Thiết Mộc Chân nên Dã Tốc Cai đã lấy tên Thiết Mộc Chân đặt cho con trai mình để kỉ niệm trận thắng đó. Thiết Mộc Chân chính là Thành Cát Tư Hãn sau này.

Sói xám Thành Cát Tư Hãn

Sau khi lớn lên, Thiết Mộc Chân hầu như kiểm soát cả khu vực Mông Cổ. Mùa xuân năm 1206, Thiết Mộc Chân triệu tập một cuộc họp lớn tại thượng nguồn sông Onon, tất cả các bộ lạc đều nhất trí tiến cử ông làm “Thành Cát Tư Hãn” – thủ lĩnh tối cao của các bộ lạc Mông Cổ.

Thành Cát Tư Hãn tung hoành vùng thảo nguyên

Sau khi thống nhất các bộ lạc Mông Cổ, Thành Cát Tư Hãn bắt đầu tiến hành các cuộc chiến tranh thôn tính với quy mô lớn. Trong các trận chiến với người Hung Nô, người Hán, người Khiết Đan, người Nữ Chân, đại quân Mông Cổ đều bách chiến bách thắng.





Cậu thiếu niên Thiết Mộc Chân

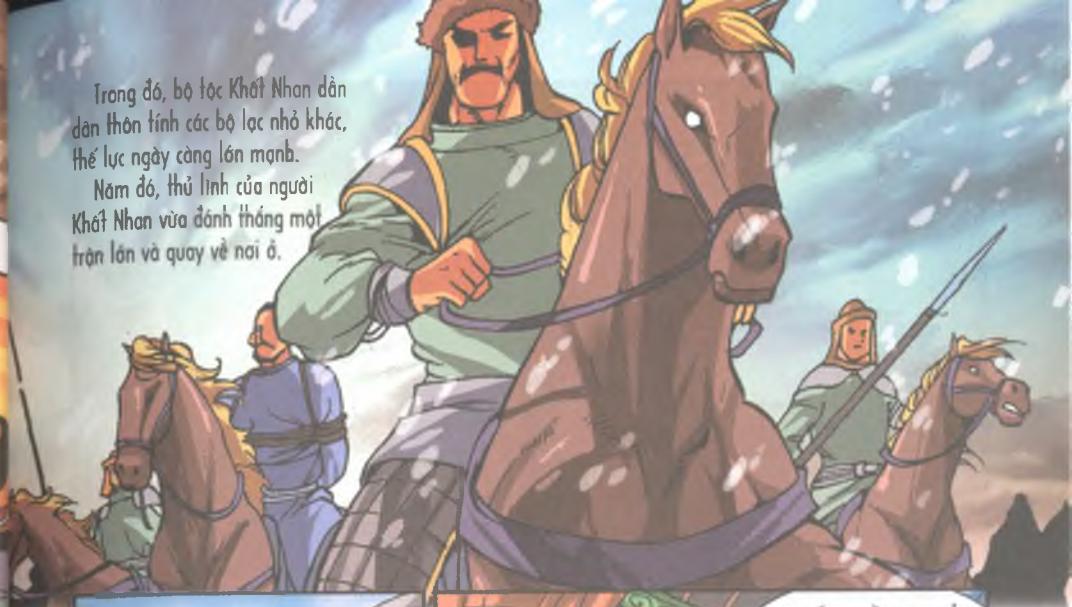
Thời gian thâm thoát trôi qua, trên cao nguyên Mông Cổ xuất hiện một nhánh dân tộc du mục gọi là dân tộc Mông Cổ, có một truyền thuyết tuyệt đẹp về tổ tiên của họ như sau:

Ngay xưa ngày xưa, trên cao nguyên Mông Cổ có một con sói xám do trời cử xuống để lây một con hươu trắng làm vua. Chung bàng qua hồ Baikal rồi định cư dưới chân núi Baikal Nhị Hán và sinh sôi con cháu đông. Hầu hết con cháu chính là dân tộc Mông Cổ.



Trong đó, bộ tộc Khết Nhan dàn dân thôn tính các bộ lạc nhỏ khác, thế lực ngày càng lớn mạnh.

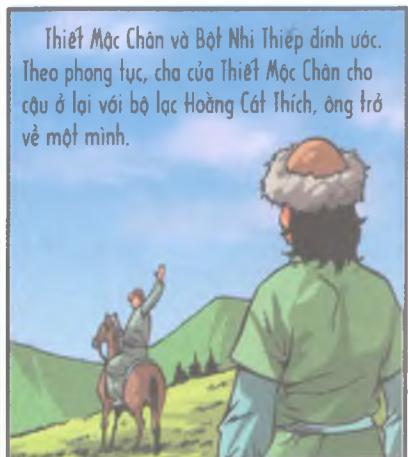
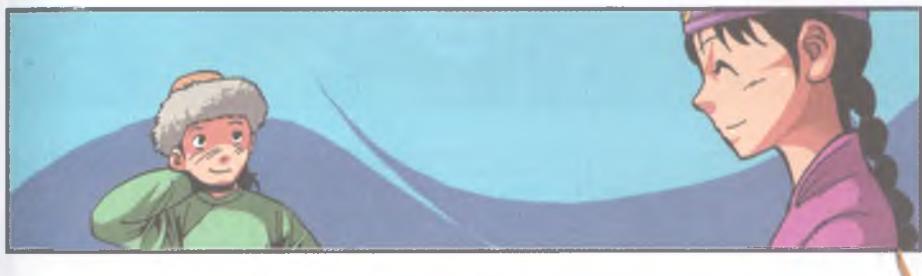
Năm đó, thủ lĩnh của người Khết Nhan vừa đánh thắng một trận lớn và quay về nơi ẩn.

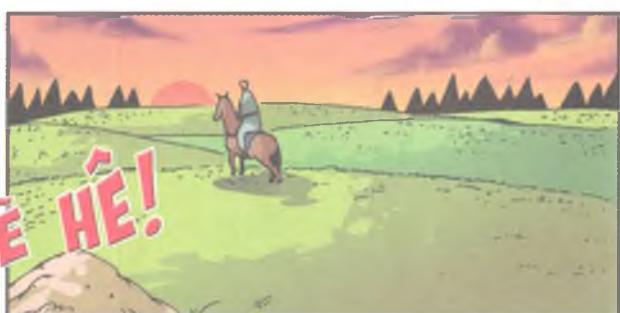




Sau đó, Thiết Mộc Chân lớn lên
trên thảo nguyên, cậu có hai em trai
và một em gái, thêm cả hai anh em
cùng cha khác mẹ nữa.









Thú linh trúng độc và qua đời. Thiết Mộc Chân cũng được triệu về bộ lạc để tham dự tang lễ của nó.







Sau đó, mấy mẹ già con côi
nhớ họ lang bạt khắp nơi, gánh
nặng chàm sóc gia đình cũng đe
lên voi Thiet Moc Chan.





Một ngày kia, một toán đàn ông lén lút tụ tập ở bên ngoài khu lều của gia đình Thiết Mộc Chân.







THIẾT MỘC
CHÂN TRÒN
RỒI!

Thiết Mộc Chân trốn vào một ngôi làng gần đó xin giúp đỡ. Người làng chở cậu một con ngựa và giúp cậu trốn thoát.

BẮT NÓ
LẠI.

ĐẠI ÂN
ĐẠI ĐỨC NÀY
THIẾT MỘC CHÂN
SẼ KHÔNG BAO
GIỜ QUÊN!

Về sau, nhiều người tìm đến Thiết Mộc Chân
và trở thành bạn bè của cậu.

BÁC NHI
TRUẬT, GIÁ LẠC
MIỆT, CHÚNG TA
TỪNG CÙNG CHUNG
HOAN NAN, SAU
NÀY DÙ XÂY RA
CHUYÊN GÌ, CÁC
Cậu CÙNG KHÔNG
RỜI BỎ TA CHÚ?

TẤT
NHIÊN
RỒI.

VÂY
CHÚNG TA
UỐNG MÁU
ĂN THÈ ĐI.



Một hôm, Thiết Mộc Chân đã gặp Vương Hán
của bộ tộc Khắc Liệt thế lực hùng mạnh.



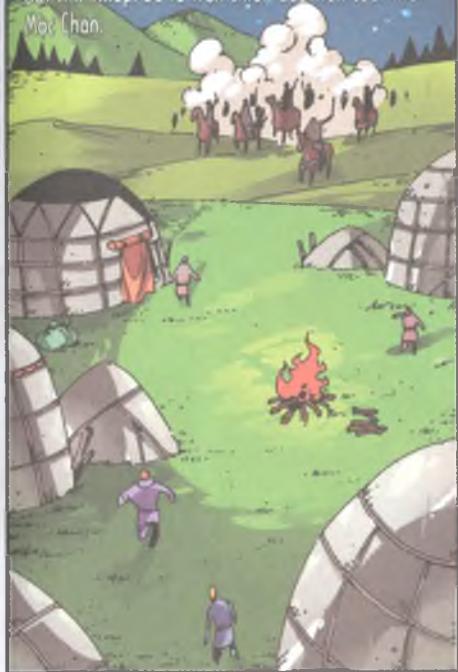
* Người dùng đầu bộ tộc.



BỘT NHI THIẾP
BỊ CHÚNG
BẮT ĐI Ư?



Thiệt Mộc Chân hén kẽ với Vương Hán và Trại Mộc Hợp Tán công bô lộc Mật Nhí Khat, giải cứu Bột Nhí Thiếp. Đó là trận chiến đầu tiên của Thiệt Mộc Chân.



Sói xám Thành Cát Tư Hãn

Trận đấu thắng lợi lập, Thiết Mộc Chân nhanh chóng trở thành người anh hùng mới trong con mắt của người Mông Cổ.







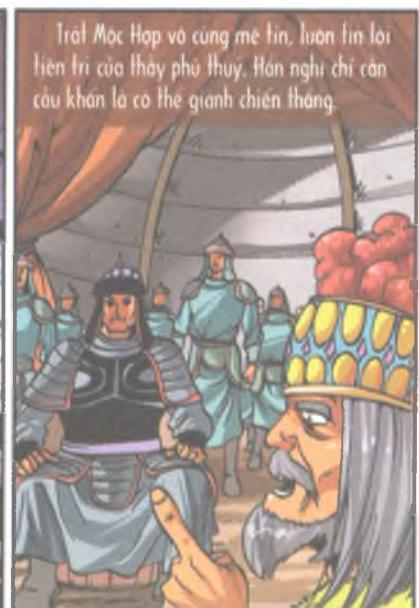
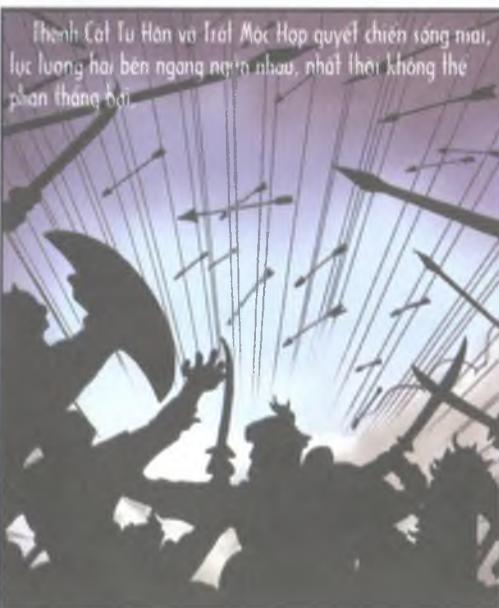
Khi đó, Thành Cát Tư Hán không có nhiều kinh nghiệm về chiến tranh, nhưng sau đó, để thực hiện lý tưởng của mình, ông đã tập trung vào các cuộc chiến tranh liên miên và tàn khốc.

Kẻ thù đầu tiên mà ông phải đối phó lại là huynh đệ kế nghĩa Trát Mộc Hợp.

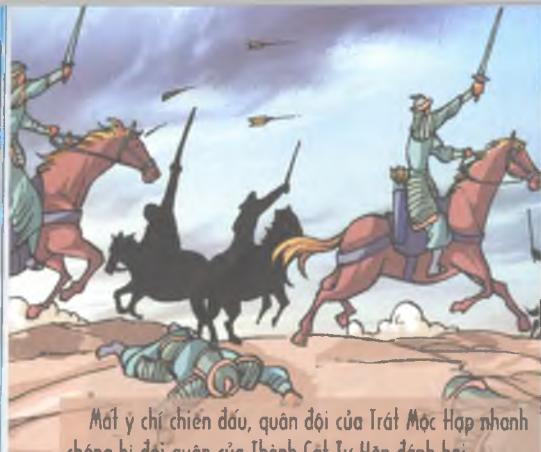
THIẾT MỘC CHÂN, NGƯỜI SẮP TRỞ THÀNH MỐI ĐE DỌA VỚI TA NÊN GIỜ TA PHẢI TRỪ KHỎI NGƯỜI.











Mất ý chí chiến đấu, quân đội của Trát Mộc Hợp nhanh chóng bị đội quân của Thành Cát Tư Hãn đánh bại.

Sau khi đánh bại người Tháp Tháp Nhì, lực lượng của Thiết Mộc Chân đã có thể sánh vai cùng với bộ tộc Khắc Liệt.



TA SẼ
QUAY LẠI
RỬA HẬN!

THIẾT MỘC
CHÂN, LẦN NÀY
COI NHƯ NGƯỜI
THẮNG TRƯỚC!

CHA ƠI, CUỐI CÙNG
CON ĐÃ BÁO THÙ ĐƯỢC
CHO CHA, CHA Ở TRÊN
THIÊN ĐÀNG CÓ THỂ
AN NGHỈ RỒI.



THÀNH
CÁT TÙ
HẦN!



NGHE NÓI
VƯƠNG HẦN ĐÃ
THU NHẬN TRÁT
MỘC HỢP...
THÈ Ư? NẾU
VẬY THÌ VƯƠNG HẦN
CÙNG CHUẨN BỊ CHIẾN
ĐẦU VỚI TA RỒI.

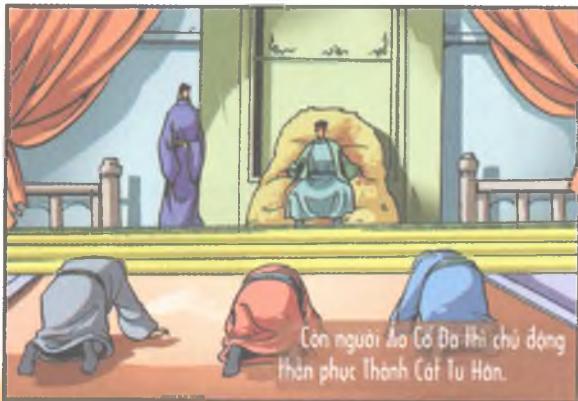


Vài hôm sau, Thành Cát Tù Hần lại trả thành bộ thư
của ôn nhân Vương Hần, giao hai bài báng nổ chiến
binh quý mến ôn, gây ra những cuộc tranh cãi đầm mê
trên cao nguyên và là một miếng lụng Mông Cổ.

Cuối cùng Thành Cát Tư Hãn
giành thắng lợi.

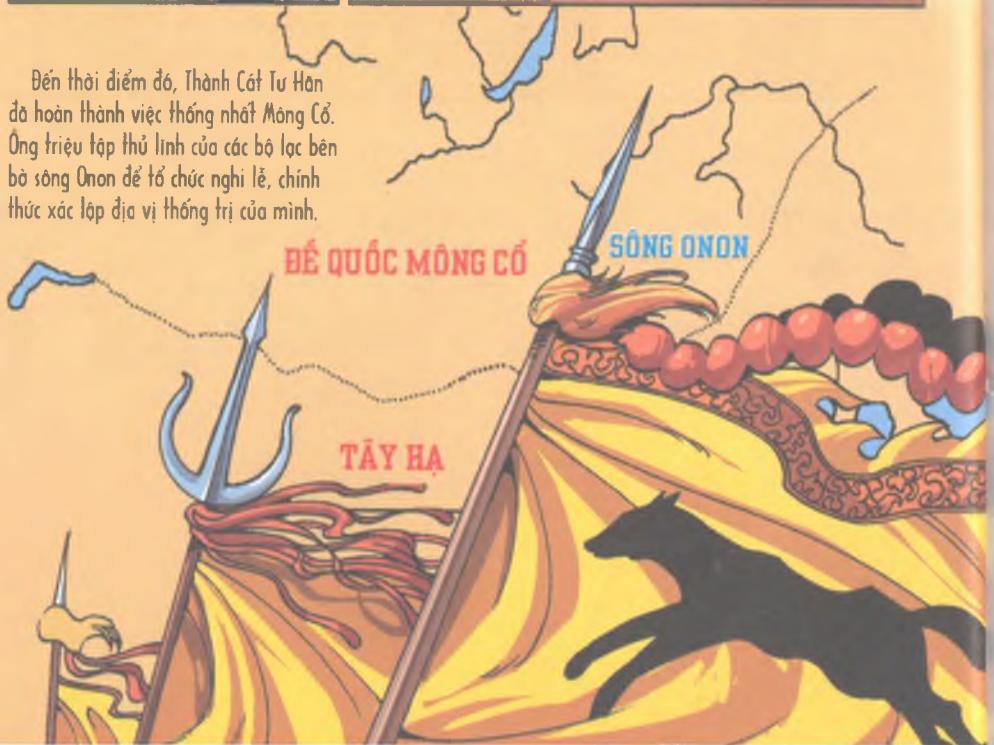


Năm 1204, Thành Cát Tư Hãn lấn công người
Nai Man ở phía Tây, đồng thời chinh phục được họ.



Còn người Mông Cổ đã thi hành
chết phục Thành Cát Tư Hãn.

Đến thời điểm đó, Thành Cát Tư Hãn
đã hoàn thành việc thống nhất Mông Cổ.
Ông triệu tập thủ lĩnh của các bộ lạc bên
bờ sông Onon để tổ chức nghi lễ, chính
thức xác lập địa vị thống trị của mình.



Thành Cát Tư Hãn tung hoành vùng thảo nguyên

Bố quốc Mông Cổ đã ra đời, khi đó là năm 1206.



Tượng Thành Cát Tư Hãn
cưỡi ngựa giương cung

HẬU DƯỄ CỦA
SỐI XÂM VÀ HƯỚU
TRẮNG, XIN NGÀI HÃY
DẪN ĐẤT THẦN DÂN TRÊN
MÁNH ĐẤT NÀY KIỀM
TÌM HẠNH PHÚC!

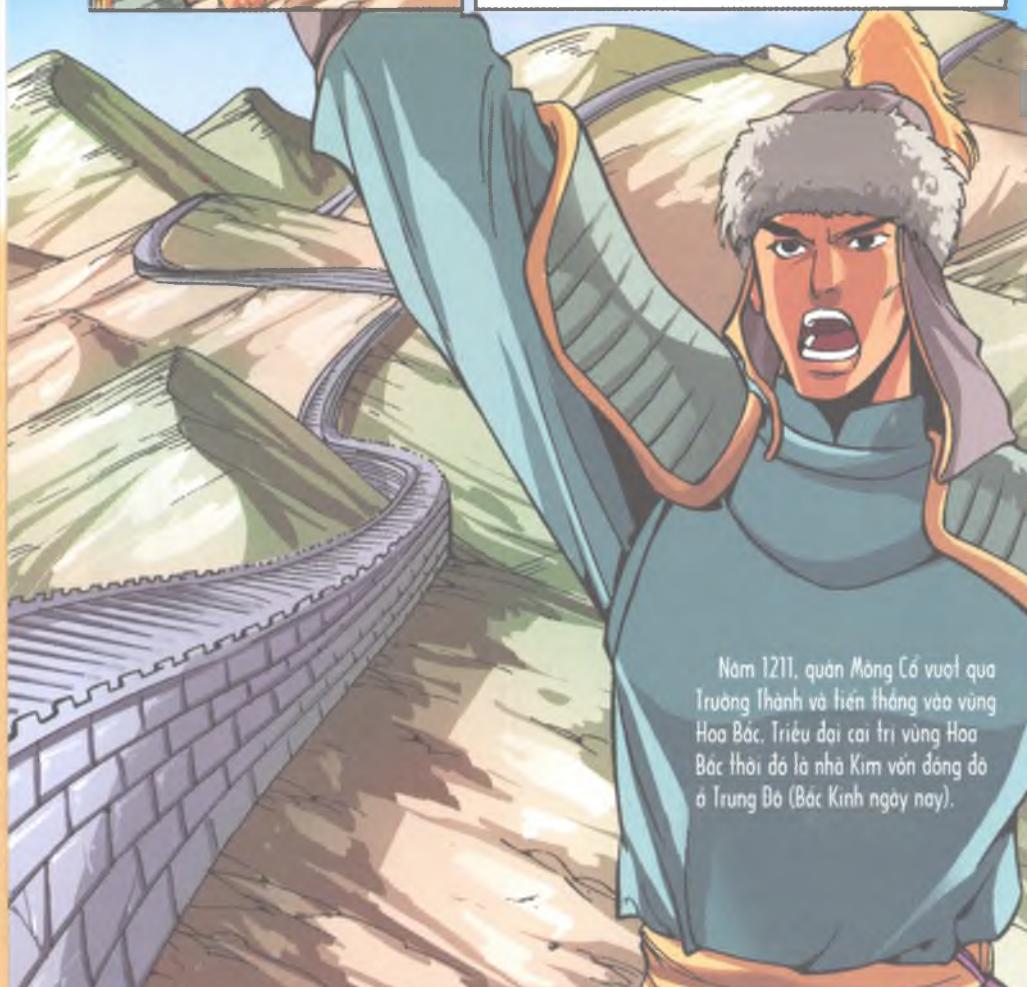




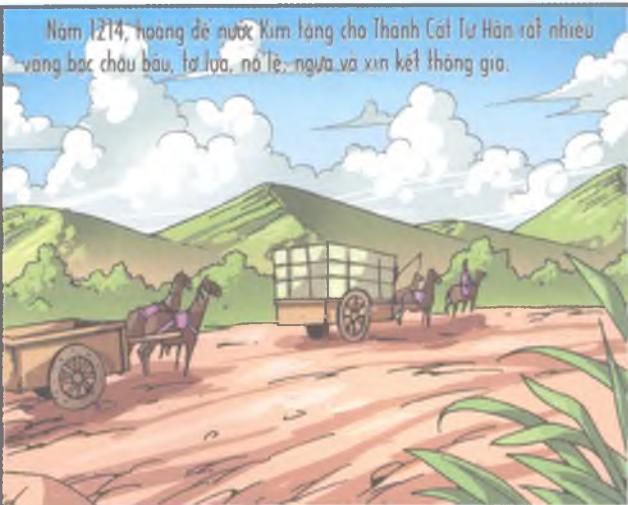
Năm 1207, Thành
Cát Tư Hãn chiếm Tây
Hà, từ đó học được
chiến thuật công thành.



Tranh vẽ kị binh của Mông Cổ ▲



Năm 1211, quân Mông Cổ vượt qua
Trường Thành và tiến thẳng vào vùng
Hoa Bắc. Triều đại cai trị vùng Hoa
Bắc thời đó là nhà Kim vốn đóng đô
ở Trung Đô (Bắc Kinh ngày nay).





Năm 1218, sứ giả Mông Cổ và đội thương thuyền tiên về đế quốc Khwarezm.

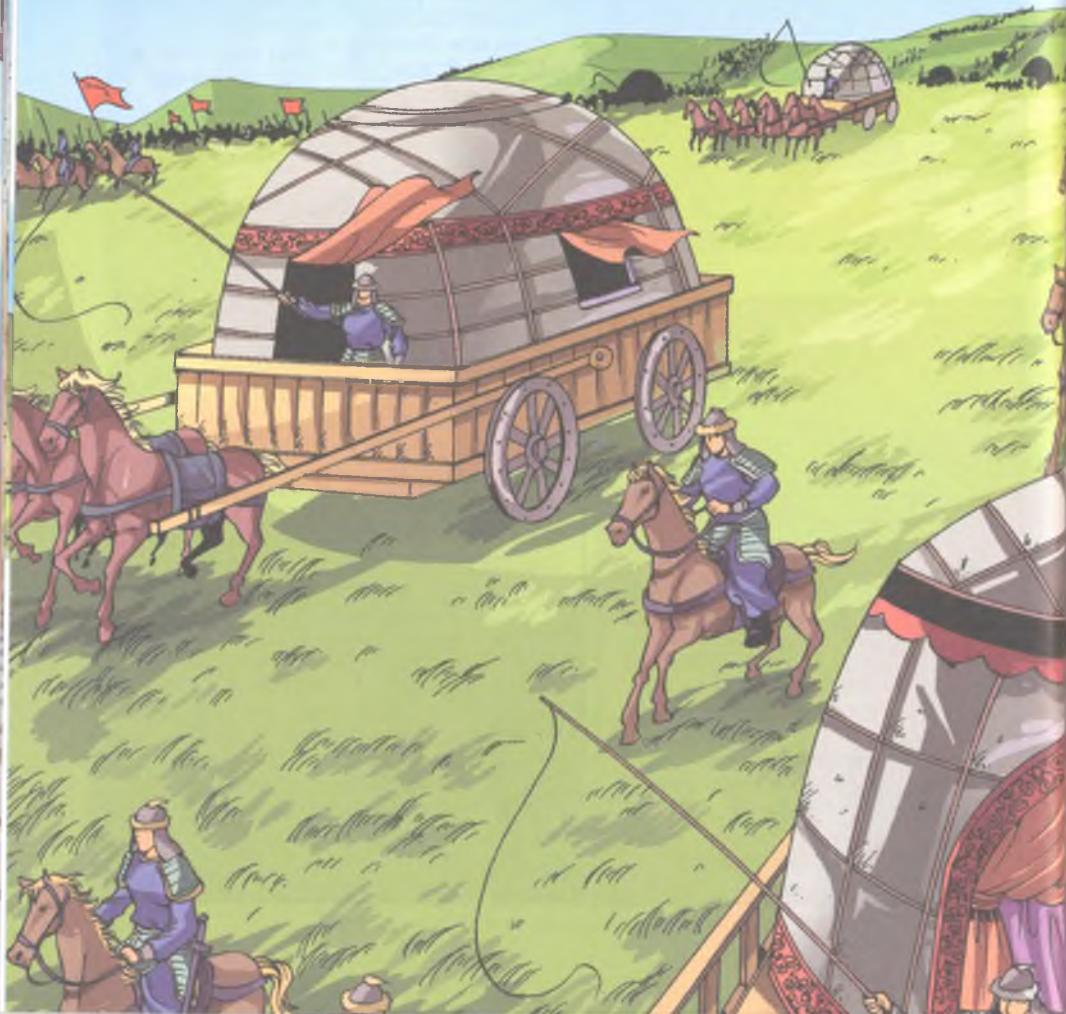


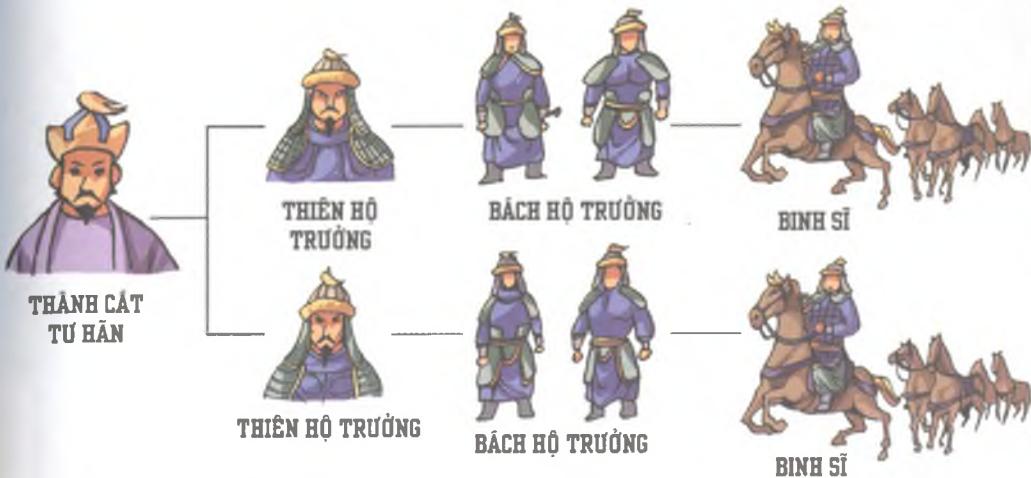
*Một quốc gia cổ đại thuộc vùng Tây Á, nằm giữa hai nước Uzbekistan và Turkmenistan.



Bối quân tham gia đánh chiếm đế quốc Khwarezm của Thành Cát Tư Hãn vô cùng hùng hậu, số lượng binh sĩ là 200.000 người cộng thêm người nhà của họ đi theo, tổng số phải tới hơn 500.000 người.

MANG THEO
CÁ LỀU TRẠI





CHẾ ĐỘ THIÊN HỘ TRƯỞNG, BÁCH HỘ TRƯỞNG

Thành Cát Tư Hân là tổng chỉ huy cao nhất. Người đứng đầu 1.000 binh sĩ thì gọi là thiên hộ trưởng, người đứng đầu 100 binh sĩ thì gọi là bách hộ trưởng.

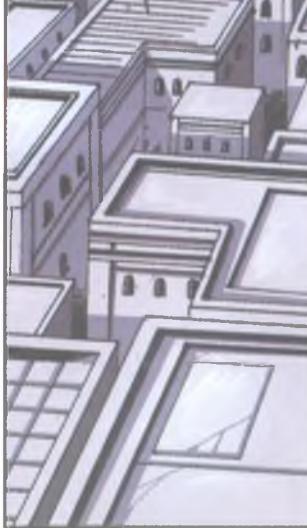




Đội quân Mông Cổ vượt qua hàng
đường xa xôi, cuối cùng đã tiến vào
bên trong lãnh thổ Khwarezm.



Hoàng cung của
Khwarezm



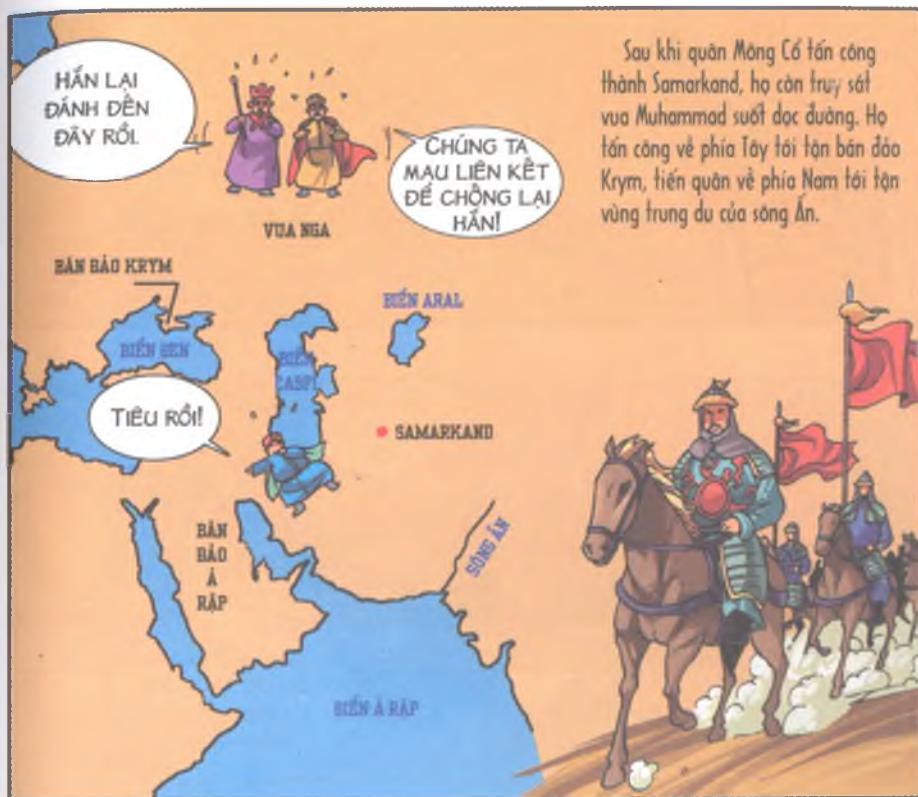


Dưới sự giày xéo của vò ngựa
quân Mông Cổ, thành Samarkand
mùa cháy thành sông.



BẤT HẮN
PHẢI CHỊU
ĐAU ĐỚN
ĐẾN CHẾT!





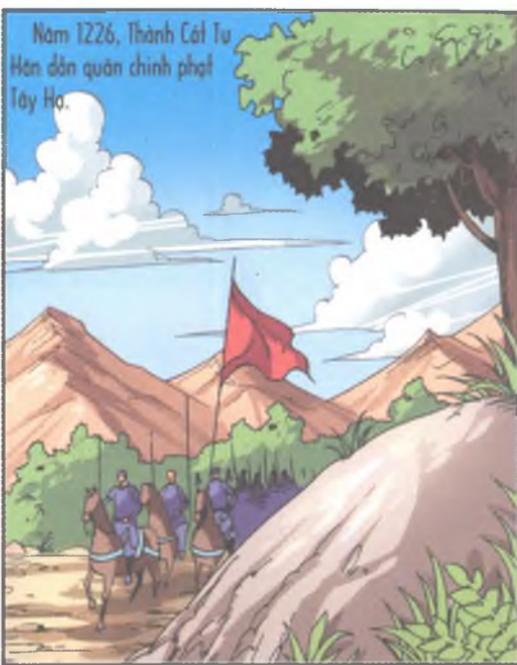
Sau khi quân Mông Cổ tấn công thành Samarkand, họ còn truy sát vua Muhammad suốt dọc đường. Họ tấn công về phía Tây tới tận bán đảo Krym, tiến quân về phía Nam tới tận vùng trung du của sông Ấn.



Thành Cát Tư Hãn mất tới bảy năm để chinh phục đế quốc Khwarezm. Năm 1225, ông trở về cao nguyên Mông Cổ.







Lúc rảnh rỗi giữa các trận đánh, Thành Cát Tư Hán thường săn bắn để giải tỏa áp lực, trút bỏ mệt nhọc.



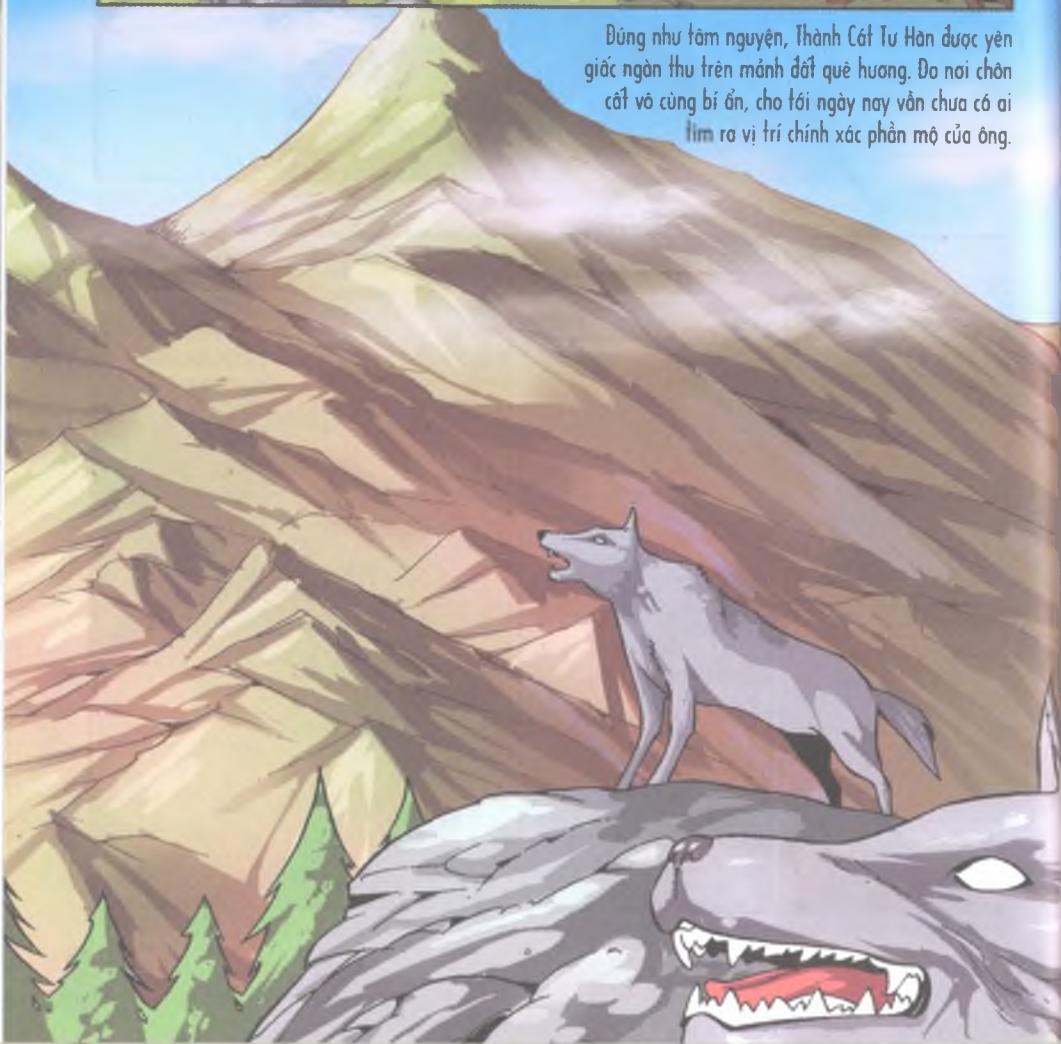


KHI CÒN SÔNG,
PHÚ HÂN TỪNG
NÓI SAU KHI
NGƯỜI QUA ĐỜI
MUÔN ĐƯỢC MAI
TÁNG DƯỚI CÂY
CỔ THỤ NÀY.

Theo di chúc của
Thành Cát Tư Hãn, di hài
của ông được lồng le
chuyển về quê hương.

THÀNH CÁT
TƯ HÃN, ĐẠI ĐẾ
CỦA MÔNG CỔ,
XIN NGƯỜI HÃY
YÊN NGHỈ!

Đúng như tâm nguyện, Thành Cát Tư Hãn được yên
giác ngàn thu trên mảnh đất quê hương. Do nơi chôn
cất vô cùng bí ẩn, cho tới ngày nay vẫn chưa có ai
tim ra vị trí chính xác phần mộ của ông.



Bối cảnh Mông Cổ xuất hiện

Vào khoảng thế kỉ 9, các bộ lạc Mông Cổ từ khu vực sông Argun di cư về phía Tây, đến nơi bắt nguồn của ba con sông: Kherlen, Onon và Tuul, đồng thời chiếm vùng thảo nguyên trù phú này. Cho tới thế kỉ 12, người Mông Cổ vẫn còn ở thời kì thị tộc và bộ lạc, sự phân hóa giai cấp cũng dần hình thành. Thị tộc quý tộc được gọi là "noyan", họ sở hữu khá nhiều dân gia súc, của cải và cả một số nô lệ bị bắt về trong chiến tranh.

Môi trường tự nhiên của thảo nguyên Mông Cổ tương đối khắc nghiệt, vì tranh giành địa bàn, của cải và phụ nữ nên các thị tộc và bộ lạc thường xuyên tàn sát lẫn nhau. Các thị tộc thua trận hoặc là bị tiêu diệt, hoặc là phải lệ thuộc. Có những thị tộc và bộ lạc đã liên kết với nhau

thành "an đáp" (nghĩa là "anh em") để nương tựa vào nhau và bảo vệ chính mình. Những bộ lạc nhỏ bị thôn tính và sáp nhập vào những bộ lạc lớn. Một số bộ lạc lớn liên kết với nhau thành liên minh bộ lạc, cùng baura thủ lĩnh chung gọi là "Hãn".

Sau khi Thiết Mộc Chân thống nhất Mông Cổ, người Mông Cổ mới kết thúc tình trạng tàn sát lẫn nhau. Sau đó, dân tộc Mông Cổ ngày càng hùng mạnh, một đại đế quốc có dân số 1 triệu người và đội quân 20 vạn người đã ra đời như một kỉ tích ở thế kỉ 13.

Xưng hiệu "Thành Cát Tư Hãn"

Sau khi lớn lên, Thiết Mộc Chân trở thành vị thủ lĩnh bộ lạc dũng cảm mưu lược, tài trí hơn người trên vùng thảo nguyên. Với sự nỗ lực không ngừng, vào đầu thế kỉ 13, ông gần như đã kiểm soát được toàn bộ khu vực Mông Cổ. Mùa xuân năm 1206, Thiết Mộc Chân triệu tập hội nghị lớn bên hồ Thanh Hải. Tất cả các bộ lạc đều nhất trí tiến cử ông là "Hãn" – vị thủ lĩnh tối cao của các bộ lạc Mông Cổ.

Thầy phù thủy của Tát Män giáo (tôn giáo nguyên thủy của Mông Cổ thời kì đầu) đã dùng quyền uy của mình cho phép Thiết Mộc Chân tự xưng là "Thành Cát Tư Khả Hãn", đồng thời làm lễ đăng quang cho ông, thuận theo ý nguyện của vị thần linh tối cao vô thượng của người Mông Cổ là "Trường sinh thiên" (tức "Ông Trời"), phái cử vị quân chủ mới này xuống cai trị nhân dân dưới mặt đất. Xưng hiệu "Thành Cát Tư Khả Hãn" có nghĩa là "Người nhở có sức mạnh của Trường sinh thiên mà trở thành Hãn", người đời sau dùng cụm từ "Thành Cát Tư Hãn" để xưng hô với Thiết Mộc Chân.

TỪ DIỄN BÁCH KHOA LỊCH SỬ BỘ TÙI

Người Mông Cổ cổ đại kiêu trì và hiếu chiến

Người Mông Cổ là dân tộc du mục sinh sống ở phía Bắc Trung Hoa. Do từ nhỏ lớn lên trong môi trường khắc nghiệt và gian khổ nên họ không quá cầu nệ các điều kiện vật chất, tính cách kiêu trì, nhẫn耐. Vì thế, trong khi chiến đấu, ý chí và khả năng chịu đựng gian khổ của các binh sĩ Mông Cổ khó dân tộc nào có thể bì kịp.

Mặt khác, nền văn minh của người Mông Cổ tương đối lạc hậu. Với lượng lớn của cải cướp bóc được trong chiến tranh, họ sẽ nhanh chóng có được cuộc sống vật chất đổi dào và đây chính là động lực quan trọng để các binh sĩ duy trì nhuệ khí chiến đấu. Thủ lĩnh mặc cho binh lính tùy tiện ra tay tàn sát, kích thích tính hiếu chiến và man rợ của các binh sĩ... Vì thế, sau khi các bộ lạc Mông Cổ thống nhất, họ hầu như coi các cuộc chiến tranh với bên ngoài và việc tàn sát bừa bãi là chỗ dựa sinh tồn của dân tộc mình, hoàn toàn bước vào con đường quân sự hóa, coi cuộc sống du mục chỉ là phương thức sinh hoạt thứ yếu.



Toàn dân Mông Cổ đến là lính

Trẻ em Mông Cổ từ lúc 3, 4 tuổi trở đi đã được đưa vào nơi đào tạo chuyên biệt, tham gia rèn luyện cưỡi ngựa, bắn cung. Những đứa trẻ này sau khi lớn lên sẽ tập hợp thành đội ngũ kỵ binh. Là một đội kỵ binh hoàn hảo hiếm thấy trên thế giới, họ ở trên lưng ngựa mà cứ như ở dưới đất bằng, cho dù tiến công hay rút lui nhanh, họ đều có thể bắn trúng mục tiêu một cách chính xác, tố chất và kỹ năng chiến đấu cực kì đáng nể. Có người so sánh: Một kỵ binh kiêm cung thủ Mông Cổ bình thường đã có tài nghệ tương đương với danh tướng Lý Quang của Trung Hoa cổ đại. Với thể chế toàn dân đều là lính thì hầu như tất cả các dân tộc khác đều khó lòng làm được điều này. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến các quân đội châu Âu nhiều lần bị tổn thất nặng nề trước quân Mông Cổ.

Ngoài ra, người Mông Cổ còn xây dựng được một tổ chức xã hội thích nghi với chiến tranh. Thủ lĩnh của các bộ lạc thường ngày quản lý sinh hoạt và hoạt động sản xuất, khi hành quân đánh trận thì lại trở thành nhà quản lý và tổ chức các hoạt động quân sự. Khi chiến đấu với lực lượng bên ngoài, người Mông Cổ có thể tổng động viên toàn dân. Chẳng hạn như khi vây hãm đế quốc Khwarezm, người dân dù mục binh thường chấn thả già súc và sinh sống ngay dưới chân thành, liên tục cung cấp hậu cần cho quân đội vây thành tới khi hạ được thành thì thôi.

Chiến thuật của quân Mông Cổ

Sau khi thống nhất Mông Cổ, Thành Cát Tư Hãn đẩy mạnh các cuộc chiến tranh thôn tính quy mô lớn.

Về mặt chiến thuật, người Mông Cổ đặc biệt chú trọng tính cơ động của đội hình. Họ thao lối đánh bọc sườn vu hồi (vòng ra sau đánh úp), tấn công bao vây (tỏa ra nhiều mũi tấn công rồi hợp lại để bao vây). Đội quân Mông Cổ có thể di chuyển quy mô lớn tới hàng trăm dặm, rất ít áp dụng lối tấn công trực diện mà quen dùng một đội kỵ binh nhỏ quấy rối kẻ thù nhiều lần trước, đợi đến khi kẻ thù tấn công thì rút chạy. Khi đội hình của quân truy đuổi dần dần tản lan thì đội kỵ binh chủ lực của Mông Cổ vốn mai phục sẵn ở bốn bề bao vây chặt kẻ thù, dùng cung tên bắn tới tấp, sau đó siết chặt vòng vây, hầu như không trận nào không thắng. Trong các trận chiến với người Hung Nô, người Hán, người Khiết Đan, người Nữ Chân, kiểu chiến thuật này của quân Mông Cổ có thể nói là "trăm trận trăm thắng".

Ngoài ra, quân Mông Cổ cũng học được cách công thành từ bộ binh quân đội các nước Liêu, Kim, Tây Hạ, từ đó cải thiện chiến thuật vây chì đơn thuần dựa vào kỵ binh, học được cách sử dụng thuốc nổ và máy bắn đá của người Hán. Những việc đó giúp đội quân Mông Cổ công phá được nhiều thành trì và đánh chiếm doanh trại của kẻ thù.

Thời kỳ đầu khi người Mông Cổ kéo quân tới phương

Ngựa Mông Cổ tuy nhỏ mà hay

Ngựa Mông Cổ có thân hình thấp nhô, tốc độ chạy bình thường, khả năng vượt chướng ngại vật cũng không bằng loài ngựa cao to ở châu Âu. Nhưng Thành Cát Tư Hãn đã dựa vào loài ngựa này để chinh phục các lục địa Á Âu. Ngựa Mông Cổ có khả năng chịu đựng cao, thích nghi cực tốt, dù môi trường sống khắc nghiệt đến mấy. Chúng có thể chạy liên tục không ngừng nghỉ trên chặng đường dài, đồng thời đảm nhiệm các công việc nặng nhọc như thồ hàng và kéo xe. Chúng không kén ăn, dù ở hoang mạc lạnh giá của châu Á hay đồng bằng rộng lớn của châu Âu, ngựa Mông Cổ đều có thể tìm được thức ăn. Ngoài ra, ngựa Mông Cổ còn là nguồn cung cấp thực phẩm, chẳng hạn như thịt và sữa.

Nhờ khả năng chịu đựng gian khổ, giỏi chạy đường dài của ngựa Mông Cổ mà quân Mông Cổ có thể tập kích dài ngày và tác chiến cơ động. Chẳng hạn như vào mùa đông năm 1241, kỵ binh Mông Cổ chỉ mất ba ngày đi qua vùng núi phủ tuyết dài hơn 300 km, xuất hiện dưới chân thành Grand ở lưu vực sông Danube, tạo nên kỉ tích về cuộc hành quân, thể hiện sự dũng mãnh và bản lĩnh của loài ngựa Mông Cổ.

Tây, chẳng ai ngờ đội quân đến từ phương Đông này lại có thể tung hoành xung bá trên lục địa châu Âu, bởi vì cho dù về trang bị vũ khí hay khi ở trên lưng ngựa, quân Mông Cổ đều không phải là đối thủ của những kỵ binh châu Âu được trang bị giáo dài kiếm nặng với những con ngựa cao lớn. Nhưng đội quân Mông Cổ lấy địa bàn nằm trong bán kính trăm dặm làm chiến trường, sử dụng chiến thuật đánh bọc sườn vu hồi khiến cho quân đội châu Âu khó lòng dự đoán và phòng ngự.

Dù ngày hay đêm, quân Mông Cổ đều có thể hành quân, họ chậm chậm tiến lên với đội hình kín. Khi phát hiện đội hình của kẻ thù hỗn loạn, tinh thần quân sĩ dao động và bắt đầu rút lui, họ nhanh chóng biến thành đội hình bao vây bọc sườn và tiêu diệt kẻ thù. Nói chung, tất cả những đội quân châu Âu từng bị quân Mông Cổ tấn công như vậy khi phải đối mặt với quân Mông Cổ một lần nữa thì đều run sợ, lúng túng. Nhưng khi quân Mông Cổ tổ chức tiến quân, nếu gặp phải thành trì kiên cố của kẻ thù, thông thường họ chỉ để lại một ít quân để giám sát khiến kẻ thù không thể cử người ra ngoài thành cầu viện, chờ đến khi đội quân công thành vừa tới liền tấn công ổ ạt.

Chính vì dựa vào chiến thuật như vậy mà vỏ ngựa của đội quân Mông Cổ mới tung tung hoành khắp lục địa châu Âu một thời.

Cách thức cai trị của Thành Cát Tư Hãn

Thời kì đầu mới thành lập đế quốc Mông Cổ, để tiện cho việc quản lí, trên cơ sở chế độ bộ lạc quý tộc thảo nguyên truyền thống, Thành Cát Tư Hãn chia dân du mục Mông Cổ thành 95 thiên hộ (1 thiên hộ = 1.000 người), dưới thiên hộ là các bách hộ (1 bách hộ = 100 người) rồi đến thập hộ (1 thập hộ = 10 người). Thủ lĩnh của thiên hộ là thiên hộ trưởng, họ đều là chủ hầu của Thành Cát Tư Hãn, có nghĩa vụ cống nạp và dẫn quân ra trận chiến đấu cho Đại Hãn, ngoài ra có thể tham gia bàn luận việc quân sự của quốc gia. Trong phạm vi cai quản của mình, các thiên hộ trưởng được chia bãi chăn thả, được trung thu thuế khóa và sai phái phu dịch. Những người dân du mục thuộc quyền quản lí của họ không được tự ý di cư hay thoát khỏi mối quan hệ phụ thuộc.

Thành Cát Tư Hãn đem một số thiên hộ chia cho em trai và con trai mình quản lí (giống như chế độ phân phong của người Hán). Thân mẫu

của Ông là Kha Ngạch Luân và em út Thiết Mộc Ca Oát Xích Cân được nhận tổng cộng 10.000 người, con trai cả Truật Xích được 9.000 người, con trai thứ hai Sát Hợp Đài được 8.000 người, con trai thứ ba Oa Khoát Đài được 5.000 người, con trai út Đà Lôi được nhận 5.000 người.

Ông còn chia cả các thiên hộ cho Mộc Hoa Lê và Bác Nhĩ Truật, hai vị đại tướng quân sự uy quyền nhất. Rồi ông lại điều động con em của các thiên hộ trưởng, bách hộ trưởng (thủ lĩnh của 100 người) và thập hộ trưởng (thủ lĩnh của 10 người) làm các cẩm vệ quân, lấy đó để khống chế quan lại các cấp. Ngoài ra, Thành Cát Tư Hãn còn lập chức Đạt Lỗ Hốt Xích chuyên đảm trách các công việc quản lí hộ tịch, hành chính, tể tú pháp.

Những biện pháp này đã khiến cho ranh giới giữa các bộ lạc dần dần mờ nhạt, từ đó hình thành nên quốc gia Mông Cổ thống nhất.

Chế độ thiên hộ có ảnh hưởng深远

Chế độ thiên hộ được lập ra vào năm 1204, là chế độ hợp nhất về quân sự và chính trị của đế quốc Mông Cổ. Mỗi một thiên hộ vừa là một đơn vị quân sự lại vừa là tổ chức xã hội cơ sở. Về cơ bản một thiên hộ tương đương với 1.000 người, nhưng trên thực tế thì quy mô lớn nhỏ của nó lại không thống nhất, có thiên hộ nhiều tới hàng ngàn người, nhưng cũng có thiên hộ lại chưa tới 1.000 người. Đa số các thành viên trong thiên hộ đều là dân của các bộ lạc Mông Cổ trộn lẫn với nhau, cũng có một số là tù binh chiến tranh.

Người cai trị thiên hộ được gọi là thiên hộ trưởng, tước vị của họ có thể truyền lại cho thế hệ sau. Do thiên hộ trưởng là lực lượng chủ yếu cai trị dân tộc Mông Cổ cho nên họ được hưởng rất nhiều đặc quyền. Theo quy định thì các thiên hộ trưởng (kể cả các thiên hộ trưởng cao quản 10.000 người trở lên) nếu lập công trạng đặc biệt thì sẽ được ban tước hiệu là Đáp Thích Hãn, họ sẽ được hưởng các quyền lợi như: được miễn

nộp thuế, hưởng trọn chiến lợi phẩm, không chịu sự ràng buộc và trừng phạt của pháp luật, 9 lần phạm tội không bị xử phạt, được tự do chấn thả gia súc...

Chế độ thiên hộ đã thay đổi tình trạng phân tán của liên minh các bộ lạc và thị tộc, thúc đẩy được sự ổn định về kinh tế, chính trị và sự phối hợp phát triển toàn diện của đất nước Mông Cổ. Điều đặc biệt quan trọng là nó giúp cho tầng lớp thiên hộ trưởng các cấp và đồng đảo dân chúng ở cố định trong một khu vực xác định, thúc đẩy giao lưu kinh tế, ngoài ra còn hình thành tầng tầng lớp lớp mối quan hệ phụ thuộc, củng cố được nền tảng thống trị của Đại Hãn và gia tộc của mình. Có thể nói, việc thực thi chế độ thiên hộ là cải cách quan trọng về phương diện quân sự và chính trị của Thành Cát Tư Hãn, có ảnh hưởng sâu rộng đối với đất nước Mông Cổ và các hãn quốc khác.



Nhà Tây Hạ bị quân Mông Cổ tiêu diệt

Nhà Tây Hạ (1038 - 1227) là vương triều chủ yếu do dân tộc Đảng Hạng lập nên, kinh đô đặt tại phủ Hưng Khánh, trải qua tổng cộng 10 đời vua trong 190 năm, người sáng lập là Lý Nguyên Hạo. Nhà Tây Hạ ở thời kì hưng thịnh từng cai quản lãnh thổ bao gồm 22 châu thuộc các vùng nay là Ninh Hạ và phía Bắc Thiểm Tây, phía Tây Bắc Cam Túc, phía Đông Bắc Thanh Hải và khu vực Nội Mông, lần lượt tạo thành thế chân vạc với các nước Liêu, Bắc Tống, Kim, Nam Tống.

Về chế độ chính trị, nhà Tây Hạ chịu ảnh hưởng sâu sắc của nhà Tống, chế độ quan lại của họ hầu như hoàn toàn bắt chước nhà Bắc Tống. Chẳng hạn trung ương lập ra các cơ quan hành chính như: trung thư tỉnh, xu mật viện, tam ty, ngự sử dài, phủ Khai Phong, văn tư viện, phiến học, Hán học... Địa phương thì chia thành hai cấp là châu, huyện. Tại các vùng quân sự trọng yếu cũng lập các quận, phủ.

Chế độ quân sự tập trung vào binh chế bộ lạc Đảng Hạng và binh chế triều Tống. Quân đội do ba đội quân gồm thị vệ quân, cầm sinh quân và quân địa phương hợp thành. Thị vệ quân thuộc trung ương, chủ yếu theo chân hoàng đế ra vào trận mạc. Cầm sinh quân ước chừng 10 vạn

người, là đội quân tinh nhuệ của nhà Tây Hạ. Quân địa phương có 50 vạn người, chủ yếu là kị binh và bộ binh. Nhà Tây Hạ áp dụng chế độ nghĩa vụ quân sự "toàn dân là lính", các binh sĩ trong thời bình tham gia sản xuất, thời chiến thì tham gia chiến đấu.

Đáng tiếc là nhà Tây Hạ sinh ra không gặp thời, quân Mông Cổ ở phương Bắc đã nhòm ngó từ lâu. Bắt đầu từ năm 1205, quân đội Mông Cổ nhiều lần tấn công Tây Hạ. Năm 1209, khi quân Mông Cổ tấn công Tây Hạ lần thứ ba, quân lính vây kín kinh đô của Tây Hạ, nước Kim thấy mà không cứu. Tây Hạ dâng mì nữ cầu hòa, nhờ Mông Cổ đánh nước Kim. Năm 1226, Thành Cát Tư Hãn đích thân dẫn 10 vạn quân tới đánh chiếm Tây Hạ. Đầu năm sau, quân Mông Cổ lại bao vây phủ Hưng Khánh. Vào tháng 6, ở phủ Hưng Khánh xảy ra động đất cường độ mạnh, Hạ Mạt Đế bất đắc dĩ đầu hàng, nhà Tây Hạ diệt vong. Tháng 7, Hạ Mạt Đế và tùy tùng đi theo quân Mông Cổ tới địa phận tỉnh Cam Túc ngày nay, Thành Cát Tư Hãn đột ngột qua đời, tuy giữ bí mật không phát tang nhưng để đề phòng phản loạn, quân Mông Cổ vẫn giết chết Hạ Mạt Đế và những người đi cùng.

Nhà Kim sụp đổ tối tàn

Nhà Kim (1115 – 1234) là triều đại do dân tộc Nữ Chân lập nên, lần lượt lấy phủ Hội Ninh, Yên Kinh, Biện Lương làm kinh đô, trải qua tổng cộng 9 đời hoàng đế trong vòng 120 năm, người sáng lập là Hoàn Nhan A Cốt Đả.

Nước Kim từng một thời xưng bá ở khu vực phía Bắc Trung Hoa. Năm 1125, nước Kim diệt nhà Liêu. Năm 1127, nước Kim đánh chiếm kinh đô Khai Phong của Bắc Tống, bắt hai hoàng đế Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông, từ đó nhà Bắc Tống diệt vong. Sau đó, nước Kim vẫn lấy vị thế của kẻ mạnh để ép buộc nhà Tây Hạ vốn ngang hàng với họ phải thần phục mình, ngoài ra còn bắt nhà Nam Tống chịu nhục cầu hòa. Cho tới khi người Mông Cổ xuất hiện, vị thế cường quốc của nước Kim mới dần dần lung lay.

Năm 1213, quân Mông Cổ chia làm ba ngả tiến vào phía Nam Trường Thành, nước Kim cầu hòa. Năm sau, nước Kim dời đô về Nam Kinh. Năm 1221, nước Kim rút quân vào trong địa phận Hà Nam. Năm 1230, Oa Khoát Đài cùng với em trai Đà Lôi chia quân làm hai ngả tấn công người Kim. Đà Lôi vòng qua cứ điểm trọng yếu của quân Kim là Đồng Quan, từ Bảo Kê - Thiểm Tây ngày nay ra Hán Trung, đi qua lãnh thổ của Nam Tống, từ phía sau của vùng Nam Dương - Hà Nam tấn công nước Kim. Còn Oa Khoát Đài thì từ Sơn Tây ngày nay xuống phía Nam tấn công nước Kim. Năm 1233, thành Nam Kinh của nước Kim thất thủ. Năm sau thì nhà Kim diệt vong.

Cung tên của quân Mông Cổ vô cùng nhạy bén

Cung tên là một trong những loại vũ khí truyền thống của dân tộc Mông Cổ. Nhìn chung, về mẫu mã, trọng lượng, chiều dài và lực kéo của cung tên mà họ sử dụng không có quy cách thống nhất, chỉ phân loại dựa theo hình thể và thói quen của người sử dụng.

Cây cung truyền thống của Mông Cổ thường làm bằng gỗ, hai đầu được khảm sừng bò, phần cánh cung hình bán nguyệt và dần dần thu vào bên trong, dây cung là gân bò được kéo căng. Độ sốt độ dài tên khoảng 100 cm, mũi tên thường làm bằng sắt hoặc xương thú, hình thù rất đa dạng. Phần dưới của tên được trang trí bằng bùa hông lồng chim ứng để tăng cường khả năng bắn mạnh và lực cầm bắn của tên.

Cung tên mà các kị binh Mông Cổ sử dụng dưới thời Thành Cát Tư Hãn đều bắn được ở khoảng cách khá xa, khả năng sát thương cực lớn. Lực kéo của loại cung nỏ này đạt tới 50-70 kg, phạm vi sát thương của mũi tên bắn ra có thể xa tới 300 m. Nếu sử dụng loại tên dài có mũi bít bằng kim loại sắc nhọn thì chúng còn có thể xuyên qua bộ mũ giáp dày nhất thời bấy giờ, hơn nữa loại cung nỏ này không công kẽm, vô cùng thích hợp cho kị binh sử dụng. Chính người Mông Cổ đã nhờ vào loại vũ khí này để tung hoành khắp châu Âu và châu Á, không ai địch nổi.

2. Cuộc viễn chinh phương Tây lần thứ hai

Từ năm 1236 đến năm 1242, Đại Hãn Oa Khoát Đài lệnh cho các phò mã, thiên hộ trưởng... cử con trai cả tham gia cuộc viễn chinh phương Tây lần thứ hai.

Quân viễn chinh do con trai cả của Truật Xích là Bạt Đrô làm thống lĩnh, các bộ lạc khác cũng lần lượt do con trai cả của thủ lĩnh bộ lạc làm thống lĩnh, chẳng hạn như bộ lạc Oa Khoát Đài thì do con trai cả Quỷ Do cầm quân, bộ lạc Đà Lôi thì do con trai cả Mông Kha cầm quân, sứ sách gọi là "cuộc viễn chinh của các trưởng nam" (nhưng trong đội hình này cũng có nhiều người là con thứ). Theo truyền thống của Mông Cổ, dưới trướng của mỗi vị trưởng nam đều rất đông quân, nên lực lượng của cuộc viễn chinh lần này hùng mạnh vô cùng, tổng quân số khoảng 50 vạn người.

Đội quân tiêu diệt đế quốc Khwarezm đầu tiên, ít lâu sau lại kéo tới chinh phạt nước Nga, đánh chiếm các thành phố Moscow, Kiev. Sau đó họ lại chia làm nhiều cánh quân tiến thẳng vào khu vực trái tim của châu Âu.

Năm 1241, cánh quân Mông Cổ ở phía Bắc đánh bại liên quân Ba Lan và Đức tại Legnica ở Tây Nam Ba Lan. Chủ lực của cánh quân ở giữa do Bạt Đrô dẫn đầu tấn công thẳng vào Hungary, còn quân tiền phong thì đánh thẳng vào thành Venice của Italy. Cả châu Âu hoảng

Ba lần viễn chinh phương Tây của quân Mông Cổ

1. Cuộc viễn chinh phương Tây lần thứ nhất

Từ 1219 đến 1225, để quét sạch tàn dư của bộ lạc Nãi Man, đồng thời lập kế hoạch tiêu diệt cường quốc ở Tây Vực là Khwarezm, Thành Cát Tư Hãn viện cớ Khwarezm vô cớ giết hại đoàn thương nhân và sứ thần của Mông Cổ đích thân dẫn đội quân 20 vạn người viễn chinh phía Tây. Đi cùng ông là các con trai Truật Xích, Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài, Đà Lôi và các đại tướng Tốc Bất Đài, Triết Biệt.

Võ ngựa của đội quân Mông Cổ thẳng tiến suốt chặng đường dài, đến năm 1220 thì tấn công và chiếm kinh đô Samarkand của đế quốc Khwarezm, quốc vương của họ bỏ thành chạy về phía Tây. Bị đồn vào đường cùng không lối thoát, vị quốc vương đó cuối cùng lâm bệnh và qua đời trên một hòn đảo ở bờ Tây biển Caspi. Thành Cát Tư Hãn cử một đội quân khác đánh bại thái tử của đế quốc Khwarezm ở Ấn Độ. Năm 1223, quân Mông Cổ tiến sâu vào đất Nga, đánh bại liên quân Khâm Sát (hay còn gọi là Kipchak) và Nga, sau đó tiến quân tới tận bờ Bắc biển Đen mới quay về Mông Cổ. Trên đường trở về, quân Mông Cổ còn nhân tiện tiêu diệt nước Tây Hạ vốn từ chối theo họ viễn chinh phương Tây. Trên đường chinh phục Tây Hạ trở về, Thành Cát Tư Hãn lâm bệnh và qua đời, hưởng thọ 71 tuổi.

loạn như ngày tận thế, và gọi đó là "thảm họa vàng" (nghĩa là thảm họa do người chủng tộc da vàng đem đến). Dúng thời điểm đó, nhận được tin dữ là Oa Khoát Đài đã băng hà, quân Mông Cổ nhanh chóng rút quân về nên châu Âu mới thoát khỏi kiếp nạn.

3. Cuộc viễn chinh phương Tây lần thứ ba

Năm 1251, sau khi lên ngôi Đại Hãn không lâu, Mông Kha ra lệnh cho em trai mình là Húc Liệt Ngột dẫn quân viễn chinh phương Tây. Mục đích lần này là tiêu diệt nước Mộc Thích Di (nay là phia Bắc Iran thuộc bờ Nam của biển Caspi) ở vùng Tây Nam Á.

Vào năm 1257, quân Mông Cổ lại tiếp tục cát quân Tây tiến, đánh chiếm thành Baghdad, tùy tiện tàn sát dân trong thành, giết hại hơn 80 vạn người, tiêu diệt nhà Abbas có bề dày lịch sử hơn 500 năm. Sau đó, đội quân của Húc Liệt Ngột lại đánh chiếm thánh địa Mecca của Ả Rập và Damascus của Syria. Mũi quân tiền phong của họ tiến mãi đến khu vực đảo Cyprus ở phía Đông của Địa Trung Hải. Nếu như quân Mông Cổ không đột nhiên nhận được tin Mông Kha chết trận trong cuộc chinh phạt nước Tống thì e rằng Ai Cập cũng bị diệt vong dưới bàn tay của đội quân Mông Cổ.



Kỵ sĩ châu Âu bị coi là “bia đựng tên”

Khi quân Mông Cổ tiến về phía Tây, các kỵ sĩ châu Âu đa phần đều được trang bị mũ giáp nặng nề. Kiểu trang bị này vô cùng có lợi khi cận chiến, nhưng lại bất lợi khi chạy nhanh. Vì thế, một khi giao chiến với quân Mông Cổ, họ đành phải ngoan ngoãn làm “bia đựng tên” cho các cung thủ Mông Cổ.

Điều khiến các kỵ sĩ châu Âu mất tinh thần là sau khi dùng cung tên tàn sát phần lớn quân địch, quân Mông Cổ mới đánh giáp lá cà. Việc đó khiến cho các kỵ sĩ châu Âu trước giờ vốn ý lại vào việc tấn công ở ạt không có đất dụng võ. Năm 1241, kỵ binh Mông Cổ đã dựa vào chiến thuật này đánh bại 10 vạn quân tinh nhuệ nhất của Hungary do vua Béla IV dẫn đầu, giết hại hơn 7 vạn người.

Nếu như khi đó Đại Hãn Mông Cổ là Oa Khoát Đài không đột ngột qua đời thì người da vàng đã thống nhất cả hai lục địa Á Âu từ 750 năm trước.



Châu Âu và châu Á khác nhau xa về chiến thuật

Lấy ví dụ về đội hình khi chiến đấu, quân đội của châu Âu và của châu Á khác nhau một trời một vực.

Đội hình của quân đội châu Âu cực kì nghiêm ngặt, chú trọng việc xếp thành phong trào trận khi tác chiến, các binh chủng như bộ binh, kỵ binh, cung thủ, pháo binh, cùng hỗ trợ chặt chẽ khi tác chiến. Lấy ví dụ về phong trào trận của bộ binh La Mã và Macedonia, các bộ binh mang bộ áo giáp dày nặng, tay cầm giáo dài xếp thành đội hình dày đặc từ 20 hàng trở lên, hơn nữa càng về phía sau thì giáo lại càng dài, thậm chí cần phải gác lên vai của chiến binh ở hàng trước. Mật chính diện của phong trào trận kiểu này là một rùng gươm giáo, độ sát thương cao. Mật sau của phong trào trận chốt chốt lại có các tay pháo binh ném lao về phía kẻ thù, hai bên sườn của phong trào trận thì do các kỵ binh đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ. Đội hình kiểu này thể hiện kiểu tư duy nghiêm ngặt, chú trọng sự phân công khoa học, giỏi về tổ chức theo hệ thống lồng nhau của người phương Tây. Cho dù lực lượng xung kích vô cùng hùng mạnh nhưng cũng tồn tại các nhược điểm như di chuyển không thuận tiện.

Quân đội châu Á (lấy Trung Hoa và Ả Rập làm đại diện) khi lâm trận thì chú trọng tính cơ

động của tác chiến và tính linh hoạt của chiến thuật, chú trọng mưu kế chứ không giao chiến trực diện một cách cứng nhắc. Vì thế, dưới sự tấn công theo các chiến thuật linh hoạt như nhử địch, đánh bọc sườn của quân Mông Cổ thì quân đội châu Âu với đội hình nghiêm chỉnh liền trở nên lực bất tòng tâm.

Về phương diện vận dụng chiến thuật kỵ binh, giữa châu Á và châu Âu cũng khác biệt rất lớn.

Châu Âu chú trọng phát triển đội kỵ binh trang bị nặng, uy lực hùng mạnh. Binh lính mặc những bộ áo giáp lười, có tác dụng chống đỡ khá tốt đối với dao thương và cung tên, đồng thời sử dụng các loại vũ khí có sức sát thương cao như giáo dài và trường kiếm. Về vận dụng chiến thuật, kỵ binh vẫn duy trì đặc điểm phong trào của bộ binh thời kì La Mã cổ đại, chú trọng sự nghiêm ngặt chỉnh tề của đội hình và khả năng sát thương, khả năng phòng ngự khi giao chiến, từ đó mất đi sự cơ động, phạm vi tác chiến bị bó hẹp.

Kỵ binh châu Á nhìn chung rất ít khi mặc những bộ mũ giáp dày và nặng, vì thế loại binh khí sử dụng cũng rất đa dạng. Ngoài dao, thương dài ra, họ còn sử dụng các vũ khí như cung nỏ. Điều đó giúp cho khả năng cơ động và phạm vi tác chiến của đội kỵ binh chiếm ưu thế cực lớn.

Chương 3: Hốt Tất Liệt và triều Nguyên

Nội dung chính:

Sự phát triển của đế quốc

Đế quốc Mông Cổ từng là đế quốc hùng mạnh nhất trong lịch sử thế giới, vô số quốc gia và dân tộc đều khuất phục dưới vó ngựa của kị binh Mông Cổ ở thế kỉ 13.

Triều đại nhà Nguyên

Năm 1260, người con trai thứ tư của Đà Lôi là Hốt Tất Liệt lên ngôi. Năm 1271, ông chính thức đổi quốc hiệu thành Đại Nguyên, sử gọi là triều Nguyên, lấy Đại Đô (Bắc Kinh ngày nay) làm kinh đô.

Marco Polo du lịch tới Trung Hoa

Trong thời gian trị vì của Nguyên Thế Tổ, thương nhân Marco Polo của Venice từng tới Trung Hoa. Trong cuốn sách “Marco Polo du ký”, ông đã ghi chép tường tận về những cảnh tượng phồn vinh của kinh đô Đại Đô thuộc triều Nguyên thời bấy giờ.



CÂU CÁ LÀ
TRUẬT XÍCH. HAY
ĐỂ NÓ THÀNH LẬP
HÂN QUỐC KHẨM
SÁT TRÊN VÙNG
ĐẤT KHANG LÍ
KHẨM SÁT MÀ NÓ
ĐÃ ĐÍCH THÂN
CHINH PHỤC.

CÂU THỨ BA LÀ OA
KHOÁT ĐÀI, VỐN TƯ DUY
THẬN TRỌNG CHU ĐÁO
VÀ LÀM VIỆC CHẮC CHẮN,
LÀ NGƯỜI THỪA KẾ
NGÔI VỊ PHÙ HỢP
NHẤT.



OA KHOÁT ĐÀI



BÀ LỘI

TRUẬT XÍCH

Sự phát triển của đế quốc

Thành Cát Tư Hãn dựa vào tính cách và năng lực của bốn người con trai để suy xét việc thừa kế ngôi vị.

CÒN CÂU THỨ TƯ LÀ
ĐÀ LỘI, CÚ CHO NÓ PHẦN ĐẤT
ĐƯỢC PHONG CỦA TA, ĐỂ NÓ
PHÒ TÁ OA KHOÁT ĐÀI.

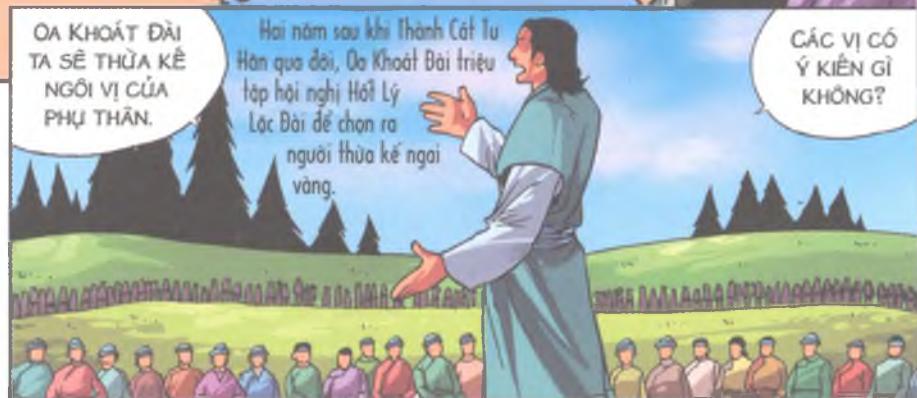
CÂU THỦ HAI LÀ
SÁT HỢP ĐÀI, CHO
NÓ 4.000 BINH SĨ VÀ
THÀNH SAMARKAND
ĐỂ THÀNH LẬP HÂN
QUỐC SÁT HỢP ĐÀI.

SÁT HỢP ĐÀI

OA KHOÁT ĐÀI
TA SẼ THỪA KẾ
NGÔI VỊ CỦA
PHỤ THÂN.

Hai năm sau khi Thành Cát Tư
Hãn qua đời, Oa Khoát Đài triệu
tập hội nghị Hồi Lý
Lộc Đài để chọn ra
người thừa kế ngai
vàng.

CÁC VỊ CÓ
Ý KIẾN GÌ
KHÔNG?



CẢ BA HUYNH
ĐỆ CHÚNG
TA ĐỀU TÂN
THÀNH SỰ SẮP
ĐẶT CỦA PHÙ
VƯƠNG.

ĐÃ NHƯ VẬY
THÌ ĐỆ CÙNG
KHÔNG CHỒI
TỬ NỮA.



ĐỆ SẼ LÀM
THEO DI NGUYỆN
CỦA CHA, ĐUA MÔNG
CỔ TRỞ THÀNH QUỐC
GIA HÙNG MẠNH NHẤT
TRÊN THẾ GIỚI.

NAY TA ĐÃ LÀ ĐẠI
HÂN THỨ HAI CỦA
MÔNG CỔ, TỰ CẨM
THẦY TRÁCH NHIỆM
LỚN LAO MÀ LỰC
BẤT TÒNG TÂM.

ĐẠI HÂN, ĐÂY LÀ QUAN
ĐẠI THẦN GIA LUẬT SỞ
TÀI - NGƯỜI PHÒ TÁ PHÙ
VƯƠNG NGÀY
TRƯỚC.



ĐÀ LÔI, TA
CẦN SỰ ỦNG HỘ HẾT
MÌNH CỦA CÁC KHANH.

Đà Lôi phò tá Oa Khoát
Đài cai tri đất nước.

THẦN GIA LUẬT
SỞ TÀI XIN BÁI
KIÊN OA KHOÁT
ĐÀI ĐẠI HÂN.



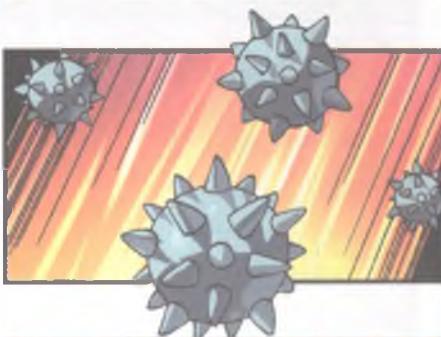


QUÂN
MÔNG CỔ
ĐANG TÁI KÌA.
MỌI NGƯỜI HAY
THỂ CHẾT BẢO
VỆ ĐẤT NƯỚC!

XÔNG LÊN!

ĐÁNH! DÙNG
CHÂN THIÊN
LỐI PHẢN
CÔNG!

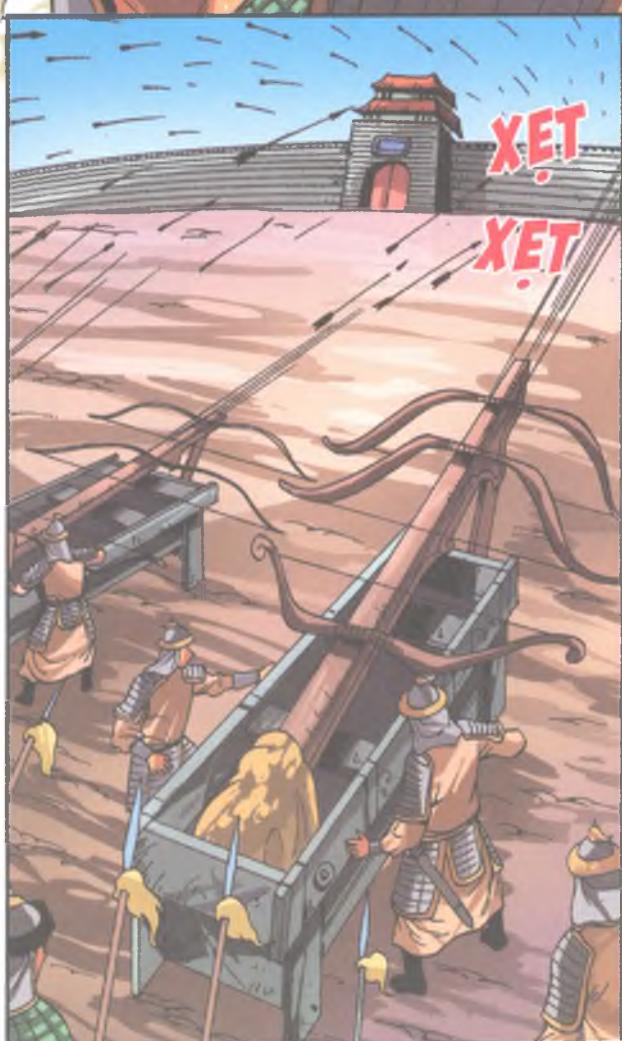
Quân Kim dùng vũ khí hạng nặng như
chân thiên lôi để đối phó với quân Mông Cổ.



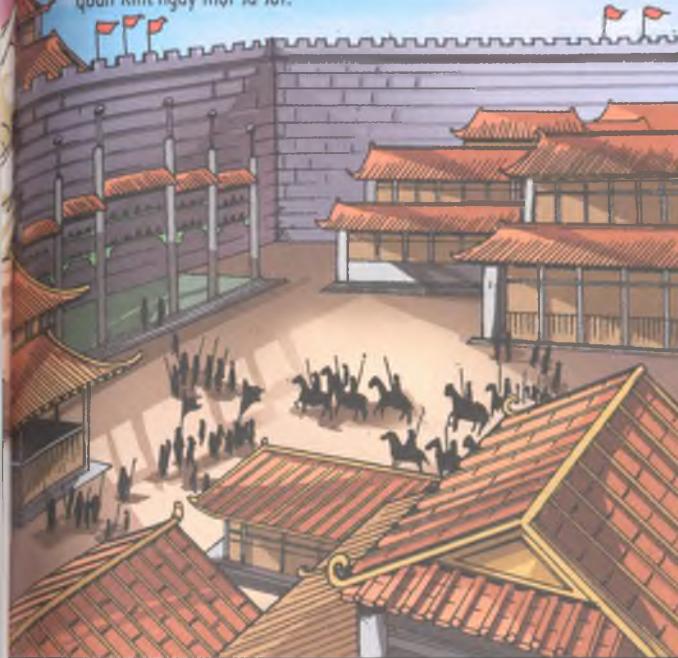
OÁI!

ĐOÀNG

DÙNG NỔ
BẮN TÊN
PHÂN CÔNG!



Quân Kim bị vây chặt trong thành, việc cung cấp vật tư và vũ khí ngày càng khó khăn. Với thế tấn công ô gác của quân Mông Cổ, nhuệ khí của quân Kim ngày một sa sút.



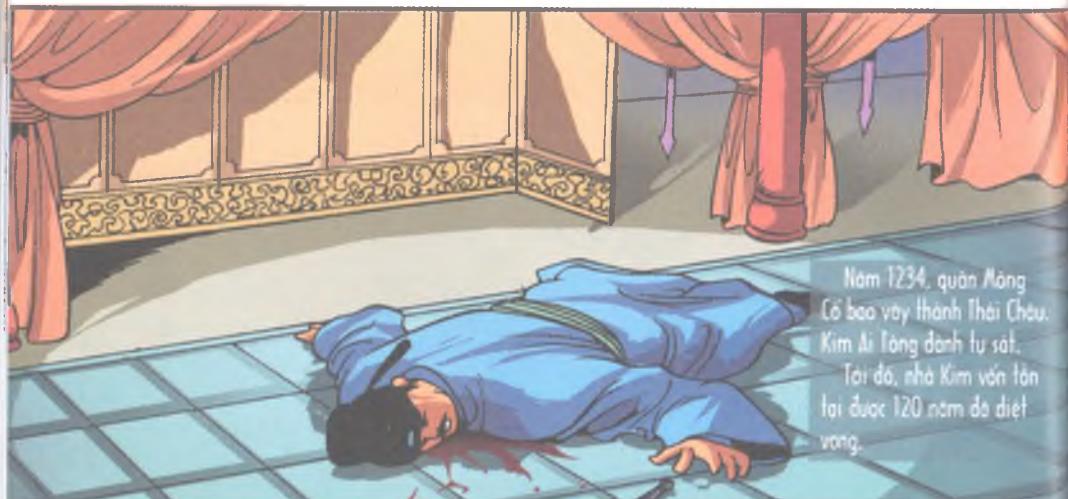
KHÔNG CHỊU
NỐI NỮA RỒI,
MAU TÌM NƠI
AN TOÀN ĐỂ
LÃNH NẠN
THÔI.

Năm 1232, vua Kim Ái Tông
bang hoàng thảo chạy khỏi thành.

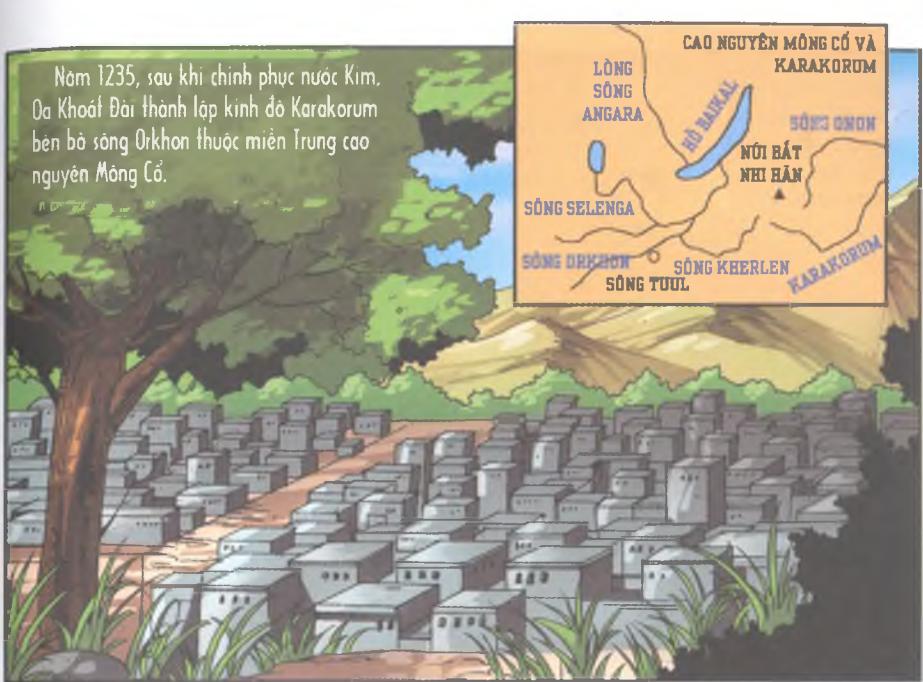


Nhung khong may la...

Trong cuộc chiến này,
Đà Lội lại lâm bệnh và
qua đời.



Năm 1235, sau khi chinh phục nước Kim, Oa Khoát Đài thành lập kinh đô Karakorum bên bờ sông Orkhon thuộc miền Trung cao nguyên Mông Cổ.



TÀ ĐANG NGHĨ XEM
CÓ NÊN LÀM NHỮNG
CON DƯỜNG NỐI LIỀN
KARAKORUM VỚI CÁC
THÀNH PHỐ MÀ CHÚNG
TA CHINH PHỤC ĐƯỢC
KHÔNG.

Ý HAY
LÂM Ạ!

▲ Chân dung Oa Khoát Đài



TỐI LÚC ĐÓ,
TẤT CẢ CON
ĐƯỜNG ĐỀU
NÔI LIỀN VỚI
KARAKORUM.

NẾU VẬY
KARAKORUM
SẼ TRỞ THÀNH
TRUNG TÂM
GIỐNG NHƯ
THÀNH ROME.

NGOÀI RA, CỨ CÁCH
MỘT ĐOẠN SẼ XÂY
MỘT DỊCH TRẠM, TẠI
ĐÓ CÓ SẴN CHỖ
Ở VÀ NGỰA ĐỂ
DI CHUYỂN.

NHƯ VẬY
SẼ THUẬN TIỆN
CHO SỨ THẦN CÁC
NƯỚC QUA LẠI VÀ
CÁC QUAN CHỨC
KHI ĐI LÀM VIỆC
TẠI ĐỊA PHƯƠNG.

ỪM,
Ý KIẾN
HAY ĐÓ.

CHO XÂY
DỰNG THÊM
CÁC DỊCH
TRẠM.



Dịch trạm có từ thời nhà Thương nhà Chu, cung cấp nơi ăn chốn ở cho quan lại, người phụ trách liên lạc và các thương nhân.

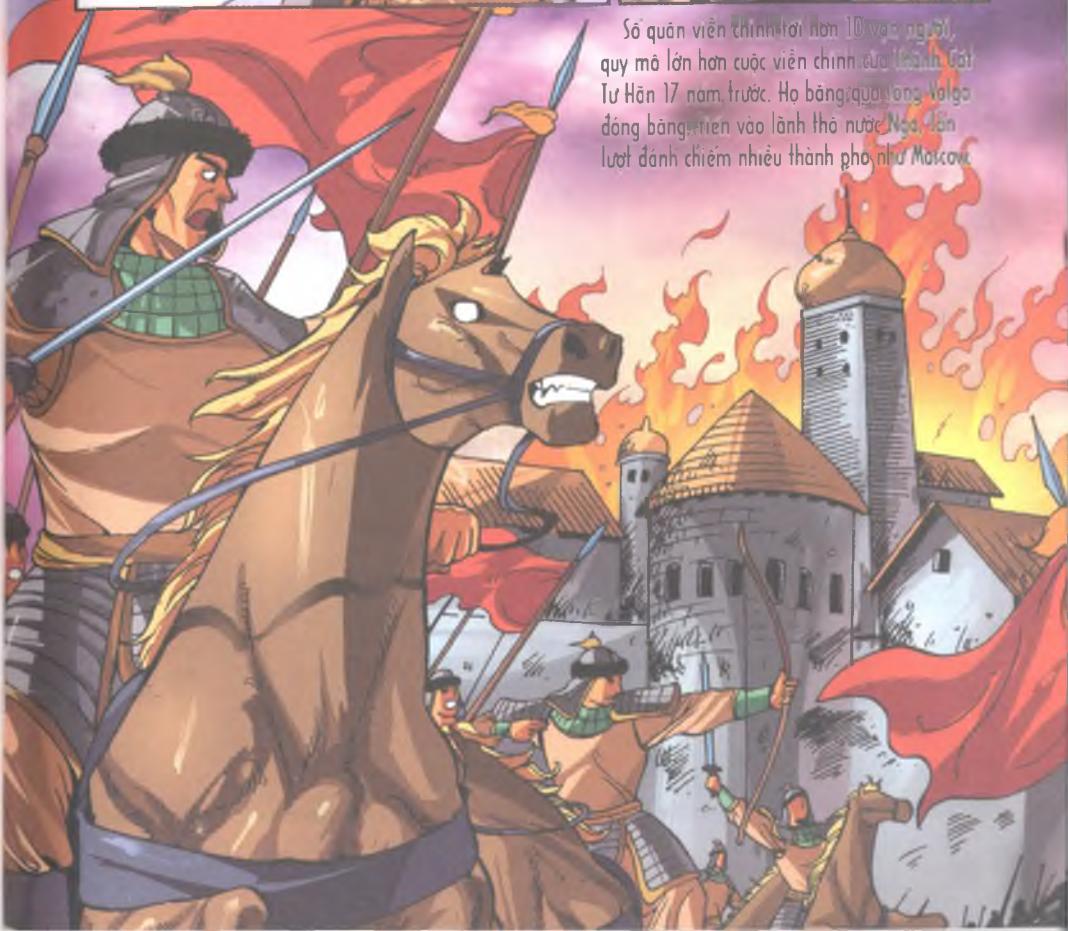
◆ Đây là di chỉ của Kê Minh Dịch. Kê Minh Dịch còn được gọi là Kê Minh Sơn Dịch, được xây dựng từ triều Nguyên, là dịch trạm lớn nhất và được bảo tồn hoàn chỉnh nhất hiện nay của Trung Quốc.

BAT ĐÔ, CHÂU
PHẢI CHIẾN DẦU,
THẬT DŨNG
CẨM.

Năm 1236, Da Khoát Đài quyết
định nới gát Thành Cát Tu Hán, tiến
hành viễn chinh châu Âu lần thứ hai.

VÂN A,
CHÂU NHẤT ĐỊNH
SẼ CỐ GẮNG
HOÀN THÀNH
NHIỆM VỤ.

Bạt Đô, con trai của Truật Xích
được giao nhiệm vụ làm thống lĩnh
quân viễn chinh.



Số quân viễn chinh tới hơn 10 vạn người,
quy mô lớn hơn cuộc viễn chinh của Thành Cát
Tu Hán 17 năm trước. Họ băng qua sông Volga
đóng băng, tiến vào lãnh thổ nước Nga, lần
lượt đánh chiếm nhiều thành phố như Moscow.

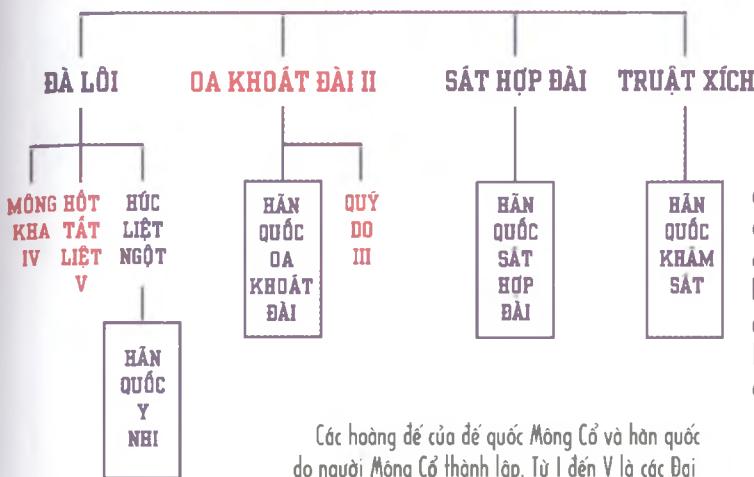
◀ Quân viễn chinh của Mông Cổ



Năm 1241, sau khi chinh phục được nước Nga, Bạt Đô lại phát động tấn công về phía Tây, lần lượt chiếm các thành phố trung tâm của các nước như Ba Lan, Hungary, Đức, Áo ngày nay.



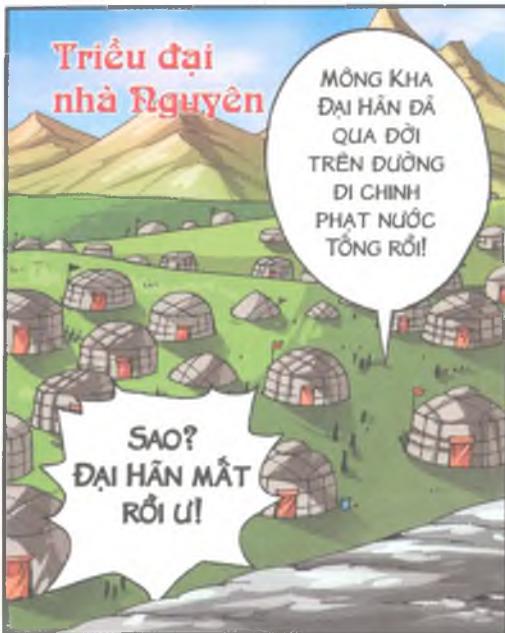
THÀNH CÁT TƯ HÃN I



Sau khi Oa Khoát Đài qua đời, con trai của ông là Quý Do được tiến cử làm Đại Hãn đời thứ ba. Sau khi Quý Do mất, con trai cả của Đà Lôi là Mông Kha là Đại Hãn đời thứ tư.

Các hoàng đế của đế quốc Mông Cổ và hàn quốc do người Mông Cổ thành lập. Từ I đến V là các Đại Hãn từ đời thứ nhất đến đời thứ năm.

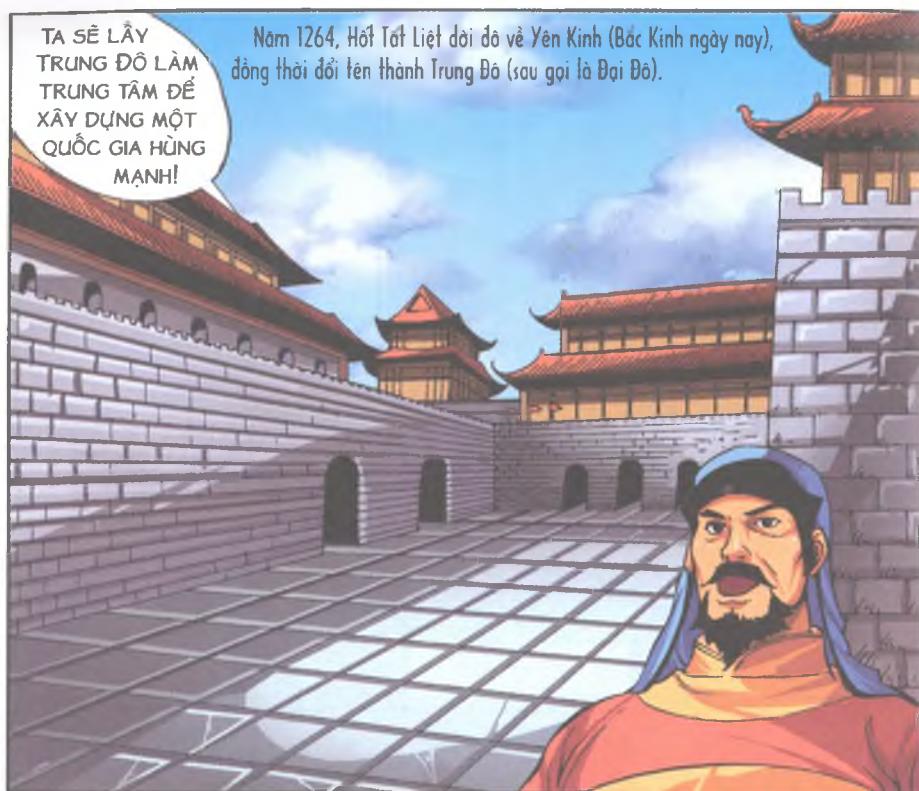






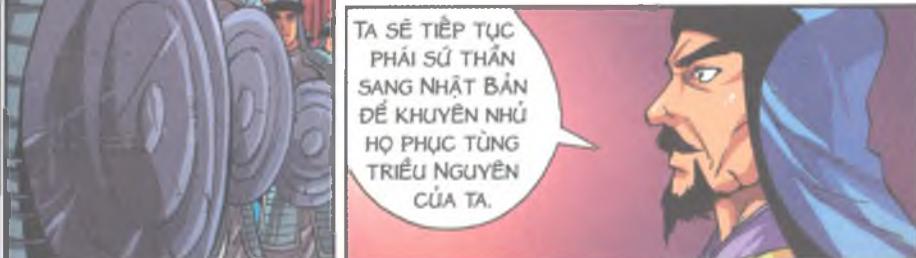
TÀ SÊ LÂY
TRUNG ĐÔ LÀM
TRUNG TÂM ĐẾ
XÂY DỰNG MỘT
QUỐC GIA HÙNG
MẠNH!

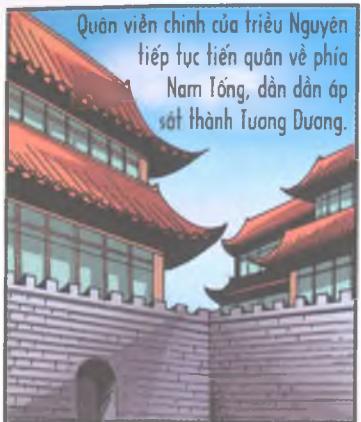
Năm 1264, Hốt Tất Liệt dời đô về Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay),
đồng thời đổi tên thành Trung Đô (sau gọi là Đại Đô).



TỪ HÔM NAY TRỎ ĐI
TRIỀU ĐẠI NGUYỄN
CỦA TRẦM CHÍNH
LÀ VƯƠNG TRIỀU
CHÍNH THÔNG.

Năm 1271, Hốt Tất Liệt đổi quốc hiệu thành Nguyên.





KHÔNG CHO QUỐC
ĐẢO NHỎ NHOI ĐÓ
MỘT BÀI HỌC THÌ
TÔN NGHIÊM CỦA
TRIỀU ĐẠI NGUYỄN
CÒN ĐẦU NỮA?

LẬP TỨC PHÁI
SỰ GIẢI ĐI CAO LY,
BẢO HỘ CHUẨN BỊ
TÀU THUYỀN ĐỂ
CHINH PHẠT
NHẬT BẢN!

Năm 1274, một đội thuyền chiến hùng dũng xuất phát từ bờ đảo Triều Tiên đi về phía Nhật Bản, đội thuyền có cả thảy 900 chiếc, số binh sĩ của triều Nguyễn là hơn 20.000 người, số binh sĩ của Cao Ly là 5.000 người.



Trên đường đi, quân Nguyên đã chiếm được hai hòn đảo Tsushima và Iki của Nhật Bản, rồi lâu sau, đội thuyền tiến vào cảng Hakata.

Số súng trong bộ cá nhân của binh sĩ
Mông Cổ và binh sĩ Nhật Bản

Khi lát chiến, binh sĩ Mông Cổ
đeo mũ giáp nhẹ làm bàng da và
sát, dùng cung tên bắn tung

Quân Mông Cổ

Quân Nhật Bản

Thời đó, Nhật Bản đang ở thời kỳ
Mạc phủ, trang bị của voi súng gồm có
cung nỏ làm bằng gỗ với giàn hoặc
tre, ngoài ra còn có mìn hoặc hai
thanh kiếm ngắn.

Cảng Hakata

QUÂN
NGUYỄN KÉO
TỚI RỒI KIA!

Năm 1274, quân Nguyên và quân
Cao Ly cùng đổ bộ lôi cảng Hakata.

AHH...





OÃI!
NỐI BÃO
RỒI!



Cơn bão bất ngờ đó gàn như đâm nhahn chìm tất cả chiến thuyền của quân Nguyên, số binh sĩ thiệt mạng tới hơn 10.000 người.

Nhưng người sống sót khiếp đảm tháo chạy khỏi Nhật Bản. Cuộc chiến đó được sử sách Nhật Bản gọi là “trận Bun’ei” (hay trận thứ nhất trên vịnh Hakata).



GÌ CƠ?
QUÂN TA
THẢM BẠI
UI!

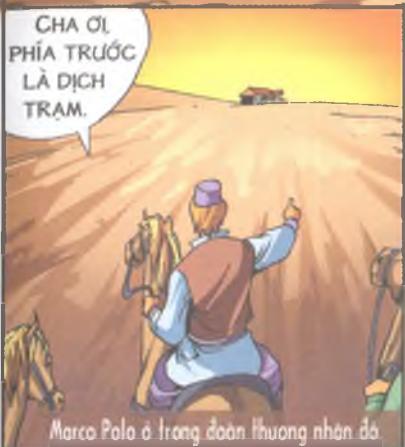


CƠN BÃO ĐÁNG NGUYỄN
RỬA! QUÂN NHẬT ĐÚNG LÀ
ĂN MAY! NHƯNG TA KHÔNG
BỎ CUỘC ĐỀ THÊ ĐẦU!



Marco Polo du lịch tới Trung Hoa

Khi đó, một đoàn thương nhân Italy đang lặn lội trên sa mạc Gobi dẫn tới thành Đại Đô của nước Nguyên.



PHẢI RỒI, MÌNH
CŨNG PHẢI GHI CHÉP
CHUYỆN VỀ DỊCH
TRẠM VÀO TRONG
NHẬT KÍ. NHẬT KÍ
CỦA MÌNH ĐÚNG LÀ
NGÀY CÀNG
ĐẶC SẮC.

Marco Polo ghi chép lại một cách lì
mì tất cả những điều tai nghe mắt thấy
trên đường đi. Người đời sau thu thập
và chỉnh sửa những bài bút kí của ông
thành tác phẩm "Marco Polo du ký".

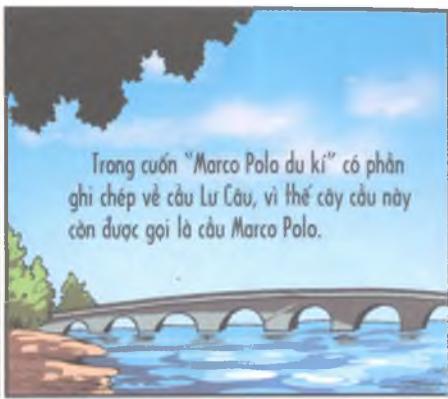
Trải qua cuộc hành trình trong bốn năm trời,
đoàn của Marco Polo cuối cùng đã
tới Thành Đại Đô của triều
Nguyên. Khi đó là
năm 1275.

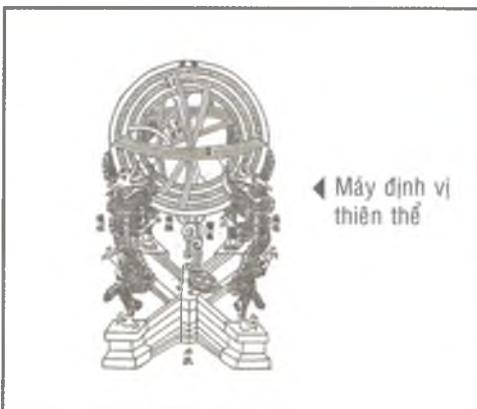
DÂY
CHÍNH LÀ
cầu Lư
câu.

CÂY CẨU
ĐẸP QUÁ!
TƯỢNG
ĐÃ CÙNG
RẤT TINH
XÁO!



◀ Cuốn "Marco Polo du ký"
(còn gọi là "Những ghi
chép về phương Đông")





HÌNH NHƯ ĐA
SỐ NGƯỜI NHÀ
NGUYỄN THÍCH
CUỐI NGỰA VÀ
THI ĐẦU VẬT
NHI?

NHỮNG VĂN
HÓA CÙNG VÕ
CÙNG PHÁT
TRIỂN.

Đoàn của Marco Polo vào tới hoàng cung,
điện kiến Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt.

MUÔN TÂU
BỆ HẠ, TẠI HẠ
LÀ MARCO POLO
– THƯƠNG NHÂN
NGƯỜI ITALY Ạ.

Vào thời nhà Nguyễn, do giao
thông giữa phương Đông với phương
Tây phát triển, các thành tựu khoa
học kĩ thuật của người Ả Rập du nhập
vào Trung Hoa, kể cả thiên văn học.

Đây là bài thiên văn do nhà
khoa học Quách Thủ Kính
xây dựng nên.

VÌ SAO NGƯỜI
LẠI LẶN LỘI
ĐƯỜNG XA
TỚI ĐẤT NƯỚC
CỦA TẠ?



VÌ TẠI HÀ MUỐN
TẬN MẮT NHÌN
THẦY PHONG
THỔ NHÂN TÍNH
CỦA PHƯƠNG
ĐÔNG.

VÌ NGƯỜI
THẦY ĐẤT ĐẠI
ĐÔ THÊ NÀO?

THEO TẠI HÀ
THÌ TRÊN THẾ
GIỚI KHÔNG CÓ
THÀNH PHỐ NÀO
PHỒN HOA HƠN
ĐẠI ĐÔ.

ĐÚNG VẬY.
LÃNH THỔ CỦA
NHÀ NGUYỄN
CHÚNG TA RỘNG
LỚN HƠN NHIỀU
SO VỚI CÁC NGƯỜI
TƯỞNG TƯỢNG.

NHÀ NGƯỜI
CÓ MUỐN
Ở LAI
KHÔNG?

TA CÓ THỂ PHONG
NGƯỜI LÀM QUAN, ĐỒNG
THỜI CHO PHÉP NGƯỜI
ĐƯỢC TỰY Ý DU LỊCH
TRONG LÃNH THỔ NHÀ
NGUYỄN.

NGOÀI ĐẠI ĐÔ RA,
CÒN CÓ RẤT NHIỀU
ĐÔ THÀNH ĐẸP KHÁC NỮA.
NỀN VĂN HÓA ĐẶC SẮC CỦA
CHÚNG TA LẠI CÀNG ĐÁNG
ĐỂ THƯỞNG THỨC ĐÂY!

ĐA TÀ
HOÀNG ĐẾ
BỆ HÀ, THÂN
RẤT SẴN
LÒNG À!

Đo được Hội-lai-Liết giữ ở lại, Marco Polo đã ở Trung Hoa tới 17 năm.

QUÂN TỔNG
TRỐN VÀO
TRONG NÚI
RỒI!

CHÚNG
ĐÃ ĐÊM BƯỚC
ĐƯỜNG CÙNG,
MAU TIÊU DIỆT
CHÚNG!

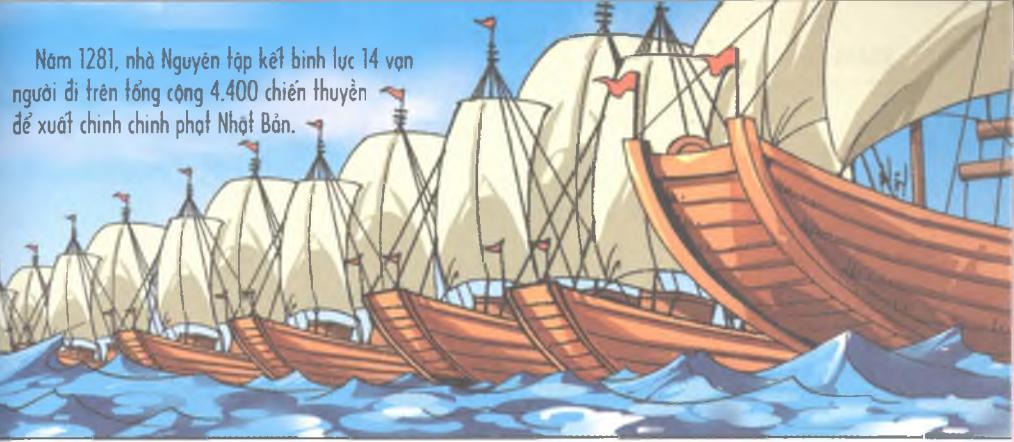
Từ năm 1267, do bị quân Nguyên bức ép lùi dần về phía Nam, cuối cùng quân Tống tập kết tại vùng Nho Sơn để quyết chiến trận cuối cùng với quân Nguyên.

OÁi...

Năm 1279, toàn bộ quân Tống bị chôn
vùi, nhà Nam Tống diệt vong.



Năm 1281, nhà Nguyên tập kết binh lực 14 vạn người đi trên tổng cộng 4.400 chiến thuyền để xuất chinh chinh phạt Nhật Bản.

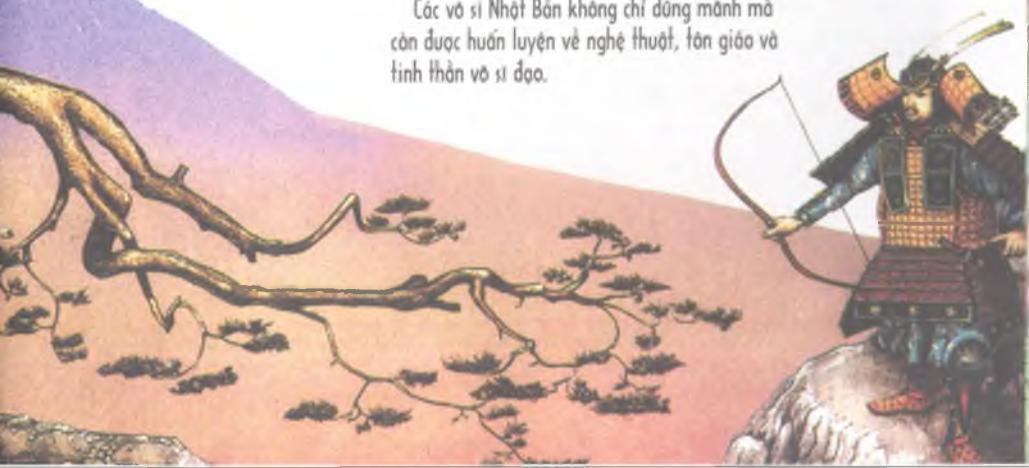


MAY MÀ CÓ
TRỜI GIÚP KHÔNG
THÌ CHÚNG TA
TIÊU RỒI.



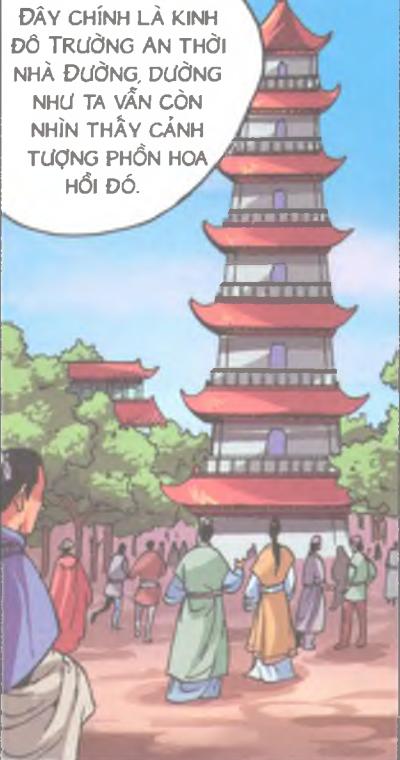
Thế nhưng Hốt Tất Liệt vẫn không thoát khỏi vận xui, đội thuyền lại gặp bão trên đường đi. Vô số binh sĩ bị chôn vùi nơi biển cả, quân Nguyên lại một lần nữa trở về tội tà. Người Nhật gọi trận chiến này là "Trận Koan" (trận thứ hai trên vịnh Hakata).

Các võ sĩ Nhật Bản không chỉ dũng mãnh mà còn được huấn luyện về nghệ thuật, tôn giáo và tinh thần võ sĩ đạo.





Trong thời gian ở lại Trung Hoa, Marco Polo đã đi thăm rất nhiều địa phương.





Giao sao

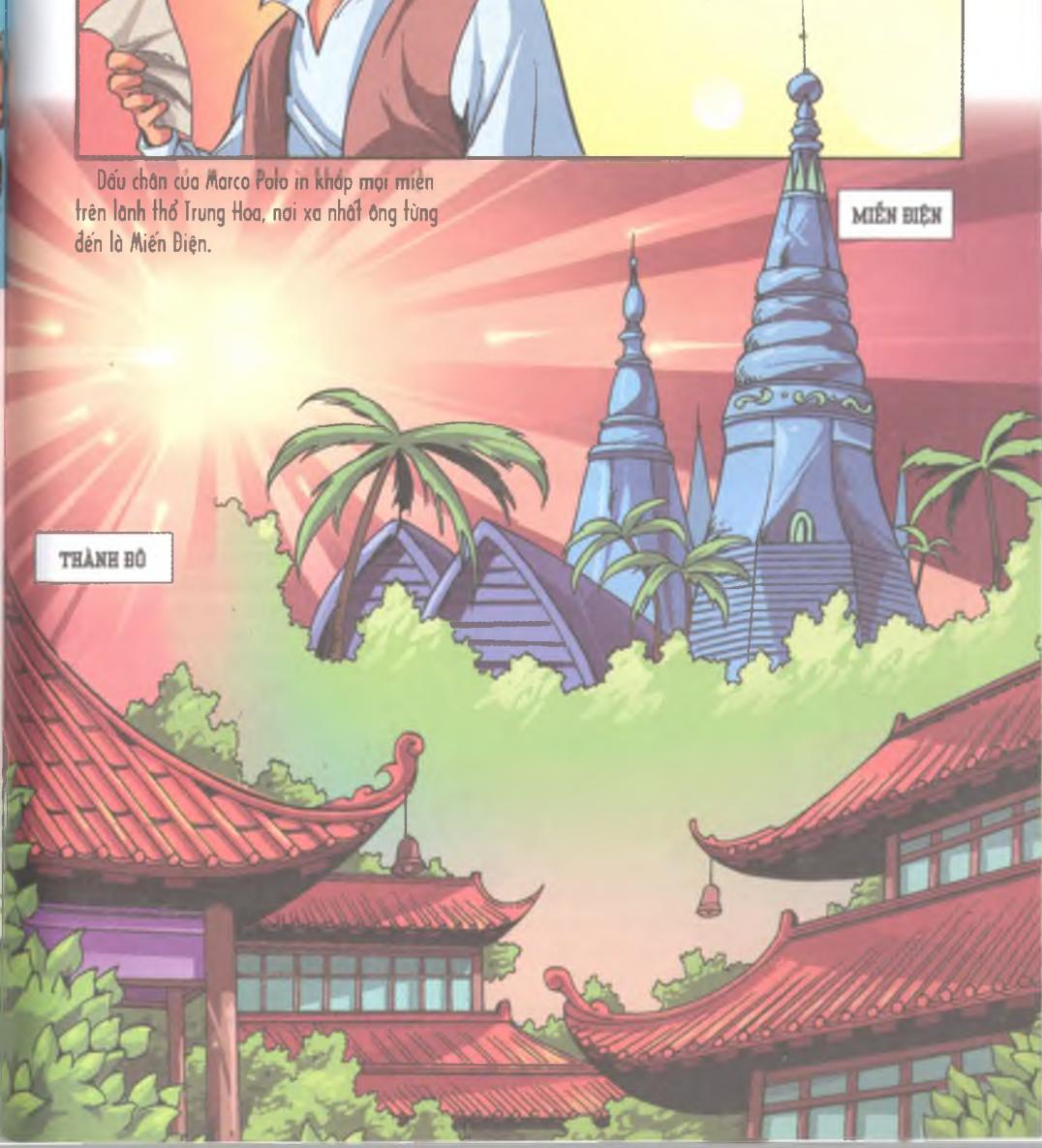
"Giao sao" là một loại tiền giấy thời nhà Nguyên, được làm từ vỏ cây dâu, trên giấy in mệnh giá và án triện của hoàng đế.

LOẠI TIỀN GIẤY NÀY CÓ THỂ LƯU THÔNG TRÊN TOÀN QUỐC, DÙNG ĐỂ GIAO DỊCH RẤT THUẬN TIỆN.

Dấu chân của Marco Polo in khắp mọi miền trên lãnh thổ Trung Hoa, nơi xa nhất ông từng đến là Miền Điện.

MIỀN BIỆN

THÀNH BỘ



Thời nhà Nguyên, không chỉ giao thông đường bộ phát triển mà giao thông đường sông và đường biển cũng rất phồn vinh.



NHIỀU TÀU
THUYỀN
NEO ĐẬU
Ở CĂNG.

TUYỀN CHÂU



NƠI NÀY CÒN
NHỘN NHỊP HƠN
CẢ VENICE Ở QUÊ
HƯƠNG MÌNH.

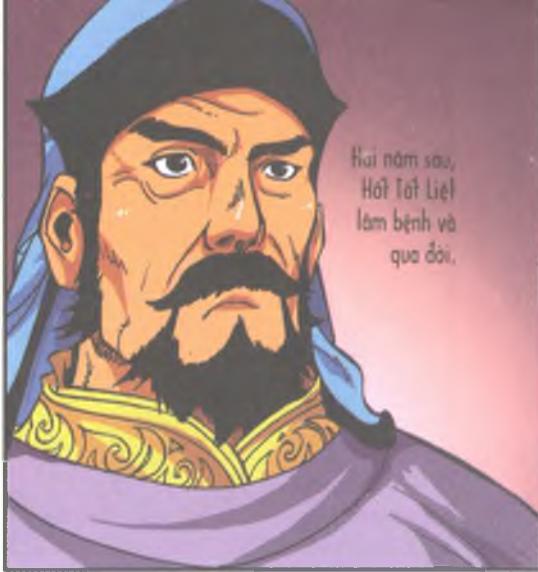
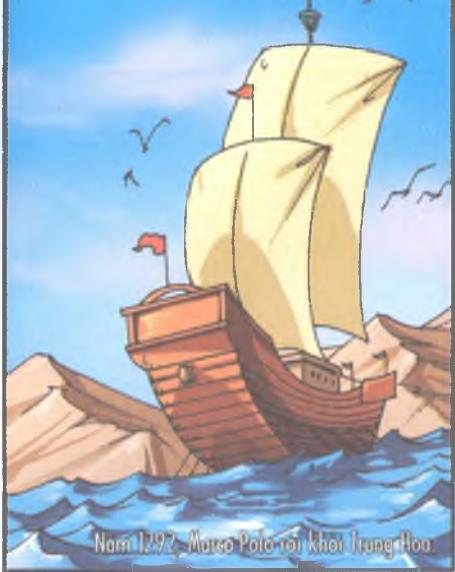


Sau khi ô lại Trung Hoa 17 năm, Marco Polo bắt đầu thấy nhớ quê hương. Nhân dịp đưa cháu gái của Hốt Tất Liệt đi lấy chồng ở hàn quốc Y Nhi, Marco Polo liền trở về Venice.

NHỜ HỒNG PHÚC CỦA
BỆ HẠ MÀ THẦN ĐƯỢC
ĐI DU NGOẠN MỌI NƠI
Ở TRUNG HOA, TÍCH
LŨY THÊM NHIỀU
KIẾN THỨC.

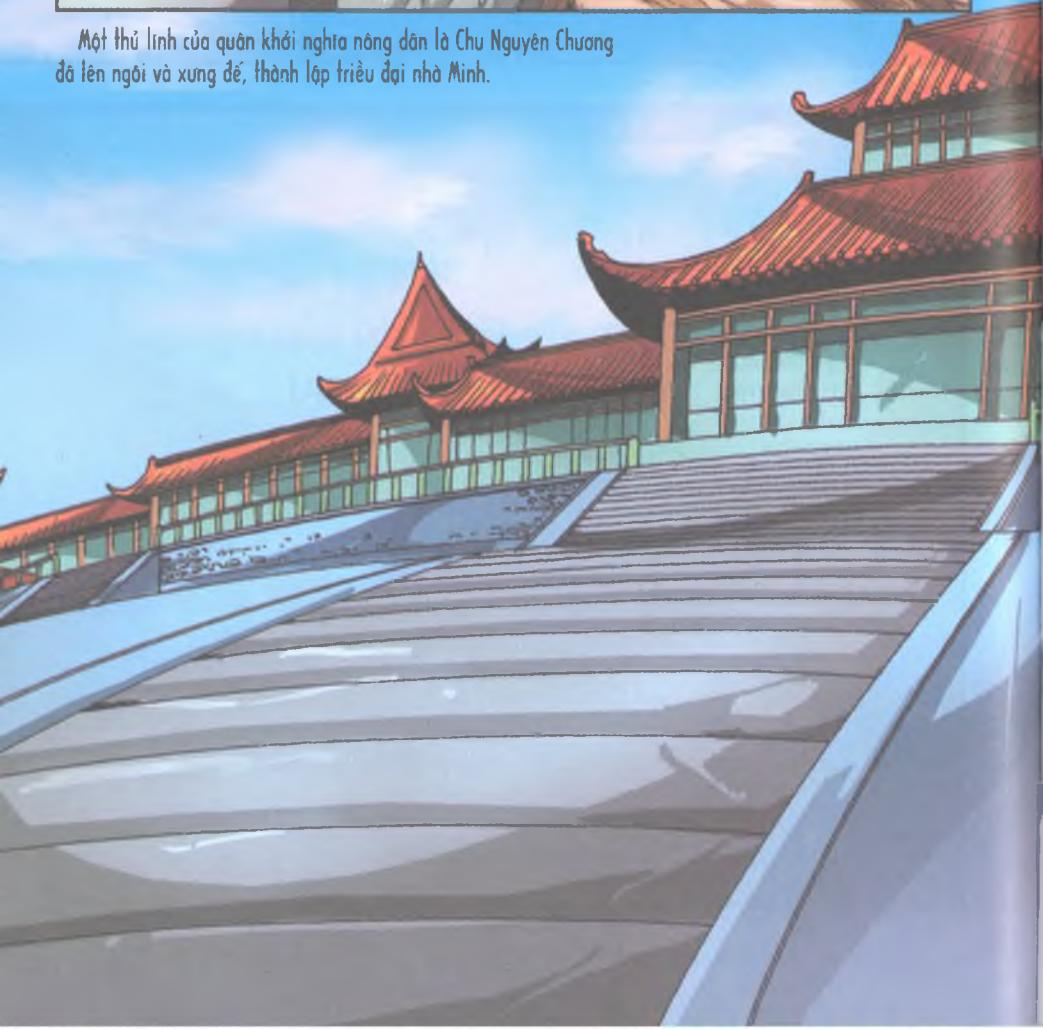
KHANH ĐÃ
Ở ĐÂY 17 NĂM
VẤT VẨ, CÓ CƠ HỘI
LẠI ĐÊM TRUNG
HOA NHÉ!







Năm 1368, nhà Nguyên không còn sức chống cự sự tấn công ồ ạt của quân Khâm Đỏ, người Mông Cổ bị xua đuổi suốt dọc đường về phía Bắc Trường Thành.



Một thủ lĩnh của quân khởi nghĩa nông dân là Chu Nguyên Chương đã lèn ngôi và xung đế, thành lập triều đại nhà Minh.

Vấn đề thừa kế của nhà Nguyễn và việc mở rộng bờ cõi

Sau khi Thành Cát Tư Hãn qua đời, người Mông Cổ đã tuân theo di nguyện của ông là tiến cử người con trai thứ ba Oa Khoát Đài làm Đại Hãn (Thành Cát Tư Hãn có bốn con trai, ba người còn lại là: con cả Truật Xích, con thứ Sát Hợp Đài, con út Đà Lôi). Sau khi Oa Khoát Đài qua đời, hoàng hậu của ông chủ trương cho con trai là Quý Do thừa kế ngôi Đại Hãn. Mông Cổ không hề có chế độ quy định rõ ràng việc thừa kế ngôi Đại Hãn, vừa có thể do Đại Hãn chỉ định lúc sinh thời, lại vừa có thể do hội nghị Hốt Lý Lặc Đài tiến cử.

Sau khi Oa Khoát Đài qua đời, Bạt Đồ phản đối Quý Do thừa kế ngôi Đại Hãn. Bạt Đồ là con trai cả của Truật Xích, cháu nội đích tôn của Thành Cát Tư Hãn, hơn nữa trong cuộc viễn chinh châu Âu ông cũng lập nhiều chiến công hiển hách. Cuối cùng Quý Do vẫn được làm Đại Hãn, nhưng chỉ nắm quyền hai năm thì qua đời. Sau khi ông mất, trong nội bộ giới quý tộc Mông Cổ chia làm hai phe: một phe là các vương hầu nhà Oa Khoát Đài và nhà Sát Hợp Đài; còn phe kia là các vương hầu nhà Truật Xích và nhà Đà Lôi, ra sức tiến cử Mông Kha – con trai cả của Đà Lôi (Đà Lôi cũng có bốn con trai, ba con trai còn lại là con thứ Hốt

Tất Liệt, con thứ ba Húc Liệt Ngột, con út A Lý Bất Ca). Cuối cùng Bạt Đồ quyết định triệu tập hội nghị Hốt Lý Lặc Đài, bầu chọn Mông Kha làm Đại Hãn.

Từ đó về sau, đế quốc Mông Cổ chủ yếu do các vương hầu nhà Truật Xích và nhà Đà Lôi nắm quyền: Bạt Đồ thành lập hãn quốc Khảm Sát, thống trị đất Nga; con trai thứ ba của Đà Lôi là Húc Liệt Ngột thành lập hãn quốc Y Nhì, thống trị khu vực Á Rập; con trai thứ của Đà Lôi là Hốt Tất Liệt thừa kế ngôi Đại Hãn, thành lập triều Nguyên ở Trung Hoa. Nhưng các vương hầu nhà Oa Khoát Đài và nhà Sát Hợp Đài cũng lần lượt thành lập hãn quốc Oa Khoát Đài (cai trị khu vực lân cận của hồ Balkhash ngày nay) và hãn quốc Sát Hợp Đài (cai trị khu vực Trung Á).

Kể từ khi Thành Cát Tư Hãn viễn chinh phương Tây, người Mông Cổ không ngừng mở rộng lãnh thổ. Sau đó, con cháu cũng làm theo di huấn của ông, không chỉ càn quét các vùng Trung Á, Tây Á, thậm chí mũi tấn công còn chia thẳng về phía châu Âu. Đến đế Hốt Tất Liệt thì thành lập một đế quốc vast ngang từ châu Á sang châu Âu.

Hốt Lý Lặc Đài

Dưới thời kì bộ lạc Mông Cổ, một số quyết định lớn như bầu chọn thủ lĩnh bộ lạc, huy động binh lính di chinh phạt, tổ chức nghị lễ lớn về tôn giáo... đều phải triệu tập hội nghị Hốt Lý Lặc Đài để bàn bạc. Sau khi thành lập đế quốc Mông Cổ, việc bầu chọn Đại Hãn nói chung đều phải do hội nghị Hốt Lý Lặc Đài tiến cử, chính Thành Cát Tư Hãn đã được chọn làm Đại Hãn theo cách này. Sau khi thành lập triều Nguyên, người Mông Cổ vẫn duy trì hội nghị Hốt Lý Lặc Đài. Trước khi hoàng đế lên ngôi, vẫn phải triệu tập hội nghị này để xác nhận tư cách thừa kế, trong hội nghị phải tuyên đọc những lời răn dạy của tổ tiên và các luật lệ liên quan, ngoài ra còn ban phát phần thưởng. Tất cả các công việc chính trị trọng đại của triều Nguyên, đặc biệt là khi có liên quan tới lợi ích của các vương hầu đều phải triệu tập Hốt Lý Lặc Đài để cùng nhau bàn bạc và quyết định.

Oa Khoát Đài suýt nữa lên ngôi không thành

Oa Khoát Đài là con trai thứ ba của Thành Cát Tư Hãn. Nghe nói ông là một người dôn hậu, có tài trí mưu lược, rất giống phu vuong Thành Cát Tư Hãn. Theo ghi chép của "Triều Nguyên mật sử", đêm trước khi Thành Cát Tư Hãn lên đường viễn chinh phương Tây, hoàng hậu xin ông chỉ định một trong bốn người con trai làm người thừa kế ngai vàng. Do Truật Xích và Sát Hợp Đài suýt ngày ganh đua nhau, cho nên ông đã chọn người dôn hậu là Oa Khoát Đài làm thái tử.

Khi Thành Cát Tư Hãn qua đời, chỉ có người con út là Đà Lôi ở lại trong nước giám sát công việc. Do trong tay nắm giữ quân đội mạnh, vào năm 1229 (hai năm sau khi Thành Cát Tư Hãn mất), Đà Lôi triệu tập hội nghị Hốt Lý Lặc Đài để bầu chọn Đại Hãn. Tuy lúc Thành Cát Tư Hãn còn sống, ông từng chỉ định Oa Khoát Đài làm người thừa kế, nhưng đó là do lúc ấy, thái độ của Đà Lôi mờ không rõ. Giờ đây Oa Khoát Đài có ý định nhường ngôi Đại Hãn cho em trai, vì vậy hội nghị phân vân trong nhiều giờ liền. Rất lâu sau, Đà Lôi và Sát Hợp Đài (khi đó Truật Xích đã mất) mới quyết định cùng tôn Oa Khoát Đài lên ngôi Đại Hãn.

Sau khi lên ngôi, Oa Khoát Đài xưng là "Hợp Hãn". Do đó, các văn bản của triều Nguyên đôi khi ông gọi là "hoàng đế Hợp Hãn".



Chính sách của Oa Khoát Đài rất được lòng dân

Sau khi lên ngôi Đại Hãn, Oa Khoát Đài đã áp dụng một số chính sách quan trọng.

Một là tuyễn bổ nghiêm chỉnh tuân theo bộ luật Yasa của Thành Cát Tư Hãn để trị nước, miễn giảm hình phạt cho những người phạm tội trước đây, nhưng với những người vi phạm luật pháp sau này thì phải trừng phạt nghiêm khắc.

Hai là đặt ra luật thuế gia súc đối với dân du mục Mông Cổ.

Ba là xây dựng kho cất trữ các loại vải vóc, tiền bạc, cung tên, giáp trụ, lương thực... để làm phần thưởng, huy động nhân lực trông coi kho.

Bốn là cử người trông coi, thống nhất quản lý các bãi chăn thả và nguồn nước, đồng thời cắt cỏ các quan tài vùng sa mạc đào giếng dẫn nước, mở rộng khu vực chăn thả để giải quyết vấn đề dân số tăng nhanh.

Năm là xây dựng chế độ dịch trạm truyền tin, thiết lập con đường chuyển phát thư tín nối liền với Trung Nguyên và Tây Vực. Các sứ thần phải

đi qua các dịch trạm, không được làm phiền dân ven đường.

Sáu là thiết lập chế độ thuế khóa đối với Tây Vực và khu vực người Hán ở Trung Nguyên. Gia Luật Sở Tài và Nha Lão Oát Xích lần lượt quản lý việc này.

Những chính sách này của Oa Khoát Đài rất hợp lòng dân, giúp cho Mông Cổ dân giàu nước mạnh, đặt nền móng cho đại nghiệp đế quốc sau này.



Nam chinh Bắc phạt, thành lập đế quốc hùng mạnh

Đế quốc Mông Cổ đã lần lượt phát động ba lần viễn chinh phương Tây. Xuống phía Nam diệt nhà Tây Hạ, lật đổ nhà Kim, diệt nhà Tống, rồi nhiều lần chinh phạt Cao Ly, Nhật Bản, tấn công Miến Điện, chinh phạt Java... Vào thời kì cực thịnh, lãnh thổ của đế quốc Mông Cổ xưa nay không có đế quốc nào bì kịp, bao gồm gần như cả châu Á và phía Đông châu Âu. Nhà Nguyên rộng lớn như vậy thực ra do hai phần hợp lại mà thành. Khu vực cai quản của triều Nguyên: bao gồm các vùng Trung Hoa, Mông Cổ, Triều Tiên và một phần Nam Dương, bốn hãn quốc lớn: hãn quốc Khâm Sát, hãn quốc Sát Hợp Đài, hãn quốc Oa Khoát Đài, hãn quốc Y Nhi. Bốn hãn quốc lớn về danh nghĩa thì tôn đế quốc Nguyên làm mẫu quốc nhưng trên thực tế thì các quốc gia này đều độc lập.

Hãn quốc Y Nhi bị Hồi giáo hóa

Hãn quốc Y Nhi là vương quốc do cháu của Thành Cát Tư Hãn là Húc Liệt Ngột thành lập vào khoảng thế kỉ 13-14 và lấy Iran ngày nay làm trung tâm.

Hãn quốc Y Nhi từ đầu đến cuối đều duy trì mối quan hệ mật thiết với nhà Nguyên. Các đời Đại Hãn không những phải tiếp nhận sự sắc phong của hoàng đế triều Nguyên, mà ngay cả phương pháp cai trị của họ cũng đa phần vay mượn từ triều Nguyên.

Sau khi hãn quốc Y Nhi được thành lập, các tôn giáo như Saman giáo, Lạt Ma giáo của người Mông Cổ được du nhập ở ẩn vào bản địa, người ta xây dựng rất nhiều chùa chiền. Thế nhưng, trong thời gian trị vì (1295 – 1304), để giành lấy sự ủng hộ của các lãnh chúa địa phương và đồng đảo người Hồi giáo, Hòa Tán Hãn – vị vua có triển vọng nhất của hãn quốc Y Nhi, đã tôn Hồi giáo dòng Shi'ites làm quốc giáo, đồng thời xóa bỏ xưng hiệu Đại Hãn, đổi thành "Sultan", kết quả là đã thúc đẩy tiến trình Hồi giáo hóa của người Mông Cổ nơi đây.

Hán quốc Khâm Sát xa xôi

Người thành lập hán quốc Khâm Sát là Bạt Đô, cháu nội của Thành Cát Tư Hãn. Do lếu bạt mà Bạt Đô dùng có đinh bằng vàng, nên người ta còn gọi là "hán quốc Kim Trường" (Ulus Jochi). Khu vực cai trị kéo dài từ sông Irtysh ở phía Đông cho tới biên giới Hungary, Ba Lan ngày nay ở phía Tây. Kinh đô Sarai thuộc phía Bắc thành phố Astrakhan bên bờ biển Caspi của Nga, cách kinh đô Karakorum thời kì đầu của đế quốc Mông Cổ khoảng chừng 200 ngày đi bộ. Cho dù khoảng cách không gần nhưng đường sá giao thông qua lại giữa hán quốc Khâm Sát và nhà Nguyên lại vô cùng phát triển, trở thành đầu mối giao thông quan trọng giữa các thương nhân và sứ thần châu Âu với Đại Đô của triều Nguyên.

Hán quốc Sát Hợp Bài và hán quốc Oa Khoát Bài

Hán quốc Sát Hợp Bài là một trong bốn hán quốc lớn của Mông Cổ, do con trai thứ Sát Hợp Bài của Thành Cát Tư Hãn thành lập. Ở thời kì hưng thịnh, lãnh thổ hán quốc kéo dài từ thành Turfan ở phía Đông tới sông Amu Darya (nằm giữa hai nước Turkmenistan và Uzbekistan) ở phía Tây, từ núi Targabatai ở phía Bắc, phía Nam thì vượt qua núi Hindukush (đường ranh giữa Ấn Độ và sông Amu Darya). Hán quốc Sát Hợp Bài tôn Mông Cổ làm mâu quốc, việc thừa kế ngôi vị phải do Đại Hãn cho phép. Dưới thời Nguyên Thế Tổ, Hán quốc Sát Hợp Bài chống đối triều đình nhà Nguyên và phản tranh nhiều năm.

Hán quốc Oa Khoát Bài cũng là một trong bốn hán quốc lớn của Mông Cổ, do con trai thứ ba Oa Khoát Bài của Thành Cát Tư Hãn thành lập, lãnh thổ mà ông cai trị bao gồm các vùng từ dãy núi Vàng (nay là núi Altai) xuống phía Tây và các vùng Diệp Mật Lập, Hoắc Bác (Tân Cương ngày nay), lãnh thổ không lớn. Sau khi Hốt Tất Liệt đổi đô về Bắc Kinh, vốn ứng hộ A Lý Bát Ca, hán quốc Oa Khoát Bài từ chối theo Hốt Tất Liệt và di theo con đường độc lập.

Cầu hôn với công chúa của đế quốc Đông La Mã

Người thành lập hán quốc Y Nhi là Húc Liệt Ngột từng cầu hôn với con gái của quốc vương đế quốc Đông La Mã. Đối mặt với thế lực hùng mạnh của đế quốc Mông Cổ, quốc vương Đông La Mã đau đớn từ chối, ông liền vội vã đồng ý cuộc hôn nhân này.

Thế nhưng quốc vương đế quốc Đông La Mã biết rằng đàn ông Mông Cổ thường lấy rất nhiều vợ nên ông không nỡ gả công chúa đi. Ông quyết định gả con gái ngoài giá thú của mình là Maria cho Húc Liệt Ngột. Nhưng không may, trước khi Maria tới được hán quốc Y Nhi thì Húc Liệt Ngột qua đời. Theo truyền thống của Mông Cổ, con trai của Húc Liệt Ngột là A Bát Ha sau khi lên ngôi thì lấy luôn Maria làm vợ.

Vì A Bát Ha cưới Maria nên ông đối xử rất tốt với các tín đồ Cơ Đốc giáo ở hán quốc Y Nhi (Cơ Đốc giáo là quốc giáo của đế quốc Đông La Mã thời đó), cử họ di sứ để thiết lập ngoại giao với Giáo hoàng.

Xã hội nhà Nguyên có bốn đẳng cấp

Triều Nguyên thực thi chế độ đẳng cấp dân tộc khá hà khắc. Người Mông Cổ được chia như sau: giai cấp thống trị là đẳng cấp thứ nhất, tiếp đó dựa vào thứ tự các vùng mà Mông Cổ chinh phục để chia các dân tộc thành ba đẳng cấp theo tuần tự: người Sắc Mục, người Hán, người Nam.

Người Sắc Mục nói rộng ra là chỉ các dân tộc ở phía Tây Bắc, các dân tộc ở Tây Vực và châu Âu đến Trung Hoa cư trú. Người Hán là chỉ người Hán, người Nữ Chân, người Khiết Đan, người Bột Hải... ở nước Kim trước đây và người Hán thuộc các vùng Văn Nam, Tứ Xuyên thuộc triều Nam Tống trước khi diệt vong. Người Nam chỉ người vốn thuộc triều Nam Tống, bao gồm các dân tộc thuộc các tỉnh Chiết Giang, Giang Tây, Hồ Quảng và Hà Nam, Giang Bắc và miền Nam.

Về việc nhậm chức, khoa cử, hình sự, sự dãi ngộ đối với người của bốn đẳng cấp là rất khác nhau. Chế độ bốn đẳng cấp khiến cho mâu thuẫn xã hội của triều Nguyên trở nên gay gắt và phức tạp, cũng là nguyên nhân khiến triều Nguyên bị diệt vong nhanh hơn.



Người Sắc Mục đóng vai trò chính trong thương mại của triều Nguyên

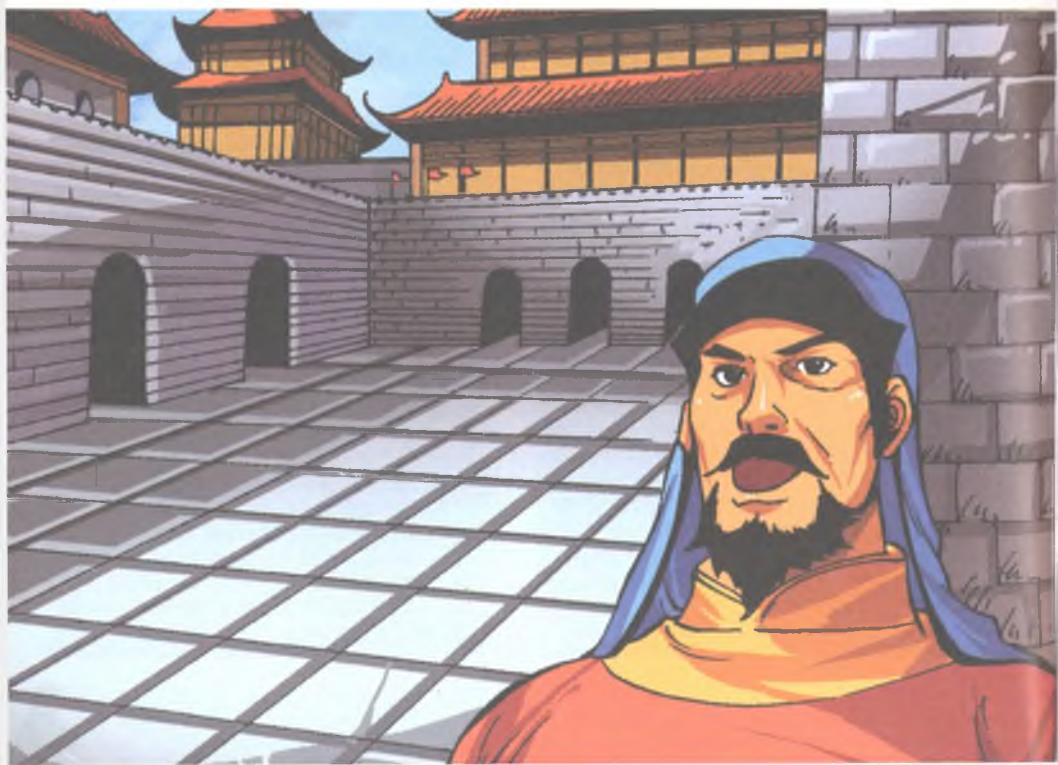
Thương mại dưới triều Nguyên rất phồn vinh. Các trung tâm thương mại là Đại Đô, Hàng Châu, Tuyền Châu và Quảng Châu hội tụ rất nhiều khách thập phương, việc trao đổi hàng hóa diễn ra vô cùng sôi nổi. Thế nhưng, người Mông Cổ vốn xuất thân là dân du mục nên không hề thạo kinh doanh và quản lý tài chính. Còn người Sắc Mục, đặc biệt là các thương nhân dân tộc Hồi thì lại ăn nên làm ra.

Khi mũi đao của quân Nguyên chĩa về Tây Vực, các dân tộc thiểu số Tây Vực đua nhau chạy sang xin gia nhập hàng ngũ, đặc biệt là dân tộc Hồi, cho nên dân tộc Hồi được giao cấp thống trị Mông Cổ đối đãi khá tử tế.Thêm vào đó, do có tài năng trời phú về quản lý tài chính nên người Hồi dưới triều Nguyên đa phần là quan to hay thương nhân giàu có, giỏi kiếm lợi dù đường trong thiêng hạ.

Thành Thượng Đô của triều Nguyên

Thành Thượng Đô của triều Nguyên vốn là phủ Khai Bình do Hốt Tất Liệt xây dựng, nằm ở phía Đông Xulun Hoh thuộc vùng Nội Mông ngày nay. Thành Thượng Đô có vị trí chiến lược quan trọng, nằm ở biên giới phía Nam của thảo nguyên Mông Cổ, xung quanh là các ngọn núi bao bọc, phía Bắc giáp với vùng sa mạc, rất tiện liên hệ với triều đình Đại Hán ở Karakorum, phía Nam thì tiện kiểm soát Hoa Bắc và Trung Nguyên. Kể từ thời của Hốt Tất Liệt, triều Nguyên đã lấy Thượng Đô làm nơi liên hệ với các vương hầu ở sa mạc phía Bắc, lấy Đại Đô (Bắc Kinh ngày nay) để kiểm soát đất Hán.

Thượng Đô là kinh đô thứ hai của triều Nguyên, trong thành vừa có các Ordo (lều trại dành cho hoàng gia của dân du mục, tương tự như lều Yurt của đồng bào Mông Cổ ngày nay) nối tiếp nhau chạy dài, lại vừa có hoàng thành và cung điện được xây dựng theo phong cách kiến trúc truyền thống của Trung Nguyên, là sự pha trộn giữa hai nền văn hóa Hán - Mông Cổ.



Lịch sử của kinh thành Đại Đô triều Nguyễn

Thành Đại Đô của triều Nguyễn chính là thành phố Bắc Kinh ngày nay. Lịch sử xây thành có thể truy ngược về nhà Chu từ hơn 2.000 năm trước. Năm 586 TCN, nước Yên – chư hầu của nhà Chu, xây dựng kinh đô tại đây, đặt tên là Kế. Sau đó dưới các thời nhà Tần, Hán, Tùy, Đường, nó luôn là cứ điểm quan trọng của phương Bắc Trung Hoa. Đầu thế kỷ 10, người Khiết Đan thành lập nhà Liêu, coi nơi đây là kinh đô thứ hai, gọi là Nam Kinh. Năm 1125, nhà Kim diệt nhà Liêu, và sau đặt nơi này làm kinh đô, gọi là Trung Đô. Năm 1215, quân Mông Cổ tấn công vào Trung Đô, đồng thời phong hóa đất thành. Năm 1267, Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt quyết định xây dựng kinh đô mới tại Bắc Kinh. Năm 1274 thì hoàn thành việc xây dựng, đặt tên là Đại Đô. Các triều Minh, Thanh sau đó đều mở rộng và cơi nới.

Kể từ triều Nguyễn, thành Bắc Kinh chính thức là thủ đô của toàn bộ lãnh thổ Trung Hoa và luôn liên quan mật thiết với vận mệnh của người Trung Quốc thời cận đại.

Hai cha con hiến lâm nhau

Truật Xích con trưởng của Thành Cát Tư Hãn nhưng lại không được thừa kế ngôi Đại Hãn. Vùng đất được phong cho ông cách đế quốc Mông Cổ rất xa, nên ông buồn bực không vui, sUFFER sinh bệnh. Thành Cát Tư Hãn cử ông đi chinh phạt vùng biển Caspi. Song Truật Xích không thực hiện ngay nên Thành Cát Tư Hãn rất không hài lòng.

Sau khi chinh phạt Tây Vực và quay về Mông Cổ, trên đường đi, Thành Cát Tư Hãn mấy lần gọi Truật Xích ra gặp mặt, nhưng Truật Xích đều không thể đến vì ông mang bệnh nặng. Đúng thời điểm đó có một người dân Mông Cổ từ lãnh địa của Truật Xích tới. Thành Cát Tư Hãn liền hỏi thăm bệnh tình của Truật Xích. Người đó nói trước khi đi còn trông thấy đại hoàng tử khỏe mạnh dẫn một đoàn người và ngựa đi săn. Nghe tin, Thành Cát Tư Hãn nổi giận, chuẩn bị kêu quân tới hỏi tội. Nhưng khi sắp sửa xuất phát thì có tin báo Truật Xích qua đời.

Thì ra Truật Xích mắc bệnh đã lâu nên có kẻ rắp tâm thay thế vị trí của ông. Truật Xích cố ý cử người mặc chiến bào của mình ra ngoài săn bắn để trà trộn nghe ngóng. Do hiểu lầm con trai nên Thành Cát Tư Hãn vô cùng đau đớn. Ông tổ chức tang lễ long trọng cho Truật Xích, giúp đỡ con trai của Truật Xích là Bạt Đô thừa kế ngôi vị của Truật Xích. Sau này Bạt Đô thành lập Hãn quốc Khảm Sát và xưng thần với đế quốc Nguyên.

Quy hoạch của thành Đại Đô chủ trong việc quản lý nghiêm ngặt

Thành Đại Đô của nhà Nguyễn được nhà chính trị Lưu Cảnh Trung thiết kế, là kinh đô gần như chu toàn nhất trong các kinh đô cổ đại của Trung Hoa. Kể cả tên gọi của cửa thành cũng đều lấy từ "Kinh Địch". Khi thiết kế thành Đại Đô, Lưu Cảnh Trung dựa theo vị trí của các ngôi sao trên trời để sắp xếp và phân bố các dinh phủ của quan lại trong thành. Nghe nói, Ông còn dựa vào hình tượng "ba đầu sáu tay hai chân" của Na Tra (nhân vật thần thoại Trung Hoa) để đặt 3 cửa thành ở mỗi mặt phía Đông, Tây, Nam, còn mặt phía Bắc chỉ đặt 2 cửa thành.

Đường phố bên trong thành phần chia chính phu rõ ràng, phu lớn rộng 24 bộ, phu nhỏ rộng 12 bộ. Những đường phu này chia thành 50 phường, mỗi phường thiết lập "phường chính" quản lý công việc hàng ngày như khoa sai (thu thuế, cắt cỏ lao dịch). Hai bên tuyến đường chính đều có kênh thoát nước, vòi cung hoàn hảo. Trong thành có lầu chuông và lầu trống báo giờ. Ban đêm thực hiện giờ giới nghiêm, khắp nơi có quan và lính canh gác.

Sát Hợp Đài cổ nuốt nước mắt vì mất con

Con trai cả của Sát Hợp Đài là Mạc Đồ Căn vỗ cùng thông minh dũng cảm, được cha cưng chiều và là đứa cháu nội được Thành Cát Tư Hãn yêu quý nhất. Không may ông đã hi sinh trong một lần công thành. Thành Cát Tư Hãn vỗ cùng đau xót. Sau khi phà thành xong, ông cho giết sạch tất cả tù binh để bảo thủ cho cháu. Khi đó, không ai dám báo tin với Sát Hợp Đài rằng Mạc Đồ Căn đã tử trận.

Vì thế, Thành Cát Tư Hãn bèn mượn cớ cùng ăn cơm với mấy người con trai, trong bữa tiệc Ông giả vờ nổi giận và nói rằng các con đều không nghe lời, đặc biệt tỏ ra giận dữ với Sát Hợp Đài. Sát Hợp Đài hoảng sợ, liên tục nói rằng mình nghe theo mệnh lệnh của phụ vương. Thành Cát Tư Hãn hỏi: "Cho dù ta muốn con làm gì, con cũng đều nghe theo phải không?" Sát Hợp Đài đáp lại: "Vâng, con tuyệt đối không trái lệnh." Thành Cát Tư Hãn chậm rãi nói: "Vậy thì con hãy nghe đây, Mạc Đồ Căn đã mất, ta muốn con không được đau buồn." Sát Hợp Đài mặt mày biến sắc, nhưng vì tuân lệnh phụ vương nên cố nén nước mắt, yên lặng ngồi ăn cho xong, sau đó một mình ra ngoài khóc thật to.



Bốt Tất Liệt và Húc Liệt Ngột

Trong bốn người con trai của Đà Lôi, con trai thứ Hốt Tất Liệt và con trai thứ ba Húc Liệt Ngột đều rất được chiều chuộng, tài năng cũng xuất chúng. Khi Thành Cát Tư Hãn từ Tây Vực chiến thắng trở về, Hốt Tất Liệt và em trai Húc Liệt Ngột đi đón ông nội. Thành Cát Tư Hãn rất thích hai đứa cháu hiếu chuyện này.

Có một lần, Thành Cát Tư Hãn dẫn mọi người đi săn. Hốt Tất Liệt bắn chết một con thỏ, Húc Liệt Ngột bắn chết một con dê núi. Theo tục lệ cũ của Mông Cổ, nếu đứa trẻ lần đầu tiên bắn chết một con thú thì phải đem máu của con thú bôi lên ngón tay của người lớn tuổi để tỏ lòng tôn kính. Hốt Tất Liệt nâng bàn tay của Ông nội lên và bôi nhẹ nhàng, Thành Cát Tư Hãn rất hài lòng. Còn khi Húc Liệt Ngột cầm lấy bàn tay của Thành Cát Tư Hãn để bôi máu thì cậu làm rất mạnh, Thành Cát Tư Hãn tỏ ra không được vui, chê cậu thô lỗ. Việc tuy nhỏ nhưng cũng thể hiện được tính cách của hai anh em từ nhỏ đã khác nhau.

Sau khi lớn lên, Húc Liệt Ngột dần quẩn viễn chinh phương Tây đồng thời thành lập hãn quốc Y Nhi. Hốt Tất Liệt thì thừa kế ngôi Đại Hãn, thành lập đế quốc Nguyên hùng mạnh.

Chữ viết của Mông Cổ

Thành Cát Tư Hãn đã nhận thức được tầm quan trọng của việc đọc sách và biết chữ. Ông từng nói: "Người hổ đồ mà đọc sách thì sau này sẽ vượt qua người thông minh bẩm sinh". Vì thế, Ông đã giao cho Tatatungya người Úy Ngột Nhĩ (Uighur) dùng các mẫu tự Úy Ngột Nhĩ để viết thành chữ Mông Cổ một cách hệ thống và theo quy tắc (người đời sau gọi đó là chữ Úy Ngột Nhĩ Mông Cổ), đồng thời lấy loại chữ này để dạy cho thái tử, vương hầu. Sau khi Hốt Tất Liệt lên ngôi, ông ra lệnh cho Bát Tư Ba sáng tạo ra chữ viết Mông Cổ mới, đồng thời quy định đó là loại chữ viết chính thống, người đời sau gọi đó là chữ Bát Tư Ba.

Chữ Bát Tư Ba bắt nguồn từ phiên âm của chữ Tây Tạng, có 41 mẫu tự, thể chữ tham chiếu cách viết và kết cấu của chữ Úy Ngột Nhĩ Mông Cổ và chữ Hán. Sau khi nhà Nguyên diệt vong, chữ Bát Tư Ba không còn được sử dụng nữa, còn chữ Úy Ngột Nhĩ Mông Cổ được lưu truyền trong dân gian lại trải qua sự biến đổi không ngừng và vẫn còn được dùng đến ngày nay.

Bát Tư Ba – đế sư của nhà Nguyên

Hoàng đế nhà Nguyên mời các Lạt Ma từ Thổ Phồn tới làm giáo sĩ với chức vụ cao nhất, tục gọi là "đế sư" (thầy của hoàng đế). Vị đế sư đầu tiên của nhà Nguyên là Ngũ Thế Tổ Bát Tư Ba. Hốt Tất Liệt vô cùng kính trọng Bát Tư Ba. Ông không những được dâng ngô cục kì hựng mà địa vị cũng được tôn sùng. Bát Tư Ba không những truyền bá Kỹ thuật kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc của Tây Tạng và một lượng lớn điển tịch Phật giáo vào đất Mông Cổ và đất Hán rộng lớn, mà còn đem Kỹ thuật in ấn, nghệ thuật kịch nói của người Hán truyền bá vào Tây Tạng, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

Chế độ hậu cần của quân Mông Cổ

Quân Mông Cổ xuất thân là dân du mục, trong thời gian chiến tranh, họ tự mình trang bị yên ngựa, lương thảo và binh khí. Sau khi quân đội tiến vào lãnh thổ của kẻ địch, họ dựa vào việc cướp bóc lương thảo để sống qua ngày. Biện pháp sử dụng nguồn tiếp tế kiểu này từng đem tới thảm họa nặng nề cho người Hán sinh sống ở vùng biên giới và vấp phải sự phản kháng dữ dội của người Hán. Thế nhưng cũng chính vì quân Mông Cổ thực thi chính sách hậu cần thế này, cho nên trong ba lần viễn chinh phương Tây với quy mô lớn, việc cung cấp hậu cần mới không trở thành nỗi lo lắng của họ.

Chế độ quân hộ của nhà Nguyên

Vốn là dân du mục, sau khi thành lập chính quyền, người Mông Cổ tích cực cải cách quân đội. Thành Cát Tư Hãn từng áp dụng chế độ thiên hộ để quản lý bờ lục vô cùng hiệu quả. Sau khi Mông Cổ diệt nhà Kim, họ đã xây dựng chế độ quân hộ (tức là chế độ gia đình di lính) còn khắc nghiệt hơn. Quân hộ được miễn giảm thuế khóa phu phen và được hưởng đặc quyền ưu tiên, nhưng phải làm lính hết đời này sang đời khác, không được tuỳ tiện giải ngũ để đảm bảo nguồn binh lực cho triều Nguyên. Đồng thời, quân hộ còn phải gánh vác một phần chi phí quân đội để giảm bớt gánh nặng của triều đình. Thế nhưng về sau do quân hộ phải gánh vác quá nhiều, thêm vào đó là sự bóc lột quá mức của các quan chức trong quân đội nên quân hộ thường bị phá sản và đào ngũ. Đến cuối thời nhà Nguyên, chế độ quân hộ trên thực tế đã sụp đổ từ lâu.

Khiếp Tiết quân của nhà Nguyên

Để tăng cường quyền lực và địa vị của Đại Hãn, Thành Cát Tư Hãn tuyển chọn 1 vạn thanh niên khỏe mạnh, có kỹ năng chiến đấu từ các thiên hộ, bách hộ, thập hộ và con em của những gia đình không có tước vị quan chức, tổ chức thành một đội "Khiếp Tiết quân" (tương đương với cấm vệ quân) do Đại Hãn trực tiếp lãnh đạo. Khiếp Tiết quân trong thời bình thì phụ trách công việc canh gác lều trại của Đại Hãn, trong thời chiến thì theo Đại Hãn ra trận.

Khiếp Tiết quân là quân tinh nhuệ của quân đội Mông Cổ. Đại Hãn nắm giữ đội quân đủ để "thay đổi thế cân bằng", tăng cường sự kiểm soát vũ trang đối với các vương hầu. Đồng thời, do con cháu của các vương hầu đa phần được đưa vào đội quân Khiếp Tiết, cho nên những vương hầu có ý định làm phản cũng không dám manh động.

Khâu Xứ Cơ – Trường Xuân Chân Nhàn

Khâu Xứ Cơ (1148 – 1227), còn gọi là Khuu Xứ Cơ, tên tự là Thông Mật, đạo hiệu là Trường Xuân Tử, người Thê Hà thuộc Đăng Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc). Ông đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và duy trì Toàn Chân giáo (một nhánh của Đạo giáo).

Vào năm 1220, ông dẫn 18 đệ tử vượt hơn vạn dặm và mất tới hai năm mới tới Afghanistan ngày nay để bái kiến Thành Cát Tư Hãn đang trên đường viễn chinh phương Tây, đồng thời khuyên Đại Hãn không nên tàn sát. Ông được Thành Cát Tư Hãn tôn là "thần tiên", phong là "Đại tông sư". Ông ra sức thúc đẩy Toàn Chân giáo ở phương Bắc, trở thành nhân vật đinh đám của Đạo giáo phương Bắc. Bốn năm sau khi khai sáng Toàn Chân giáo và đạt tới thời kì cực thịnh, ông qua đời. Năm 1296, ông được phong danh hiệu

"Trường Xuân Diễn Đạo Chủ Giáo Chân Nhàn". Đến năm 1310, ông lại được phong là "Trường Xuân Toàn Đức Thần hóa Minh Ứng Chân Quản".

Đệ tử của Khâu Xứ Cơ là Lý Trí Thường từng theo Khâu Xứ Cơ tới đất Afghanistan xa xôi, sau khi trở về ông cho ra đời tác phẩm nổi tiếng "Trường Xuân Chân Nhàn Tây du kí". Cuốn sách ghi chép tường tận về những điều tai nghe mắt thấy của Khâu Xứ Cơ trên đường đi Tây Vực. Cuốn sách này không những là tác phẩm quan trọng để nghiên cứu về Khâu Xứ Cơ và Toàn Chân giáo, mà còn là tài liệu về lịch sử giao lưu giữa Trung Hoa và phương Tây dưới thời nhà Nguyên. Thậm chí nó có thể sánh ngang với "Phật quốc kí" của Pháp Hiển thời nhà Tấn, "Đại Đường Tây Vực kí" của Huyền Trang thời nhà Đường.



"Bản bối đen" của Marco Polo

Trong cuốn sách du ký, Marco Polo viết rằng người Trung Hoa hay đốt một loại đá màu đen, việc này khiến người châu Âu vốn đang dùng cùi phai giật mình. Sau khi Marco Polo đem một ít viên đá màu đen đó về thì người châu Âu mới tin. Thật ra, dưới lòng đất châu Âu cũng có loại đá màu đen này, nhưng người châu Âu không hề biết rằng chúng có thể làm nhiên liệu đốt thay thế cho cùi. Loại đá màu đen thần kì đó chính là than đá.

Sau đó, việc khai thác và tận dụng các mỏ than ở châu Âu đã đặt nền móng vững chắc cho cuộc cách mạng công nghiệp ở châu Âu. Còn Trung Quốc hiện nay lại là quốc gia sản xuất than đá nhiều nhất thế giới.

Đạt Lỗ Hoa Xích

Đạt Lỗ Hoa Xích là một chức quan triều Nguyên, nghĩa là "người trấn thủ", "tuyên sai", cũng là chức quan cao nhất nắm giữ thực quyền. Sau khi người Mông Cổ chinh phục các quốc gia khác, họ thiết lập nhiều Đạt Lỗ Hoa Xích ở các khu vực, thành phố bị chinh phục để giám sát. Sau khi triều Nguyên được thành lập, Đạt Lỗ Hoa Xích là chức quan giám sát quan trọng. Tại các lô, phủ, châu, huyện, các vùng dân tộc thiểu số phương Nam và các dinh quan quan trọng đều thiết lập các Đạt Lỗ Hoa Xích. Trong quân đội Mông Cổ cũng thiết lập nhiều chức quan này để giám sát quản lí công việc của quân đội.

Năm 1265 Nguyên Thế Tổ quy định Đạt Lỗ Hoa Xích các cấp phải do người Mông Cổ hoặc người Sắc Mục có xuất thân cao quý đảm nhiệm, người Hán và người Nam thì không được đảm nhận chức vụ này.

Tạp kịch của triều Nguyên

Đại diện chủ yếu của văn học triều Nguyên là tạp kịch. Nó được phát triển trên cơ sở hí kịch của triều Tống và triều Kim. Tạp kịch xuất hiện sau khi Mông Cổ chiếm Trung Nguyên cho tới thời kì đầu của Trung Hoa thống nhất, là "sản vật" dưới nền thống trị của người phương Bắc.

Tạp kịch triều Nguyên còn gọi là "Nguyên khúc", danh mục được bảo tồn cho tới ngày nay khoảng hơn 600 loại, nội dung để lại có hơn 200 loại. Trong số đông tác giả tạp kịch, thì các tác giả Quan Hán Khanh, Mã Chí Viễn, Trịnh Quang Tổ, Bạch Phác có thành tựu lớn nhất, người ta gọi chung là "Nguyên khúc tứ đại gia".

Thành tựu tạp kịch của triều Nguyên rất nổi trội, có thể sánh ngang với thơ Đường, từ Tống trong lịch sử văn học Trung Hoa.

Các dịch trạm trải khắp đế quốc Mông Cổ

Sau khi Thành Cát Tư Hãn thống nhất Mông Cổ, để tiện cho việc quản lí một quốc gia rộng lớn như vậy, ông bèn tận dụng chế độ dịch trạm được thiết lập dưới thời nhà Đường. Trên các tuyến đường chính nối liền kinh thành với các địa phương khác, cứ cách một đoạn đường ông lại cho lập một trạm dừng chân cho khách du lịch thay ngựa và nghỉ ngơi ăn uống. Về sau, Oa Khoát Đài đã xây dựng ngày càng hoàn thiện hơn, cho sửa sang rất nhiều tuyến đường và lập thêm các dịch trạm mới. Thời đó, bất kể là quan lại, thương nhân hay là sứ thần nước ngoài, chỉ cần có giấy thông hành do triều đình ban là họ có thể nghỉ ngơi tại các dịch trạm này và được chiếu đãi ăn uống. Có tất cả năm loại giấy thông hành, mỗi loại được chiếu đãi ở mức độ khác nhau tại các dịch trạm.

Trong lãnh thổ đế quốc Nguyên và bốn hòn quốc lớn vắt ngang hai châu lục Á Âu, nhờ có các dịch trạm này mà giao thông đi lại và an toàn thông tin được đảm bảo. Chính vì vậy các thương nhân Hồi giáo qua lại liên tục, khách du lịch hoặc các đoàn sứ thần nước ngoài tới thăm triều Nguyên cũng được thuận lợi hơn.



Chương 4: Đế quốc Timur và đế quốc Mogul

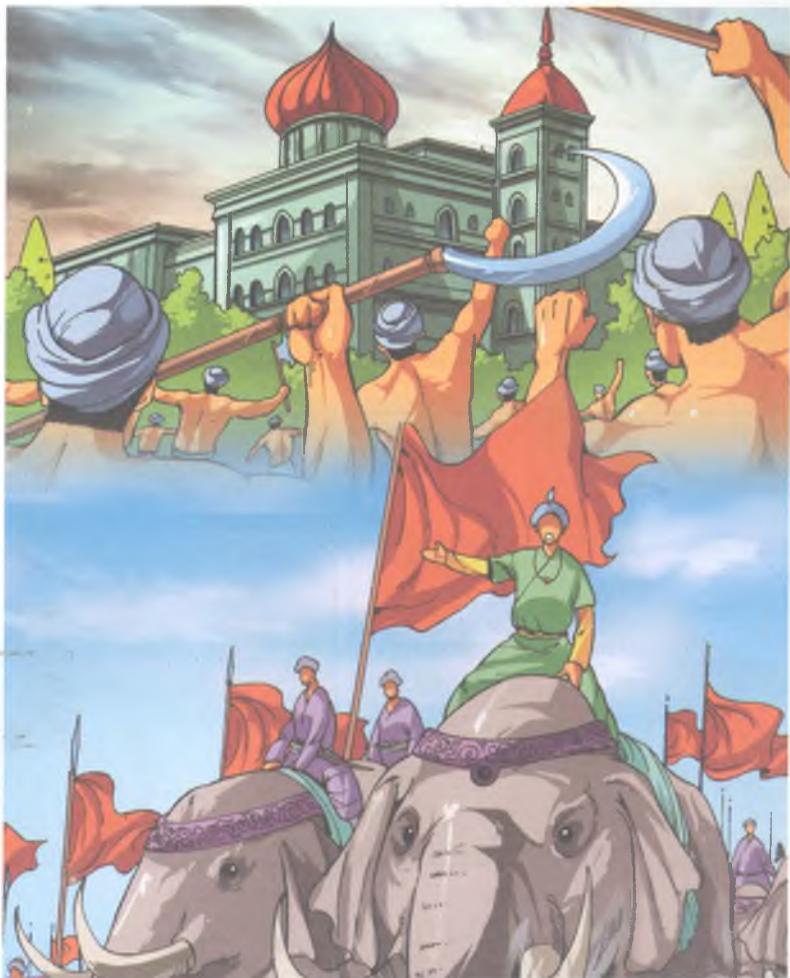
Nội dung chính:

Đế quốc Timur được thành lập

Timur – một người Mông Cổ, đã xây dựng nên đế quốc Timur ở Trung Á. Timur tin chắc rằng mình là hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn và mong muốn xây dựng được một đế quốc hùng mạnh giống như Thành Cát Tư Hãn đã làm.

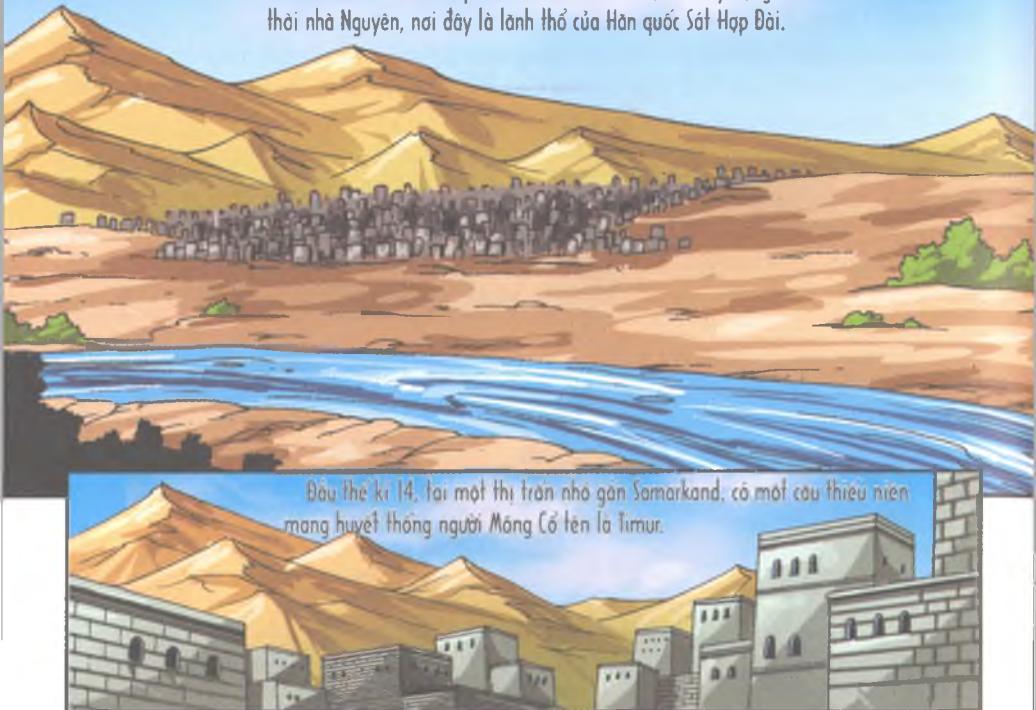
Đế quốc Mogul và đền Taj Mahal

Sau khi vua Babur (cháu trai đời thứ sáu của Timur) thống nhất phía Bắc Ấn Độ, ông đã xây dựng đế quốc Mogul nổi tiếng trong lịch sử Ấn Độ. Vào thế kỷ 17, quốc vương của đế quốc Mogul là Shah Jahan đã cho xây lăng Taj Mahal nổi tiếng để tưởng nhớ người vợ yêu dấu của mình là Mumtaz Mahal.



Đế quốc Timur được thành lập

Cao nguyên Pamir là nơi khởi nguồn của hai dòng sông lớn Syr Darya và Amu Darya. Tọa lạc giữa vùng đồng bằng do khúc giữa của hai con sông bồi đắp nên là thành phố Samarkand. Đó là thành phố cổ do Alexandros Đại đế xây dựng vào thế kỉ 3 TCN. Dưới thời nhà Nguyên, nơi đây là lãnh thổ của Hán quốc Sát Hợp Đài.



Đầu thế kỉ 14, tại một thị trấn nhỏ gần Samarkand, có một cậu thiếu niên mang huyết thống người Mông Cổ tên là Timur.



TIMUR, DÒNG
MÁU CHÁY
TRONG HUYỆT
QUÂN CON CÙNG
CHUNG DÒNG
MÁU CAO QUÝ
CỦA THÀNH CÁT
TƯ HẦN.

CON ĐỪNG
QUÊN ĐIỀU
ĐÓ NHÉ!



VÀNG,
CON SẼ
KHÔNG BAO
GIỜ QUÊN.

Vào thế kỉ 14, thế lực của người Mông Cổ đã suy yếu, tình hình chính trị cũng vô cùng hỗn loạn.



Nhưng cậu thiếu niên Timur lại nung nấu một lí tưởng vĩ đại.



Năm 1369, Timur phát động cuộc nổi dậy



Ngõi làng bên bờ
sông Amu Darya

MỌI NGƯỜI
ĐỀU BUỘC CÀNH
CÂY VÀO HAI BÊN
YÊN NGỰA.

TẠI SAO
PHẢI LÀM
NHƯ VẬY
NHỈ?

LÁT NỮA
MỌI NGƯỜI
SẼ RỎ.

CHUẨN BỊ
XONG CẢ
RỒI CHỦ?
XUẤT PHÁT!

HÃY CHIẾM
LÂY THÀNH
SAMARKAND!



Thành Samarkand

TIMUR DẪN ĐOÀN
NGƯỜI TỐI TÂN CÔNG
RỒI, HÌNH NHƯ CHỈ
CÓ VÀI BA TRĂM
NGƯỜI.

NỤC CƯỜI
CHỈ MỘT NHÚM
NGƯỜI MÀ CŨNG
DÁM CÔNG THÀNH?

HỌ TỐI
RỒI, MAU
NHÌN KIA!

THÊ LÀ THÊ NÀO?
BỤI BAY MÙ TRỜI.

HÌNH NHƯ KHÔNG
PHẢI VÀI BA TRĂM
NGƯỜI ĐÂU...

XEM RA PHẢI
TỚI 3.000,
À KHÔNG,
5.000 NGƯỜI!

CROC
CROC
CROC
CROC!

ĐÃ BIẾT TÁC
DỤNG CỦA
CÀNH CÂY
RỒI CHỨ?

CHỈ CẦN CUỐN BỤI
TUNG MÙ TRỜI THÌ
AI CÓNG TƯỞNG SỎ
NGƯỜI CỦA CHÚNG
TA VỒ CÙNG ĐÔNG
ĐẢO!

XÔNG LÊN!
XÔNG LÊN!

KÉ THÙ
ĐÔNG NHƯ VẬY,
CHÚNG TA KHÔNG
ĐÁNH NỐI ĐẦU!

BỎ CHẠY
MÀ BỊ BẮT
TRỞ LẠI THÌ
CÀNG THẦM HƠN,
TỐT NHẤT LÀ
ĐẦU HÀNG!

MAU CHUỒN
THÔI.



TA SẼ LẤY NƠI
NÀY LÀM CĂN
CỨ ĐỊA, TIẾP TỤC
MỞ RỘNG LÃNH
ĐỊA CỦA
CHÚNG TA!

Nói chỉ 33 tuổi, dùa vào tài trí khôn minh của mình, Timur lôi binh lực cựu cũ chiếm được thành Samarkand, kiểm soát vùng đất lưu vực sông Syr Darya và sông Amu Darya.

TIẾN LÊN! HÃY
ĐỂ CHÚNG PHẢI
RUN CẨM CẬP
TRONG TIẾNG VÓ
NGỰA CỦA ĐẾ
QUỐC TIMUR!

Lực lượng của Timur không ngừng lớn mạnh, cộng thêm tài năng quân sự cao siêu của ông, 13 năm sau, Timur đã chinh phục được phần lớn khu vực từ Trung Á tới Tây Á, xây dựng nên đế quốc Timur hùng mạnh, cũng coi như thực hiện được ước mơ hồi nhỏ.



TA SẼ XÂY
DỰNG KINH ĐÔ
SAMARKAND
THÀNH ĐÔ THỊ
TỐT NHẤT TRÊN
THẾ GIỚI.

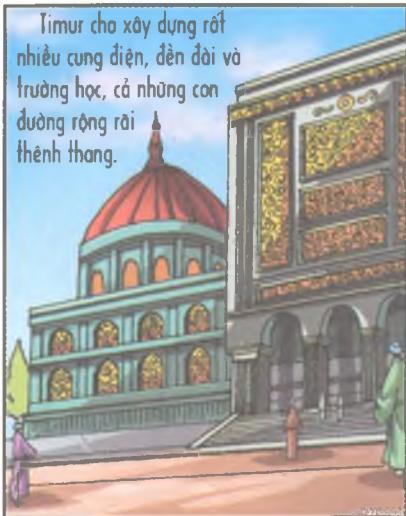
CÒN PHỒN
HOA HƠN CẢ
ROME, ATHENS,
TRƯỜNG AN!

NHƯNG TRƯỚC
HẾT PHẢI XÂY
DỰNG MỘT
NGÔI ĐỀN THỜ
NGUY NGA.

HÃY TRIỂU TẬP
CÁC CHUYÊN GIA
VỀ KIẾN TRÚC CỦA
CÁC VÙNG TỐI VÀ
NHANH CHÓNG
BẮT TAY VÀO
XÂY DỰNG!

RỒ A.
CHÚNG
THẦN CHO
LÀM NGAY Ạ.

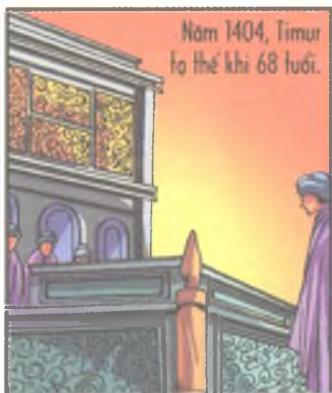
Timur cho xây dựng rất nhiều cung điện, đền đài và trường học, cả những con đường rộng rãi thênh thang.



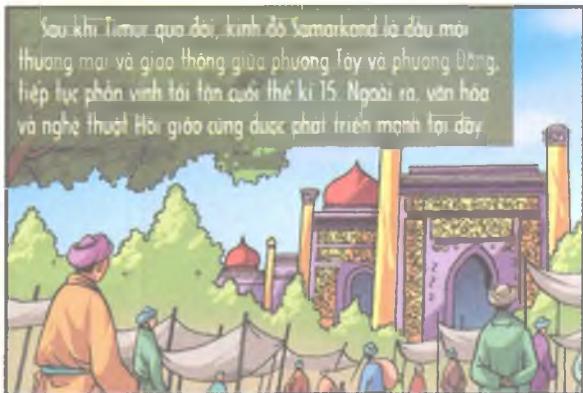
ÁI PHI, ĐÂY LÀ CUNG ĐIỆN TẠ XÂY CHO NÀNG. NÀNG CÓ THÍCH KHÔNG?



Năm 1404, Timur
hạ thế khi 68 tuổi.



Sau khi Timur qua đời, kinh đô Samarkand là đầu mối thương mại và giao thông giữa phương Tây và phương Đông, tiếp tục phồn vinh tới tận cuối thế kỷ 15. Ngoài ra, văn hóa và nghệ thuật Hồi giáo cũng được phát triển mạnh tại đây.



▲ Đền thờ Hồi giáo hùng vĩ của Samarkand

THÀNH SAMARKAND – KINH ĐÔ CỦA VĂN HÓA

Samarkand từ thời cổ đại đã là đầu mối thương mại giữa phương Đông với phương Tây, sau khi được đặt là kinh đô của đế quốc Timur, thành phố lại càng phồn vinh. Rất nhiều nghệ nhân, thợ nghệ đều tụ hội về đây, sản xuất ra đủ các loại mặt hàng mĩ nghệ tinh xảo, đẹp mắt. Trong thành phố, Timur cho xây dựng rất nhiều đền thờ và trường học. Con trai Timur cũng là một nhà thiên văn học.

Samarkand là thành phố tiêu biểu thịnh vượng nhất của nền văn hóa Hồi giáo. Nửa sau thế kỷ 15, rất nhiều học giả và nhà thơ nổi tiếng ra vào chốn cung đình nơi đây.

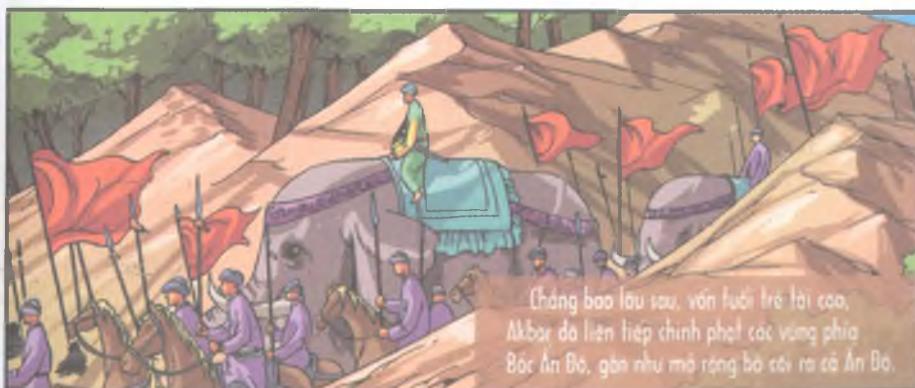
Đế quốc Mogul và đền Taj Mahal

Năm 1526, hậu duệ của Timur là Babur chiếm phía Bắc Ấn Độ và xây dựng đế quốc Mogul.



TA SẼ XÂY DỰNG
ĐẾ QUỐC HÙNG
MẠNH HƠN ĐẾ
QUỐC TIMUR
GẤP NHIỀU
LẦN!

Năm 1556, cháu trai của Babur
là Akbar kế vị và trở thành hoàng
đế đai thứ ba của đế quốc Mogul.
Khi đó ông 13 tuổi.



Chặng bao lâu sau, vốn tuổi trẻ tài cao,
Akbar đã liên hiệp chinh phạt các vùng phía
Bắc Ấn Độ, gần như mở rộng bờ cát ra cả Ấn Độ.



TA SẼ NGỪNG
TRUNG THU
THUẾ ĐI GIÁO
ĐỒI VỚI TÍN
ĐỒ ÂN ĐỘ
GIÁO.

BỆ HA, NGƯỜI
ĐÚNG LÀ MỘT
VỊ MINH QUÂN!



Akbar không chỉ ngừng
thu thuế đi giáo đồi với
tin đồ Ân Độ giáo mà còn
bắt đầu tin dùng những
tin đồ Ân Độ giáo có tài
lãm quan để quản lí công
việc của đất nước. Đến
đời hoàng đế thứ năm là
Shah Jahan...

Lãnh thổ của đế
quốc Mogul tiếp tục
được mở rộng, các
đền thờ mọc lên
khắp nơi.



Không may là vương phi
của vua Shah Jahan mắc
bệnh và qua đời.

ÁI PHỤ TA SẼ
XÂY CHO NÀNG
MỘT LÃNG MỘ
DẸP NHẤT!



Bắt đầu từ năm 1632, Shah Jahan bắt đầu cho xây dựng lăng mộ của vương phi Mahal trong thành Agra bên bờ sông Hằng. Công trình kiến trúc này được bảo tồn đến ngày nay, trở thành một trong những di tích cổ tiêu biểu của Ấn Độ.



Từ nửa cuối thế kỷ 17, dưới thời Aurangzeb nắm quyền, lãnh thổ của đế quốc Mogul đạt tới thời kỳ cực thịnh. Nhưng chính trong thời gian đó, trong đế quốc bắt đầu nổ ra các cuộc khởi nghĩa của nông dân.

Năm 1707, Aurangzeb qua đời, đế quốc Mogul nhanh chóng suy tàn.

Bố quốc Timur và đế quốc Mogul

Timur sinh năm 1336 trong một gia đình người Mông Cổ đã bị Đột Quyết hóa ở Samarkand. Ông từng làm quan ở hãn quốc Sát Hợp Đài, về sau xưng vương, xây dựng kinh đô tại Samarkand. Ông đã nãm lần chinh phạt đế quốc Khwarezm, Afghanistan và Iran. Từ năm 1389 đến năm 1395, ông ba lần viễn chinh hãn quốc Khâm Sát, đồng thời đánh Iraq, chiếm Baghdad. Năm 1398 ông tấn công Ấn Độ, chiếm được Delhi. Năm 1399, ông viễn chinh phía Tây và chinh phục vùng Tiểu Á, đồng thời đánh bại quân đội của đế quốc Ottoman. Ông còn định chinh phục Trung Hoa, nhưng ít lâu sau thì qua đời. Sau khi Timur qua đời, đế quốc rối loạn, cuối cùng bị người Uzbekistan tiêu diệt.

Người sáng lập đế quốc Mogul là Babur. Ông là cháu trai đời thứ sáu của Timur, cho nên

ông cũng coi mình là người Mông Cổ, còn đế quốc mà ông xây dựng nên được lấy tên là "Mogul" (phát âm gần tương tự như từ "Mongol" trong "Mongolia", nghĩa là "Mông Cổ"). Ngay từ nhỏ Babur đã có ý chí xây dựng lại đế quốc Timur. Nhưng vào thời kì đó, thế lực của người Uzbekistan rất hùng mạnh, nên ông không có nhiều cơ hội ở vùng Trung Á. Vì thế, ông đã chuyển hướng sang Ấn Độ ở phía Nam. Những năm 20 của thế kỷ 16, ông chiếm lưu vực sông Hằng, xây dựng đế quốc Mogul tại Ấn Độ. Sau đó, con trai và cháu trai ông đã củng cố sự thống trị của đế quốc. Đế quốc này được duy trì cho tới khi giới thực dân phương Tây xuất hiện, cuối cùng bị công ty Đông Ấn của nước Anh chinh phục.

Lăng Taj Mahal

Nằm bên bờ sông Yamuna ở phía Bắc Ấn Độ, lăng Taj Mahal là một trong những lăng mộ nổi tiếng nhất Ấn Độ và thậm chí là cả thế giới, được tôn vinh là ki tích về kiến trúc của nhân loại.

Vào thế kỉ 17, người vợ yêu của quốc vương Shah Jahan tên là Mumtaz Mahal không chỉ xinh đẹp yêu kiều, mà còn thông minh tài năng. Lúc sinh thời, bà từng giúp đỡ quốc vương xử lý việc triều chính và rất được sủng ái. Trên đường theo chồng dẫu quân đi chinh phạt, bà không may qua đời. Vô cùng thương tiếc người vợ yêu dấu, Shah Jahan đã huy động hơn 20.000 thợ, chọn dùng những loại vật liệu tốt nhất, tốn một khoản kinh phí khổng lồ và thời gian mười mấy năm để xây dựng khu lăng mộ độc nhất vô nhị trên thế giới này. Ngày nay, lăng Taj Mahal đã trải qua hơn 350 năm dài nắng đầm mưa, bị nước mưa xâm thực trong điều kiện khí hậu nóng nực mưa nhiều của Ấn Độ, nhưng đến nay vẫn hoàn hảo không tì vết. Khu lăng mộ Taj Mahal từ Nam đến Bắc dài 580 m, từ Đông

sang Tây rộng 305 m, ở giữa là một vườn hoa hình vuông xinh đẹp, giữa vườn hoa là một hồ nước xây bằng đá cẩm thạch, cuối hồ là lăng Taj Mahal.

Thiết kế kiến trúc của lăng Taj Mahal vô cùng công phu. Phần lăng mộ với kết cấu bằng đá cẩm thạch trắng tọa lạc trên bệ hình vuông được lát đá sa thạch đỏ, hai khối hình phản chiếu nhau tạo nên hình ảnh rực rỡ đẹp mắt. Đầu của lăng mộ được bao phủ bởi một mái vòm đường kính rộng tới 17 m, vươn cao và tròn đầy. Ở bốn góc của lăng mộ mỗi góc đều có một ngọn tháp nhọn cao 41 m. Hai bên là hai giáo đường Hồi giáo hình dáng giống nhau. Mặt tường bên trong lăng mộ và các viên cửa được khảm các loại đá quý ngũ sắc thành đủ loại hình thù và hoa văn, đẹp không tả xiết.

Thiết kế hồ nước phía trước càng khiến cho lăng Taj Mahal mang vẻ đẹp thuần khiết, tĩnh lặng và trang nghiêm. Có thể nói, lăng Taj Mahal không phải là một khu lăng mộ âm u mà là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời.

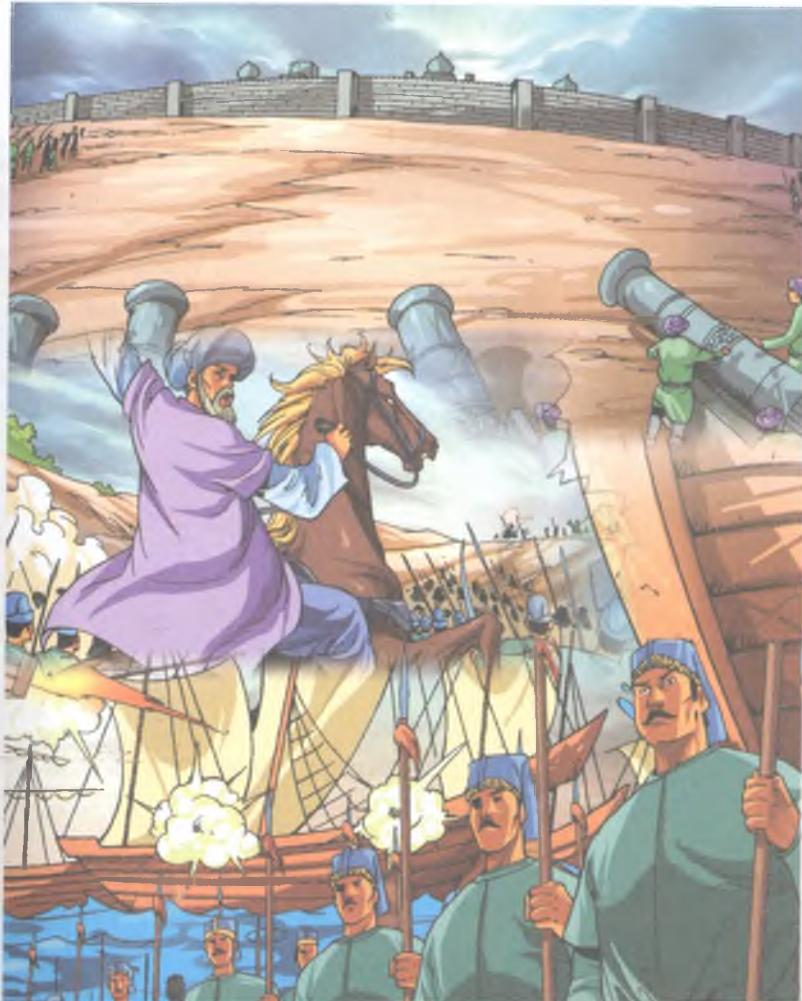


Chương 5: Đế quốc Ottoman

Mô típ chính:

Sự ra đời của đế quốc Ottoman

Người Ottoman là một nhánh khá nhỏ của bộ lạc Đột Quyết. Năm 1281, sau khi đảm nhiệm vị trí thủ lĩnh của bộ lạc, Osman Gazi tuyên bố nhà nước độc lập. Quốc gia mà ông thành lập được gọi là đế quốc Ottoman.



OSMAN
MUÔN
NĂM!

PHẢI THẮNG
TRẬN!

Đã ra đời cùa
đế quốc Ottoman

DÂN TỘC
THỔ NHĨ KỲ
MUÔN NĂM!

Vào thế kỉ 11, một người tên là Osman quyết tâm thống nhất dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ.

Osman liên tiếp chinh phục các thành phố và lăng mạc lần lượt, không ngừng mở rộng thế lực.

CÚ ĐẶT
TÊN NƯỚC LÀ
ĐẾ QUỐC
OTTOMAN!

Năm 1299, Osman
thành lập quốc gia
Hồi giáo mới ở phía
tây vùng Tiểu Á.



MỤC TIÊU
ĐẦU TIÊN
LÀ THÀNH
BURSA!

XÔNG
LÊN!

Trước hết, Orhan chiếm được
cù điểm trọng yếu là thành
Bursa của đế quốc
Đông La Mã!



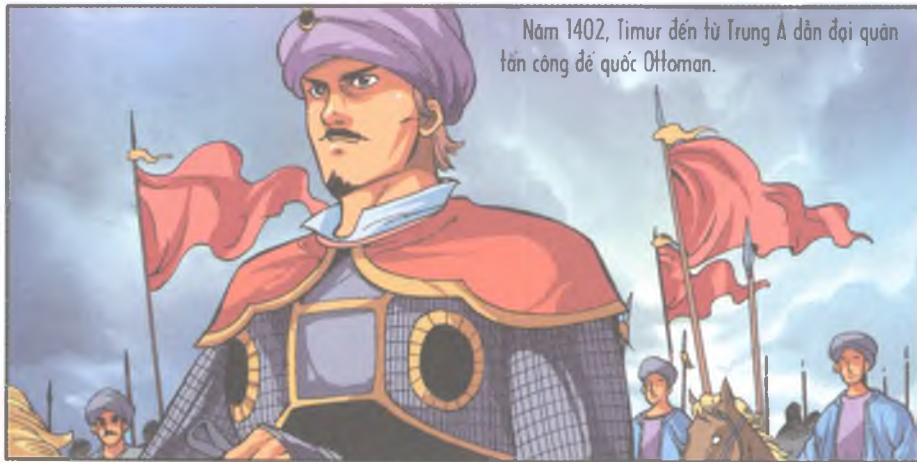
CHÚNG TA PHẢI
LẤY BURSA LÀM
CĂN CỨ DỊA ĐỂ
TIẾP TỤC TIẾN
CÔNG VÀO ĐẾ
QUỐC ĐÔNG
LA MÃ.

Sau khi chiếm được thành Bursa, Orhan quyết định dời kinh đô về nơi này.



Sau khi dời đô về Bursa, Orhan bắt đầu phát động tấn công các thành phố khác của đế quốc Đông La Mã.





NGUY QUẢ,
QUÂN TIMUR
KÉO TỐI RỒI

TIMUR Ủ?
HẮN CHÀ LÀ
CÁI GÌ HẾT!

CÚ ĐÈN DÙ
TA SẼ CHO
HẮN NÈM
MÙI THẮT
BAI!

XÔNG LÊN!
GIẾT!
ĐÁNH!

TẤT CẢ XÔNG
LÊN CHO TA!
KẺ NÀO RUN
SỢ RÚT LUI SẼ
BỊ CHÉM NGAY!



Đế quốc Ottoman thua trận, Bayezid I bị giải tới trước mặt Timur.



Ngày 29 tháng 5 năm 1453, thành Constantinopolis thất thủ, đế quốc Đông La Mã vốn kiểm soát khu vực Địa Trung Hải trong thời gian dài đã bị diệt vong. Lấy cố đô Constantinopolis làm trung tâm, đế quốc Ottoman tiếp tục Nam chinh Bắc phạt, mở rộng bờ cõi ra xung quanh.



Năm 1514, Selim I dẫn quân viễn chinh Iran, về sau lại lần công Ai Cập, chiếm Cairo, đồng thời giành lại các thánh địa Mecca và Medina từ tay tín đồ Cơ Đốc giáo.



TÀ SẼ LÀM
CHO ĐẾ QUỐC
OTTOMAN TRỞ
THÀNH ĐẾ QUỐC
HÙNG MẠNH
NHẤT THẾ
GIỚI.

VÌ THẾ PHẢI
ĐẶT RA PHÁP
LUẬT MỚI, CẢI
CÁCH CHẾ ĐỘ
CHÍNH TRỊ.

SULEIMAN I



PHẢI LÀM
CHO LÃNH
THỔ MỎ RỘNG
VÔ HẠN.

Năm 1529, Suleiman I dẫn
quân tấn công Thành Vienna
của nước Áo nhưng lại bị quân
đội châu Âu đánh bại.



Suleiman I tấn công châu Âu,
lật đổ các linh đài Cơ Đốc giáo.



VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC
CỦA ĐỊA TRUNG
HẢI VÔ CÙNG QUAN
TRỌNG. KIỂM SOÁT
ĐƯỢC NÓ, CHÚNG
TA SẼ CÀNG
MẠNH HƠN.

RÂU ĐỎ, TRẦM
CỦ KHANH DẪN HẢI
QUÂN ĐI GIÀNH LẤY
QUYỀN KIỂM SOÁT
ĐỊA TRUNG
HẢI!

TUẦN MỆNH
BÊ HÀ!

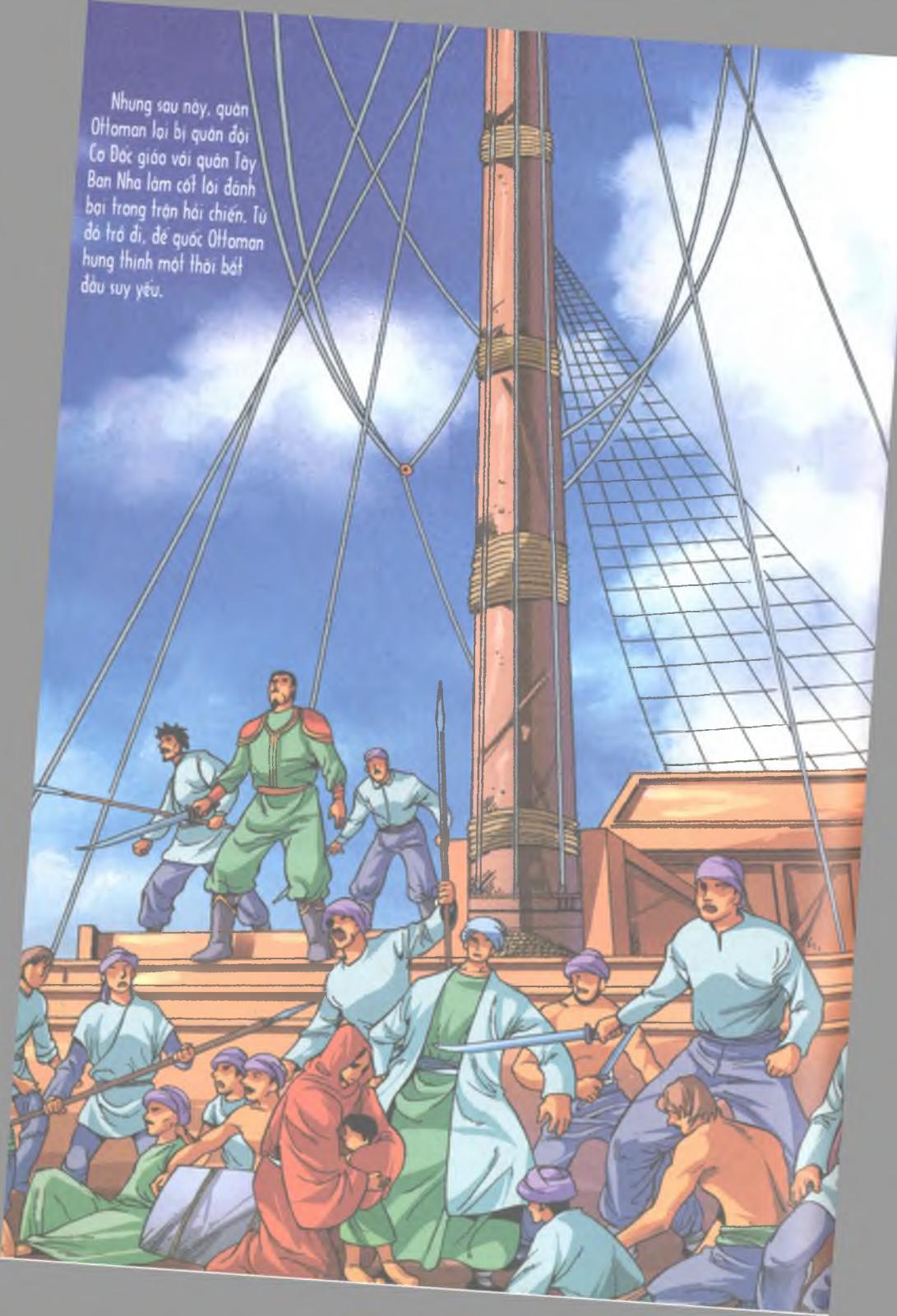
Đế quốc Ottoman không chỉ rất
mạnh về lực quân mà lực lượng
hải quân cũng vô địch. Thống
lĩnh hải quân thời đó chính là
vị tướng "Râu Đỏ" trù danh -
Barbarossa Hayreddin
Pasha.

MỌI NGƯỜI
VÀO VỊ TRÍ!
Khai hỏa!

OÁI!

Năm 1538, hải quân Ottoman đánh tan hạm đội
liên quân gồm Venice, Tây Ban Nha và Giáo hoàng,
giành quyền kiểm soát Địa Trung Hải.

Nhung sau này, quân Ottoman lại bị quân đội
Cao Đốc giáo với quân Tây
Ban Nha làm cát lôi đánh
bại trong trận hải chiến. Từ
đó trở đi, đế quốc Ottoman
hung thịnh một thời bớt
đầu suy yếu.



Bé quốc Ottoman

Người Ottoman là một nhánh nhỏ của bộ lạc Đột Quyết. Vào nửa cuối thế kỉ 11, họ tiến vào vùng Tiểu Á. Ban đầu họ di cư khắp nơi, đến những năm 30 của thế kỉ 13 thì định cư tại góc Tây Bắc của vùng Tiểu Á. Năm 1281, Osman Gazi là thủ lĩnh của bộ lạc. Ông bắt đầu xâm chiếm lãnh thổ của Đông La Mã, đồng thời tuyên bố độc lập, thoát khỏi Hồi quốc Rum Seljuk (quốc gia do người Thổ Nhĩ Kỳ Seljuk thành lập). Quốc gia mới này được đặt tên là Ottoman.

Người đặt nền móng thực sự cho đế quốc Ottoman là Orhan I, ông là con trai thứ của Osman Gazi. Ông cải cách quân đội, thực hiện chế độ trưng binh (gọi nhập ngũ), thành lập đội kị binh và bộ binh. Ông cho dùu tiền, đồng thời lần đầu tiên sử dụng xưng hiệu "Sultan", kiện toàn chế độ thuế, phát triển sự nghiệp giáo dục. Dưới thời những người kế vị ngai vàng sau ông là

Murat I, Bayezid I, Mehmed II và Suleiman I. Đế quốc Ottoman đều đẩy mạnh việc mở rộng lãnh thổ. Vào năm 1453, họ tiêu diệt đế quốc Đông La Mã, trở thành đế quốc xuyên lục địa Âu - Á cuối cùng thời cổ đại. Đế quốc Ottoman ảnh hưởng vô cùng sâu rộng tới vùng Balkan Đông Nam Âu, thậm chí cho tới tận ngày nay, bán đảo Balkan vẫn là "kho thuốc súng" của châu Âu.

Từ giữa thế kỉ 17, do khó khăn bên trong và bên ngoài đan xen, cộng với khung hoảng ở khắp nơi, đế quốc Ottoman dần dần bị các cường quốc phương Tây "gặm nhấm", cuối cùng suy tàn.

Người Ottoman

Người Ottoman vốn thuộc một nhánh của dân tộc Đột Quyết. Vào giữa thế kỉ 13, Hồi quốc Rum Seljuk mà họ vốn lệ thuộc bị cuộc viễn chinh phương Tây của Húc Liệt Ngột đánh bại và dần dần suy yếu, vì thế người Ottoman có cơ hội phát triển lớn mạnh. Osman Gazi - một người Thổ Nhĩ Kỳ sau khi kế nhiệm vai trò tù trưởng của bộ lạc, đã tuyên bố lãnh địa độc lập vào năm 1293 và tự xưng là tổng đốc.

Năm 1326, Osman Gazi trở thành vua Osman I, giành quyền kiểm soát cứ điểm trọng yếu Bursa trên eo biển Dardanelles từ tay Đông La Mã, đồng thời dời đô về nơi này. Quốc gia mà ông thành lập được gọi là đế quốc Ottoman. Vì đế quốc Ottoman giáp ranh với châu Âu, cộng thêm sự khác biệt về tôn giáo, cho nên các cuộc tranh chấp giữa Ottoman với châu Âu liên tục nổ ra, kéo dài tới vài thế kỉ.

"Nhà chinh phục" Mehmed II

Mehmed II trị vì đế quốc Ottoman từ năm 1451 đến năm 1481. Cả cuộc đời ông hầu như sống trong chinh chiến, vì thế ông cũng được gọi là "nhà chinh phục".

Năm 1456, Mehmed II đích thân dẫn quân tấn công Nam Tư, nhưng do người Hungary xuất quân hỗ trợ Nam Tư nên Mehmed II phải quay trở về tay không. Năm sau, quốc vương Hungary qua đời, Mehmed II đánh chiếm bán đảo Balkan một cách thuận lợi, thiết lập quyền bá chủ. Từ năm 1463 đến năm 1479, Mehmed II phải mất tới 16 năm để đánh bại Venice trên biển, chiếm được nhiều hòn đảo vốn thuộc về Venice. Đế quốc Ottoman còn giành được quyền kiểm soát Biển Đen một cách thuận lợi.

Năm 1481, Mehmed II qua đời nhưng ông đã tạo ra thời đại đỉnh cao của đế quốc Ottoman cho con cháu sau này.

TÙ BIỂN BÁCH KHOA LỊCH SỬ BỐ TÚI

Chế độ sở hữu đất đai phong kiến

Đế quốc Ottoman thực thi chế độ sở hữu đất đai phong kiến, tất cả đất đai đều thuộc về *Sultan* (từ chữ "nhà vua" ở một số quốc gia Hồi giáo), dân du mục Thổ Nhĩ Kỳ có thể tự do chăn thả trên đất của *Sultan*.

Sultan để lại phần đất đai tốt nhất làm điện trang của hoàng thất, *Sultan* và hoàng tộc được hưởng thu nhập từ phần đất đai đó. Phần đất còn lại hoặc là được dùng làm bỗng lộc ban cho các quan văn võ đại thần, hoặc là dùng hình thức thái ấp để phân phong cho các quý tộc quân sự. Các địa chủ được nhận thái ấp cần phải cung cấp số binh lính tương ứng để thực hiện nghĩa vụ quân sự với *Sultan*.

Sultan còn ban tặng một lượng lớn đất đai cho các nhà thờ Hồi giáo. Loại đất này không được phép trao đổi mua bán.

Đất đai của đế quốc Ottoman chủ yếu dựa vào việc trồng trọt của nông dân. Họ phải nộp tô đất bằng hiện vật cho địa chủ, đồng thời nộp các khoản thuế cho quốc gia. Ngoài nông dân, còn có rất nhiều nô lệ làm việc cho các địa chủ phong kiến. Họ làm ruộng, khai thác mỏ, ra biển đánh cá và làm các công việc vặt trong nhà cho địa chủ phong kiến.

Thành Constantinopolis

Thành Constantinopolis có tên cũ là "Byzantium", từng là thủ đô của đế quốc Đông La Mã. Constantinus Đại đế đã đóng đô tại đây vào năm 330. Sau khi đế quốc Đông La Mã bị quân Thập tự đánh bại trong cuộc Thập tự chinh lần thứ tư vào năm 1204, thành Constantinopolis cũng bị chiếm, tuy về sau bị quân đội của đế quốc Nicaea (đế quốc do các quý tộc Đông La Mã bỏ chạy khỏi Constantinopolis lập nên) thu phục, trở thành thủ đô của đế quốc Đông La Mã được thành lập lại, nhưng vị thế bá chủ của nó trước đây đã bị lung lay. Không lâu sau, nó bị Mehmed II dẫn quân đánh chiếm một lần nữa. Từ đó về sau, thành Constantinopolis là thủ đô của đế quốc Ottoman, cho tới sau khi nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ thành lập mới dời đô tới Ankara.

Năm 1930, thành Constantinopolis được chính thức đổi tên thành Istanbul, đến ngày nay vẫn là thành phố lớn đầu tiên của Thổ Nhĩ Kỳ.



Chiến lược đánh chiếm thành Constantinopolis

Thành Constantinopolis nằm ở cửa phía Nam thuộc bờ Tây eo biển Bosphorus, cả thành phố có hình tam giác: mặt phía Bắc là vịnh Sừng Vàng, ở lối vào có xích sắt phong tỏa; mặt phía Nam là biển Marmara, ven bờ biển người ta xây dựng các công sự phòng ngự; mặt phía Tây là đất liền, ngoài hai bức tường thành ra còn có đường hào rộng chừng 20 m, sâu 30 m, dễ phòng thủ và khó tấn công.

Năm 1453, "nhà chinh phục" Mehmed II dẫn đội quân kỵ binh và bộ binh 9 vạn người, đội thuyền gồm 320 chiếc tới bao vây thành Constantinopolis từ hai phía thủy bộ hòng tiêu diệt hoàn toàn đế quốc Đông La Mã. Thời đó, trong thành Constantinopolis có khoảng 9.000 quân phòng thủ, trên biển thì có một hạm đội

gồm hơn 20 chiếc thuyền buồm lớn. Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ tấn công mạnh trên đất liền trước, nhưng do quân phòng thủ ngoan cường chống trả nên quân Thổ Nhĩ Kỳ đánh trở về tay không. Trên biển, hải quân Đông La Mã cũng phá được vòng phong tỏa của quân Thổ Nhĩ Kỳ thành công.

Vốn là người đa mưu túc trí, trước hết Mehmed II mua chuộc người Genova, hứa hẹn sẽ giữ lại đặc quyền buôn bán của họ, sau đó đi vòng qua lãnh địa của người Genova ra vịnh Sừng Vàng ở phía sau thành Constantinopolis, đồng thời cho lắp đặt cầu phao tại chỗ hẹp nhất, trên cầu đặt thật nhiều đại bác (hỏa pháo). Sau khi trận chiến được triển khai một lần nữa, thành Constantinopolis bị đánh úp sau lưng cuối cùng đã thất thủ.

NIÊN BIỂU SỰ KIỆN LỊCH SỬ

THỜI GIAN	TRUNG HOA VÀ ĐẾ QUỐC MÔNG CỔ	CÁC VÙNG KHÁC
875	Hoàng Sào hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Vương Tiên Chi.	
907	Tiết độ sứ Chu Ôn (Chu Toàn Trung) tiêu diệt nhà Đường, thành lập nhà Hậu Lương.	
916	Người Khiết Đan thành lập nước Liêu.	Cao Ly thống nhất Triều Tiên (năm 918).
960	Triệu Khuông Dẫn thay thế nhà Hậu Chu, thành lập nhà Bắc Tống.	
1038	Người Đảng Hạng thành lập nhà Tây Hạ.	
1115	Người Nữ Chân thành lập nhà Kim.	
1127	Do nước Kim tấn công, nhà Bắc Tống dời xuống phía Nam, triều Nam Tống ra đời.	
1155	Thiết Mộc Chân ra đời.	
1203	Thiết Mộc Chân tiêu diệt người Khắc Liệt.	Quân Thập tự viễn chinh phương Đông lần thứ tư (từ năm 1202 đến năm 1204).
1206	Thiết Mộc Chân thống nhất dân tộc Mông Cổ, đồng thời đổi xưng hiệu thành Thành Cát Tư Hãn.	
1209	Thành Cát Tư Hãn đánh Tây Hạ.	Vua John của nước Anh bị Giáo hoàng La Mã khai trừ giáo tịch (năm 1210).
1214	Thành Cát Tư Hãn tiến vào Trung Đô (Bắc Bình) của nước Kim. Nước Kim dời đô về Biện Lương (Khai Phong).	Vua John của nước Anh kí kết "Đại Hiến chương" (năm 1215).
1219	Thành Cát Tư Hãn viễn chinh phương Tây lần thứ nhất (đến năm 1224).	
1220	Quân Mông Cổ tiêu diệt đế quốc Khwarezm. Quân Mông Cổ xâm chiếm phía Bắc Ấn Độ (năm 1221).	
1227	Thành Cát Tư Hãn lâm bệnh qua đời trên đường trở về sau cuộc viễn chinh Tây Hạ. Hãn quốc Sát Hợp Đài thành lập ở Trung Á (đến năm 1330).	
1229	Oa Khoát Đài lên ngôi.	
1234	Hoàng đế nước Kim tự sát, triều Kim diệt vong.	
1235	Oa Khoát Đài đóng đô ở Karakorum.	
1236	Bạt Đô bắt đầu viễn chinh châu Âu (cuộc viễn chinh phương Tây lần thứ hai của quân Mông Cổ).	



THỜI GIAN	TRUNG HOA VÀ ĐẾ QUỐC MÔNG CỔ	CÁC VÙNG KHÁC
1246	Giáo hoàng La Mã phái sứ giả đến Karakorum.	
1254	Vua Pháp phái sứ giả đến thăm Mông Cổ.	
1258	Húc Liệt Ngột bắt đầu viễn chinh Tây Nam Á (cuộc viễn chinh phương Tây lần thứ ba của quân Mông Cổ). Húc Liệt Ngột dẫn quân Mông Cổ đi chiếm Baghdad, tiêu diệt vương triều Abbas (năm 1258).	
1260	Hốt Tất Liệt trở thành Đại Hãn đời thứ năm của đế quốc Mông Cổ.	
1264	Hốt Tất Liệt dời đô về Đại Đô (Bắc Bình).	
1266	Cuộc nổi loạn Hải Đô diễn ra.	Nghị viện nước Anh thành lập (năm 1265).
1269	Lạt Ma tăng Bát Tư Ba sáng tạo ra chữ viết Bát Tư Ba (chữ Mông Cổ).	Quân Thập tự viễn chinh phương Đông lần thứ bảy (năm 1270).
1271	Hốt Tất Liệt đổi quốc hiệu thành "Nguyên", triều Nguyên chính thức thành lập.	
1274	Cuộc viễn chinh Nhật Bản của Hốt Tất Liệt thất bại.	
1275	Marco Polo đến Đại Đô, ở lại Trung Hoa hơn 17 năm.	
1280	Nam Tống bị diệt vong trong trận Nha Sơn.	
1281	Quách Thủ Kính sáng tạo ra lịch Thụ Thời.	Cuộc xâm lược nước Đại Việt của quân Nguyên thất bại (năm 1288).
1292	Marco Polo rời khỏi lãnh thổ triều Nguyên.	Quân Nguyên viễn chinh Java.
1294	Hốt Tất Liệt qua đời.	
1295	Marco Polo trở về Venice.	Đế quốc Ottoman thành lập (năm 1299).
1310	Hãn quốc Sát Hợp Đài hợp nhất với Hãn quốc Oa Khoát Đài.	Nước Pháp sáng lập Hội nghị ba đẳng cấp (năm 1302).
1313	Triều Nguyên thực thi chế độ khoa cử.	
1346	Nhà du hành người Maroc Ibn Battuta tới Đại Đô.	Chiến tranh Trăm năm bắt đầu (từ năm 1337 đến năm 1453).
1351	Cuộc khởi nghĩa Khăn Đỏ bắt đầu, lực lượng chống nhà Nguyên của các vùng ngày càng lớn mạnh.	
1353	Chu Nguyên Chương khởi binh chống nhà Nguyên.	
1368	Người Mông Cổ bị xua về phương Bắc, triều Nguyên diệt vong. Chu Nguyên Chương thành lập triều Minh, Trung Hoa một lần nữa bị người Hán cai trị.	

